

PHẦN I : CHUYÊN ĐỀ LỊCH SỬ 11**CHỦ ĐỀ 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY****A. KIẾN THỨC CƠ BẢN****1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết**** Sự ra đời của Chính quyền Xô viết*

- Tháng 2-1917:

+ Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo nhân dân Nga làm cách mạng lật đổ chế độ Nga hoàng, bầu ra các Xô viết.

+ Giai cấp tư sản cũng thành lập Chính phủ lâm thời.

- Tháng 10-1917:

- Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo các Xô viết làm Cách mạng tháng Mười.

- 25-10, Đại hội Xô viết toàn Nga lần II họp, thành lập Chính phủ Xô viết, do Lê-nin đứng đầu.

** Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết*

- 1918 - 1920: Nước Nga Xô viết và các nước cộng hoà Xô viết liên minh cùng đánh bại kẻ thù chung.

- Tháng 12-1922: Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang thông qua bản Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

- Năm 1924: Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

** Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết Đối với Liên Xô*

- Xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn lãnh thổ Liên Xô.

- Thể hiện quyền dân tộc tự quyết, sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết.

Đối với thế giới

- Tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc tế.

- Để lại những bài học quý báu về mô hình nhà nước XHCN.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991**a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991**** Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh***CHÂU Á**- *Mông Cổ*

+ Năm 1924: Hoàn thành cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

+ Năm 1940: Định hướng phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- *Triều Tiên*: Năm 1948, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.- *Trung Quốc*: Năm 1949, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.- *Việt Nam*

+ Năm 1954: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Năm 1975: Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam và thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1976), cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Lào*: Năm 1975, Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. MỸ LA-TINH- *Cuba*

+ Năm 1959: Cách mạng Cu-ba thành công, Cộng hoà Cu-ba ra đời.

+ Năm 1961: Cu-ba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội,

** Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu*

- 1944-1945: Trước thất bại của chủ nghĩa phát xít và được sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, các nước Đông Âu đã thành lập chính quyền dân chủ nhân dân.

- 1945-1949:

+ Các nước Đông Âu hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

+ Năm 1949, Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời và tham gia vào hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

- 1950- đầu những năm 70 của thế kỉ XX: Các nước Đông Âu xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.

b. Nguyên nhân sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

** Nguyên nhân chủ quan*

- Các nhà lãnh đạo của Đảng, Nhà nước mắc nhiều sai lầm nghiêm trọng trong các đường lối, chính sách cải tổ.

- Những hạn chế của mô hình kinh tế - xã hội không được nhận thức đầy đủ và sửa chữa tích cực.

- Chưa khai thác tốt thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

- Tình trạng quan liêu, vi phạm dân chủ; xu hướng dân tộc chủ nghĩa và li khai xuất hiện.

** Nguyên nhân khách quan*

Sự chống phá của các thế lực thù địch.

3. Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, CNXH không còn là một hệ thống thế giới. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước như Trung Quốc, Việt Nam, Lào vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh.

- **Trung Quốc:** Đường lối cải cách tiếp tục được triển khai với chủ trương lấy phát triển trên Đường lối trung tâm, xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đã kinh tế là cửa với mục tiêu hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

- **Việt Nam:** Tiến hành đổi mới, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh.

- **Lào:** Sau gần 40 năm đổi mới, đất nước vượt qua nhiều khó khăn. Kinh tế Lào đạt mức tăng trưởng cao trong nhiều năm. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

- **Cuba:**

+ Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp tục được duy trì nhưng không có nhiều thành tựu đột phá.

+ Tiếp tục ở trong tình trạng bị cấm vận từ bên ngoài.

*** Ý NGHĨA**

Những thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đã nhận được sự đánh giá cao của cộng đồng quốc tế, đồng thời chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới tiếp tục có nhiều biến động.

4. Thành tựu của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc

Lĩnh vực	Thành tựu
Chính trị	Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra và xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. - Tổng sản lượng kinh tế lần lượt vượt qua Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản. Từ năm 2010, nền kinh tế Trung Quốc vượt qua Nhật Bản và duy trì vị trí thứ hai thế giới (đứng sau Mỹ). - Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao. - Dự trữ ngoại tệ đứng hàng đầu thế giới.
Khoa học - kĩ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1992, Trung Quốc thực hiện chương trình thám hiểm không gian. - Năm 2003, Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới (sau Liên Xô, Mỹ) có tàu đưa con người bay vào vũ trụ. Hệ thống tàu cao tốc thể hiện sự phát triển nhanh chóng của khoa học kĩ thuật.
Đối ngoại	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách đối ngoại thay đổi theo xu thế đa dạng hoá, đa phương hoá. - Vai trò và vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao. - Thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (năm 1997) và Ma Cao (1999).
Một số lĩnh vực khác	<ul style="list-style-type: none"> - Nền giáo dục quốc dân phát triển mạnh trên quy mô lớn và có nhiều tiến bộ, xuất hiện nhiều trường đại học chất lượng cao. - Trở thành cường quốc xuất khẩu vũ khí và trang thiết bị quân sự.

** Ý nghĩa:*

Đối với Trung Quốc

- Khẳng định đường lối cải cách, mở cửa là đúng đắn.

- Vị thế Trung Quốc nâng cao trên trường quốc tế.

Đối với thế giới

- Chứng tỏ sức sống của chủ nghĩa xã hội. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước xã hội chủ

nghĩa khác.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi đã trực tiếp dẫn đến sự ra đời của

- A. hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- B. Đảng Cộng sản Nga và Chính phủ Nga.
- C. Chính quyền Xô viết Nga.
- D. Liên bang Xô viết.

Câu 2. Bối cảnh lịch sử nào sau đây dẫn đến sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Các nước cộng hoà Xô viết chưa có sự thống nhất về các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục.
- B. Nước Nga xuất hiện cục diện hai chính quyền song song tồn tại, đại diện cho lợi ích các giai cấp khác nhau.
- C. Nước Nga thua trận trước cuộc tấn công của 14 nước đế quốc, bị mất nhiều vùng lãnh thổ quan trọng.
- D. Nước Nga thực hiện thành công chính sách Kinh tế mới, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Sự kiện nào sau đây diễn ra vào tháng 12-1922?

- A. Quốc tế Cộng sản thành lập.
- B. Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- C. Nga thực hiện thành công chính sách Kinh tế mới.
- D. Bản Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thông qua.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tới năm 1922, trên lãnh thổ của nước Nga trước đây đã tồn tại sáu nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa: Nga, U-crai-na, Bê-la-rút, A-đéc-bai-gian, Ác-mê-ni-a và Gru-di-a. Đặc điểm nổi bật giữa các nước cộng hoà này là sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hoá và chính trị. Lúc này, những vùng công nghiệp còn như "những hòn đảo nhỏ" trong "đại dương" nông nghiệp to lớn. Các nước cộng hoà vùng Trung Á, Bắc Cáp-ca-đor, Xi-bi-a... vẫn trong tình trạng hết sức lạc hậu về kinh tế và văn hoá, thậm chí có nơi còn tồn tại những tàn tích của quan hệ phong kiến – gia trưởng. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã mang lại sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hoà Xô viết. Nhưng sự bình đẳng ấy chỉ thật sự vững chắc khi dựa trên cơ sở bình đẳng về kinh tế và văn hoá – tức là sự phát triển không ngừng về kinh tế và văn hoá của các dân tộc”. (Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.45-46)

- A. Nhà nước Xô viết Nga quyết định đổi tên là Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết năm 1922.
- B. Theo tác giả, đặc điểm nổi bật giữa các nước cộng hoà trên lãnh thổ của Liên Xô là sự phát triển đồng đều về kinh tế, văn hoá và chính trị.
- C. Theo tác giả, một trong những ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười năm 1917 là đã mang lại sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hoà Xô viết.
- D. Theo tác giả, sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hoà Xô viết chỉ thực sự vững chắc trên cơ sở

sự phát triển không ngừng về kinh tế và văn hoá của các dân tộc.

Câu 5. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng sự mở rộng của Liên Xô từ năm 1922 đến năm 1940?

- A. Có thêm 11 nước cộng hoà gia nhập Liên Xô.
- B. Chủ nghĩa xã hội mở rộng sang Đông Âu.
- C. Có thêm 4 nước cộng hoà gia nhập Liên Xô.
- D. Nước Nga Xô viết đổi thành Liên Xô.

Câu 6. Sự kiện nào sau đây đánh dấu hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Cách mạng tháng Hai ở Nga (năm 1917).
- B. Cách mạng tháng Mười ở Nga (năm 1917).
- C. Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang (năm 1922).
- D. Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua (năm 1924).

Câu 7. Một trong những ý nghĩa của sự ra đời Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết là

- A. đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản.
- B. thể hiện sự đoàn kết của các nước Cộng hoà Xô viết.
- C. hình thành nhà nước vô sản đầu tiên trong lịch sử nhân loại.
- D. khẳng định sức mạnh văn hoá của Nhà nước Xô viết Nga.

Câu 8. Đối với thế giới, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa nào sau

đây?

- A. Mở rộng quan hệ hợp tác với phương Tây.
- B. Tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc tế.
- C. Mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.
- D. Để lại bài học kinh nghiệm về cách mạng tư sản.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Liên Xô, nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra có sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được Nhà nước Xô viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít.

(Hồ Chí Minh, Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.388-389),

- A. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập năm 1917,
- B. Tác giả nhận định Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới,
- C. Đoạn tư liệu đề cập vai trò của Liên Xô từ khi thành lập đến khi sụp đổ,
- D. Tác giả đánh giá cao sức mạnh và vai trò của Liên Xô.

Câu 10. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nước duy nhất đi theo con đường chủ nghĩa xã hội trên thế giới là

- A. Cu-ba. C. Triều Tiên. B. Liên Xô. D. Lào.

Câu 11. Bối cảnh nào sau đây đã tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền và thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân?

- A. Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã khiến cho các nước tư bản chủ nghĩa bị thiệt hại nặng nề.
- C. Sự thất bại về quân sự của các nước phát xít và sự ủng hộ của Hồng quân Liên Xô.
- D. Cách mạng Trung Quốc thành công, nối liền chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á.

Câu 12. Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự hình thành hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới?

- A. Các nước Đông Âu xây dựng hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân (1945).
- B. Các nước Đông Âu hoàn thành cơ bản cuộc cách mạng dân chủ nhân dân (1949).
- C. Nước Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời (1948) ở châu Âu.
- D. Các nước Đông Âu xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế.

Câu 13. Một trong những ý nghĩa của việc hình thành và phát triển của hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới là

- A. làm cho chủ nghĩa tư bản hoàn toàn suy yếu.
- B. trở thành chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới.
- C. làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực trên thế giới.
- D. làm xuất hiện khuynh hướng cách mạng vô sản trên thế giới.

Câu 14. Cho bảng dữ kiện sau đây về sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Thời gian	Nội dung
Năm 1948	Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1949	Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thành lập.
Năm 1954	Miền Bắc Việt Nam được giải phóng và bước đầu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1975	Kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1976	Nước Việt Nam thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1961	Cu-ba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- A. Miền Bắc Việt Nam bước đầu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- B. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đánh dấu chủ nghĩa xã hội mở rộng từ châu Âu sang châu Á.
- C. Cu-ba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội năm 1961, chính thức mở đầu quá trình mở rộng

của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

D. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh chứng tỏ sự thất bại nhanh chóng của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 15. Đến đầu những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới bao gồm 14 quốc gia tập trung ở

A. Tây Âu, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

B. Nam Âu, châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.

C. Tây Âu, châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.

D. Châu Âu, châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.

Câu 16. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô phản ánh điều gì sau đây?

A. Sự sụp đổ của một mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa không phù hợp.

B. Sự sụp đổ toàn bộ của hình thái nhà nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

C. Chiến lược toàn cầu của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất thành công.

D. Chiến tranh lạnh trên thế giới chấm dứt sau gần nửa thế kỉ tồn tại.

Câu 17. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong những năm 1989-1991 đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, dẫn đến hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại nữa. Từ những đổ vỡ ấy, nhiều bài học kinh nghiệm đau xót được rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay đang tiến hành công cuộc cải cách – đổi mới, nhằm xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn vì giải phóng và hạnh phúc con người, phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống văn hóa của mỗi quốc gia dân tộc”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.466)

A. Với sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, chủ nghĩa xã hội không còn là hệ thống trên thế giới.

B. Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng không còn tồn tại nữa.

C. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô vào cuối những năm 90 của thế kỉ XX đã gây tổn thất nặng nề đối với các nước phương Tây.

D. Một bài học rút ra từ sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô là xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn.

Câu 18. Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, Việt Nam tiếp tục

A. tiến hành công cuộc Đổi mới.

B. chuyển sang trọng tâm là đổi mới chính trị.

C. thực hiện cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

D. thay đổi toàn diện mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Câu 19. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, xu thế chung của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại là

A. đổi mới, cải cách, mở cửa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. thực hiện nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp.

C. tăng cường chạy đua vũ trang để nâng cao sức mạnh quốc phòng.

D. đổi mới đất nước toàn diện, trọng tâm là đổi mới hệ thống chính trị.

Câu 20. Sau khi Liên Xô sụp đổ, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh ở

A. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba.

B. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

C. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Mông Cổ.

D. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Ấn Độ.

Câu 21. Đường lối chung trong Đại hội XII (1982) và Đại hội XIII (1987) của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định

A. đổi mới toàn diện, đồng bộ sang nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

B. đổi mới chính trị là nền tảng để đổi mới kinh tế và văn hoá.

C. lấy phát triển về kinh tế là trung tâm, tiến hành cải cách, mở cửa.

D. thực hiện cải tổ hệ thống chính trị làm trung tâm.

Câu 22. Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào?

- A. Xoá đói giảm nghèo.
- B. Cải thiện chỉ số phát triển con người.
- C. Ổn định chính trị – xã hội.
- D. Trở thành nước công nghiệp phát triển cao.

Câu 23. Một trong những khó khăn lớn của Cu-ba trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 là

- A. bị bao vây, cấm vận từ bên ngoài.
- B. Đảng Cộng sản Cu-ba không còn lãnh đạo đất nước.
- C. không thể hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. không có điều kiện để canh tác nông nghiệp.

Câu 24. Thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba từ năm 1991 là biểu hiện cho thấy

- A. sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động.
- B. chủ nghĩa xã hội gắn liền với kinh tế thị trường nhiều thành phần.
- C. chủ nghĩa tư bản chính thức không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới.
- D. chủ nghĩa xã hội ngày càng được mở rộng và phát triển trên thế giới.

Câu 25. Một trong những thành tựu lớn về chính trị trong công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc là

- A. đề ra và xây dựng được hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
- B. hoàn thành mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực kinh tế, văn hoá và giáo dục quốc dân.
- C. thay đổi hiến pháp để phù hợp với tình hình mới của đất nước.
- D. Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức nắm quyền lãnh đạo đất nước.

Câu 26. Năm 1999 đã diễn ra sự kiện nào sau đây?

- A. Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách, mở cửa.
- B. Hồng Kông trở lại thuộc chủ quyền của Trung Quốc.
- C. Ma Cao trở lại thuộc chủ quyền của Trung Quốc.
- D. Trung Quốc trở thành cường quốc số 1 thế giới về chinh phục vũ trụ.

Câu 27. Năm 2010, kinh tế Trung Quốc đạt thành tựu nào sau đây?

- A. Vượt qua Mỹ, trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới.
- B. Vượt qua Nhật Bản và duy trì vị trí thứ hai thế giới.
- C. Vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai châu Á.
- D. Vươn lên trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

Câu 28. Sự tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc đã đưa nước này trở thành

- A. quốc gia giải quyết được triệt để tình trạng đói nghèo.
- B. nền kinh tế phát triển cân bằng nhất trên thế giới.
- C. một trong những nhân tố quan trọng cho sự tăng trưởng của kinh tế thế giới.
- D. yếu tố phá vỡ sự độc quyền nhiều thập kỉ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 29. Nội dung nào sau đây thể hiện sự phát triển khoa học - kỹ thuật Trung Quốc trong thời kì cải cách, mở cửa?

- A. Trở thành quốc gia có trình độ công nghệ số 1 thế giới.
- B. Hệ thống tàu cao tốc hiện đại, được mở rộng không ngừng.
- C. Sản xuất hệ thống tàu ngầm tiên tiến nhất thế giới.
- D. Độc quyền thử nghiệm thành công vũ khí hạt nhân.

Câu 30. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc hướng đến mục tiêu xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh, hải hoà, tươi đẹp vào giữa thế kỉ này. Một trong những trụ cột để thực hiện mục tiêu trên là xây dựng hệ thống kinh tế hiện đại hoá".

(Đảng Cộng sản Trung Quốc, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIX, năm 2017)

- A. Đoạn tư liệu đề cập đến nguyên nhân chính đưa Trung Quốc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Một trong những mục tiêu của Trung Quốc vào giữa thế kỉ XXI là trở thành một cường quốc hiện đại, giàu mạnh.
- C. Mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc được đề ra ngay sau khi cách mạng Trung Quốc

thành công năm 1949.

D. Xây dựng hệ thống kinh tế hiện đại hoá là một trong những trụ cột để xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

Câu 31. Nội dung nào sau đây không đúng với ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc?

A. Khẳng định đường lối cải cách của Đảng Cộng sản Trung Quốc là đúng đắn.

B. Vị thế của Trung Quốc ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

C. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao.

D. Khẳng định sự ưu việt của kinh tế kế hoạch hoá.

Câu 32. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Sự kiện Liên Xô công nhận Việt Nam, hai nước đặt quan hệ ngoại giao có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đặt cơ sở nền tảng cho quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước, phù hợp với lợi ích của nhân dân Việt Nam, Liên Xô, được dư luận tiến bộ trên thế giới đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để các nước khác công nhận Việt Nam trên trường quốc tế, chấm dứt thời kì cuộc kháng chiến ở thể bị bao vây, mở ra cơ hội thực tiễn trong việc phối hợp hành động và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế một cách trực tiếp. Bên cạnh sự ủng hộ Việt Nam về chính trị Liên Xô còn quyết định viện trợ (thông qua Trung Quốc) về vật chất cho cuộc kháng chiến".

(Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Thị Hồng Dung, Sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trên lĩnh vực quân sự từ năm 1945 đến năm 1975, Tạp chí Lí luận chính trị, số 12, 2019, tr.51–59)

A. Liên Xô không chỉ ủng hộ Việt Nam về chính trị mà còn ủng hộ Việt Nam về vật chất.

B. Một trong những ý nghĩa của việc Liên Xô công nhận Việt Nam là đã tạo điều kiện để các nước khác công nhận Việt Nam.

C. Liên Xô công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

D. Một trong những cơ sở để Liên Xô và Việt Nam có mối quan hệ tốt đẹp là vì mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội của hai nước.

CHỦ ĐỀ 4

CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

* Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

- Việt Nam nằm ở Đông Nam Á - khu vực được coi là ngã tư giữa lục địa Á - Âu và châu Đại Dương, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

- Việt Nam liên kế Trung Quốc, án ngữ Biển Đông, nằm ở cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam

Á hải đảo.

*Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- Vai trò: quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược, tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc, ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hoá

- Ý nghĩa: góp phần hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam; khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

b. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

- Kháng chiến chống quân Nam Hán: 938.

- Kháng chiến chống quân Tống: 981

- Kháng chiến chống quân Tống: 1075-1077

- Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên

- Kháng chiến chống quân Xiêm.

- Kháng chiến chống quân Thanh.

* Nguyên nhân thắng lợi

- Tinh thần yêu nước của người Việt, tính chất chính nghĩa, nhằm mục đích bảo vệ độc lập dân tộc và chủ

quyền lãnh thổ, tinh thần đoàn kết dân tộc; đường lối chiến lược, chiến thuật dùng dân, hiệu quả; sự chỉ huy tài tình của các nhà lãnh đạo và các tướng lĩnh.

* Một số cuộc kháng chiến không thành công:

Kháng chiến chống quân Triệu, tại thành Cổ Loa: 179 TCN

Kháng chiến chống quân Minh, trận thành Đa Bang, thành Đông Đô, thành Tây Đô,...: 1406-1407

Kháng chiến chống thực dân Pháp, trận Đà Nẵng, thành Gia Định, thành Hà Nội, Cầu Giấy. : 1858-1884

* Nguyên nhân không thành công

- Trong cuộc kháng chiến chống quân Triệu, triều đình Âu Lạc đã mất cảnh giác, không có sự phòng bị.
- Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, nhà Hồ không có đường lối kháng chiến dùng dân, chủ yếu dựa vào thành lũy, năng về phòng ngự bị động và rút lui cố thủ.
- Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhà Nguyễn thiếu quyết đoán, thiên về chủ hoà, không đoàn

kết, hợp lực với nhân dân; trang bị và kĩ thuật tác chiến của quân đội cũng yếu kém và lạc hậu.

2. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

a. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

- Khởi nghĩa Hai Bà Trưng: Năm 40, khởi nghĩa bùng nổ. Trưng Trắc sau đó xưng vương, đóng đô ở Mê

Linh. Năm 42, nhà Hán đưa quân đàn áp. Hai Bà Trưng lui quân về Hát Môn rồi hi sinh.

- Khởi nghĩa Bà Triệu: Năm 248, Triệu Quốc Đạt cùng em là Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) nổi dậy khởi nghĩa ở Cửu Chân (Thanh Hoá). Sau khi Triệu Quốc Đạt qua đời, Bà Triệu được tôn làm chủ tướng, cuộc khởi nghĩa lan rộng rồi bị dập tắt.

- Khởi nghĩa Lý Bí: Năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, sau đó lên ngôi vua (Lý Nam Đế), lập nước Vạn Xuân. Năm 545, quân nhà Lương xâm lược. Năm 550. Tiêu Quang Phục thay Lý Bí làm vua. Đầu thế kỉ VII, quân nhà Tuỳ xâm lược, nhà nước Vạn Xuân chấm dứt

- Khởi nghĩa Phùng Hưng: Khoảng những năm 766 780, Phùng Hưng cùng em trai tập hợp dân chúng khởi nghĩa. Sau khi Phùng Hưng mất, con trai là Phùng An lên nối nghiệp. Chính quyền đô hộ nhà Đường sau đó đưa quân đàn áp. buộc Phùng An phải ra hàng.

* Ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

- Là cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên. mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của

người Việt trong thời kì Bắc thuộc.

- Thể hiện sức mạnh và ý chí quật cường của phụ nữ Việt Nam.

Khởi nghĩa Lý Bí

- Khẳng định ý chí và sức mạnh của người Việt trong cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của chính quyền phương Bắc.

- Cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành lại độc lập, tự chủ.

Khởi nghĩa Bà Triệu

- Thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của người Việt trước sự đô hộ của chính quyền phương Bắc.

- Tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chí của phụ nữ Việt Nam.

Khởi nghĩa Phùng Hưng

- Thể hiện ý chí và quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt.

- Cổ vũ tinh thần và góp phần tạo cơ sở cho sự thắng lợi hoàn toàn trong công cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ đầu thế kỉ X.

b. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)

* Bối cảnh lịch sử

Sau khi nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh năm 1407, nhiều cuộc đấu tranh tiếp tục nổ ra trên cả nước.

Năm 1414, nhà Minh biến Đại Việt thành quân Giao Chỉ, thi hành chính sách cai trị hà khắc cùng chế độ thuế khoá nặng nề.

* Diễn biến chính

- 1418-1423: Lê Lợi tập hợp nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa tại căn cứ Lam Sơn. Quân Minh liên tục tấn công. Lực lượng khởi nghĩa gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Nghĩa quân sau đó tạm hoà với quân Minh.

- 1424-1426: Nghĩa quân chuyển hướng hoạt động vào phía nam, giải phòng Nghệ An, Thanh Hoá, Thuận Hoá rồi tấn công ra Bắc.
- 1426-1427: Nghĩa quân giành thắng lợi trong trận Tốt Động - Chúc Động, bao vây Đông Quan, đánh tan viện binh nhà Minh trong trận Chi Lăng - Xương Giang. Quân Minh chấp nhận nghị hoà, rút về nước
- * Ý nghĩa:
 - Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt
 - Mở ra thời kì phát triển mới cũng nên độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt.

c. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)

* Bối cảnh lịch sử

Đàng Ngoài chính quyền Lê Trịnh suy theo tình trong mát mùa, đói kém diễn ra thường xuyên - Đào lược khởi

nghĩa nông dân liên tục bùng nổ

Ở Đàng Trong: tầng lớp quý tộc, quan lại số hưởng lạc, xa xỉ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

thuần xã hội ngày càng sâu sắc.

* Diễn biến chính

- 1771-1777: Khởi nghĩa bùng nổ. Chính quyền chúa Nguyễn chạy vào Gia Định. Nguyễn Nhạc xưng vương. Quân Tây Sơn đánh tan phần lớn lực lượng của chúa Nguyễn.
- 1777-1785: Nghĩa quân kiểm soát phần lớn Đàng Trong. Nguyễn Ánh cầu viện vua Xiêm. Quân Xiêm bị quân Tây Sơn đánh bại trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút.
- 1786-1789: Nguyễn Huệ đưa quân ra Thăng Long chính quyền chúa Trịnh sụp đổ. Vua là sau đó cầu cứu nhà Thanh, quân Thanh bị quân Tây Sơn đánh tan trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa.
- 1789-1802: Ở vùng đất phía nam, Nguyễn Ánh từng bước chiếm lại Gia Định. Sau khi Quang Trung qua đời, Quang Toản lên thay, nội bộ triều đình mâu thuẫn. Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại triều đình Quang Toản.

* Ý nghĩa

- Lần lượt đánh đổ các chính quyền chúa Nguyễn chúa Trịnh, vua Lê, đồng thời xóa bỏ ranh giới cha cật đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất quốc gia
- Thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc chống quân xâm lược Xiêm và Thanh đã đập tan ý đồ can thiệp, xâm lược Đại Việt của các thế lực ngoại bang, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

* Về vận động, tập hợp lực lượng: xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Nội dung nào sau đây thể hiện vị trí địa chiến lược của Việt Nam?

- A. Nằm giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- B. Cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.
- C. Cầu nối giữa khu vực Đông Á và khu vực Bắc Á
- D. Là cửa ngõ tiến vào Trung Quốc từ phía đông.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai,

"Được kết nối thuận tiện bởi đại dương với phần còn lại của Đông Nam Á, và nằm chính xác ngay tại vị trí đô, Việt Nam chiếm giữ một vị trí quan trọng về mặt chiến lược ở ngã tư đường của thế giới châu Á. Tuyến đường biển giữa Trung Quốc và Ấn Độ được kiểm soát bởi các đội thuyền của Phù Nam và Chăm-pa chừng nào sức mạnh của các vương quốc này chưa bị suy giảm. Hoạt động từ vịnh Cam Ranh ở miền Nam Việt Nam, thậm chí ngày nay một hạm đội mạnh có thể kiểm soát toàn bộ Biển Đông từ Xin-ga-po đến Pho-mu- sa và từ Ma-ni-la đến Hải Phòng".

(Giô-sép Bất-tĩnh-gờ, Con rồng nhỏ hơn – Một lịch sử chinh trị của Việt Nam [bản tiếng Anh], Niu Y-ôóc, 1962, tr.45)

- A. Từ Việt Nam có thể kiểm soát một khu vực rộng lớn ở Biển Đông.
- B. Việt Nam có tiềm lực quân sự và kinh tế, văn hoá to lớn.
- C. Việt Nam có vị trí địa - chiến lược quan trọng.
- D. Việt Nam có vai trò chính trị đặc biệt trên thế giới.

Câu 3. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đến yếu tố nào sau đây?

- A. Sự tồn vong của quốc gia, dân tộc.

- B. Sự thành công về xã hội của quốc gia.
- C. Sự suy thoái và phát triển của đất nước.
- D. Mô hình phát triển của quốc gia.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Hình thành truyền thống bất khuất, đảm đang, tôn trọng người cao tuổi.
- B. Hình thành và phát triển tinh thần yêu nước, trung thực, nhân ái, cần cù.
- C. Phát triển đức tính chăm chỉ, chịu khó, trung thực, nhân ái và hiếu học.
- D. Hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất.

Câu 5. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc góp phần khơi dậy và củng cố yếu tố nào sau đây của dân tộc Việt Nam?

- A. Lòng tự hào giai cấp, tinh thần tự tôn dân tộc,
- B. Tinh thần đoàn kết, chủ nghĩa địa phương.
- C. Tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.
- D. Lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết giai cấp.

Câu 6. Kết quả của cuộc kháng chiến do Ngô Quyền lãnh đạo năm 938 là

- A. quân Nam Hán bị cháy toàn bộ binh thuyền.
- B. quân Nam Hán bị đắm toàn bộ binh thuyền.
- C. quân Nam Hán bị tiêu diệt toàn bộ.
- D. quân Nam Hán thất bại nhanh chóng.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoảng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngô hầu đã nổi lại được".

(Lời của Lê Văn Hưu, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.204-205)

- A. Ngô Quyền đã nối lại quốc hiệu của Việt Nam sau nhiều thế kỉ.
- B. Ngô Quyền có vai trò và đóng góp lớn trong tiến trình lịch sử dân tộc.
- C. Ngô Quyền đã có công nối lại chính thống của nước Việt.
- D. Ngô Quyền mở đầu chế độ phong kiến của Việt Nam.

Câu 8. Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (981), nhiều trận chiến lớn đã diễn ra

- A. trên sông Chi Lăng, sông Lô, sông Gianh,...
- B. trên sông Bạch Đằng, sông Lam, sông Cà,...
- C. trên sông Đà, sông Lô, sông Thao, sông Mã,...
- D. trên sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng,...

Câu 9. Nội dung nào sau đây thể hiện nét chính của cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075-1077)?

- A. Nhà Lý tấn công tiêu diệt toàn bộ quân Tống, sau đó rút quân, xây dựng phòng tuyến lớn ở biên giới.
- B. Nhà Lý chủ động tấn công vào đất Tống, sau đó rút quân về nước, xây dựng phòng tuyến quy mô lớn.
- C. Nhà Lý tấn công quân Tống, sau đó tập trung xây dựng phòng tuyến quanh kinh thành Đông Đô.
- D. Nhà Lý tấn công vào trung tâm đất Tống, sau đó tập trung xây dựng phòng tuyến phòng thủ trên biển.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Năm 1075] "Vua biết tin, sai Lý Thường Kiệt, Tông Đản đem hơn 10 vạn binh đi đánh. Quân thủy, quân bộ đều tiến. Thường Kiệt đánh các châu Khâm, Liêm; Đản vây châu Ung. Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Thường Kiệt đòn đánh ở cửa ải Côn Lôn (nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây của nhà Minh) phá tan được, chém Thủ Tiết tại trận. Trị Ung cháu là Tô Giám cố thủ không hàng. Quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chồng bao đất trèo lên thành. Thành bên bị hạ".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.278)

- A. Quân đội nhà Lý đã đánh tan toàn bộ quân đội nhà Tống.
- B. Quân đội nhà Lý đã đập tan ý đồ xâm lược Đại Việt của nhà Tống.
- C. Nhà Lý huy động quân đội quy mô lớn tấn công dài ngày sang đất Tống.
- D. Trước kế hoạch xâm lược của nhà Tống, nhà Lý chủ động tấn công quân Tống.

Câu 11. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077), nhà Lý đã chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách

- A. đề nghị giảng hoà.

- B. đề nghị cầu hoà.
- C. đề nghị tạm hoà.
- D. đề nghị hưu chiến.

Câu 12. Hai trận đánh lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ (1258) là

- A. Hàm Tử Quan, Bình Lệ Nguyên.
- B. Hàm Tử Quan, Đông Bộ Đầu.
- C. Tây Bộ Đầu, Bình Lệ Nguyên.
- D. Bình Lệ Nguyên, Đông Bộ Đầu.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Năm 1284, “Thương hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kẻ đánh

giặc. Các phụ lão đều nói "đánh". Muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.50)

- A. Đại Việt có tinh thần đoàn kết và ý chí chiến đấu trước cuộc xâm lược của quân Nguyên.
- B. Nhà Trần đã biết dựa vào sức mạnh toàn dân trong kháng chiến chống quân Nguyên.
- C. Các vị phụ lão ở các làng xã đóng vai trò nòng cốt trong quân đội nhà Trần và tại các địa phương.
- D. Các vị phụ lão đóng vai trò lãnh đạo chủ chốt trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên.

Câu 14. Đầu năm 1285, quân Nguyên tiến đánh Đại Việt theo hai hướng chủ yếu nào sau đây?

- A. Cánh quân do Ô Mã Nhi chỉ huy từ phía đông, cánh quân do Thoát Hoan chỉ huy từ phía nam.
- B. Cánh quân do Thoát Hoan chỉ huy từ phía nam, cánh quân do Toa Đô chỉ huy từ phía bắc.
- C. Cánh quân do Thoát Hoan chỉ huy từ phía bắc, cánh quân do Toa Đô chỉ huy từ phía nam.
- D. Cánh quân do Ô Mã Nhi chỉ huy từ phía nam, cánh quân do Toa Đô chỉ huy từ phía bắc.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Năm 1285] “Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng đánh nhau với giặc [Nguyên] ở bãi Đà Mạc (tức Thiên Mạc, nay là bãi Mạn Trù), bị chết. Khi bị bắt, Vương không chịu ăn, giặc hỏi việc nước, Vương không trả lời, giặc hỏi Vương: “Có muốn làm vương đất Bắc không?”. Vương thét to: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất bắc", rồi bị giết”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2 NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.54)

- A. Trần Bình Trọng đã từ chối việc làm vua nhà Nguyên cũng như vị trí lãnh đạo phương Bắc.
- B. Trần Bình Trọng đã thể hiện lòng yêu nước và tinh thần bất khuất trước quân Nguyên.
- C. Trần Bình Trọng là tấm gương tiêu biểu cho khí phách của quân dân Đại Việt thời Trần.
- D. Hành động của Trần Bình Trọng đã khiến nhà Nguyên mất niềm tin vào chiến thắng.

Câu 16. Sau thất bại ở Đại Việt năm 1285, vua Nguyên đã ra lệnh tạm hoãn xâm lược quốc gia nào sau đây để dồn binh lực quyết đánh Đại Việt? .

- A. Miến Điện
- B. Triều Tiên.
- C. Trung Quốc.
- D. Nhật Bản.

Câu 17. Trong cả hai lần xâm lược Đại Việt (1285 và 1287 – 1288), quân Nguyên đều rơi vào tình trạng

- A. thiếu vũ khí trầm trọng.
- B. quân lính bị sốt rét.
- C. thiếu lương thực.
- D. không thể tác chiến.

Câu 18. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Các cuộc kháng chiến đời nhà Trần chống quân Nguyên do phát động được toàn dân đánh giặc, do đã kết hợp được các hành động chiến đấu của các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương và dân binh, kết hợp đánh du kích với đánh tập trung, nên cả ba lần đều thắng lợi”.

(Văn Tiến Dũng, Mấy vấn đề nghệ thuật quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1968, tr.57)

- A. Nhà Trần đã tiến hành chiến tranh nhân dân, huy động toàn dân tham gia kháng chiến.
- B. Nhà Trần đã có sự kết hợp nhiều lực lượng vũ trang và cách đánh khác nhau trong kháng chiến chống quân Nguyên.
- C. Nghệ thuật quân sự Việt Nam được định hình từ thời Trần.

D. Người dân thời Trần đều phải gia nhập quân đội của triều đình.

Câu 19. Địa điểm nào sau đây diễn ra trận đánh quyết định giữa quân Tây Sơn và quân Xiêm đầu năm 1785?

- A. Sông Tiền, đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút.
- B. Sông Hậu, đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút.
- C. Sông Tiền Giang, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
- D. Sông Hậu Giang, trên địa bàn tỉnh An Giang.

Câu 20. Trận đánh lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh năm 1789 là

- A. Đống Đa - Phú Lương.
- B. Văn Điển – Đống Đa.
- C. Ngọc Hồi - Văn Điển.
- D. Ngọc Hồi - Đống Đa.

Câu 21. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoàn binh. Dùng đoàn chế trường là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tằm ăn, không cầu thẳng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Và lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rãnh bên gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

(Lời của Trần Quốc Tuấn trả lời vua Trần Anh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê,

Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.79)

- A. Cần xây dựng đội quân đoàn kết, trên dưới một lòng.
- B. Cần khoan thư sức dân để giữ nước được lâu bền.
- C. Thượng sách giữ nước là tận dụng sức dân, không đánh thuế dân chùng.
- D. Nếu quân địch tiến chậm, cần nhanh chóng chế ngự để giành thắng lợi.

Câu 22. Cho bảng dữ kiện sau đây về những trận đánh lớn trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Cuộc kháng chiến	Thời gian	Địa điểm chính/ Những trận đánh lớn
Chống quân Nam Hán	938	Sông Bạch Đằng.
Chống quân Tống	981	Sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng.
Chống quân Tống	1075-1077	Phòng tuyến Như Nguyệt (Bắc Ninh).
Chống quân Mông Cổ	1258	Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc), Đông Bộ Đầu (Hà Nội).
Chống quân Nguyên	1285	Tây Kết, Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương. Thăng Long (Hà Nội), Vạn Kiếp (Hải Dương)....
Chống quân Nguyên	1287-1288	Sông Bạch Đằng.
Chống quân Minh	1406-1407	Thành Đa Bang, thành Đông Đô, thành Tây Đô.....
Chống quân Xiêm	1785	Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang).
Chống quân Thanh	1789	Ngọc Hồi - Đống Đa (Hà Nội).
Chống thực dân Pháp.	1858 - 1884	Đà Nẵng, thành Gia Định, thành Hà Nội, Cầu Giấy....

- A. Nhiều trận đánh lớn trong các cuộc kháng chiến đã diễn ra trên vùng sông nước.
- B. Việt Nam luôn giành thắng lợi trước các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ bên ngoài.
- C. Các trận quyết chiến chiến lược ở Việt Nam đều do tầng lớp quý tộc lãnh đạo, chỉ huy.
- D. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, Việt Nam nhiều lần phải đối diện với các thế lực xâm lược từ bên ngoài.

Câu 23. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

- A. Tính chính thức.
- B. Tính chính nghĩa.
- C. Tính giai cấp.
- D. Tính tầng lớp.

Câu 24. Nội dung nào sau đây là nghệ thuật quân sự truyền thống nổi bật của Việt Nam trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm?

- A. Tiên hành chiến tranh nhân dân.

B. Thực hiện chiến tranh thần tốc.

C. Tiến hành chiến tranh tổng lực.

D. Thực hiện chiến tranh bao vây.

Câu 25. Lãnh đạo, chỉ huy các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chủ yếu là lực lượng nào sau đây?

A. Vua và các tướng lĩnh của triều đình.

B. Vua và các quan lại hai ban văn, võ.

C. Các tướng lĩnh là người đứng đầu hoàng tộc.

D. Các quý tộc cao cấp và người cao tuổi ở các địa phương.

Câu 26. Trong quá trình xâm lược Việt Nam, các thế lực ngoại xâm thường phải đối diện với khó khăn nào sau đây?

A. Không quen phong tục, không thuộc tập quán.

B. Không có lương thực, thiếu thốn vũ khí.

C. Không có địa bàn, không biết khí hậu.

D. Không thuộc địa hình, không quen thủy thổ.

Câu 27. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Quân Mông Cổ dựa vào sức ngựa có thể tiến ào ạt nhanh chóng. Sự vận động thần tốc đó thường uy hiếp được tinh thần của đối phương và chiếm được thế chủ động trong chiến tranh. Nhưng chiến trường Đại Việt không phải như những thảo nguyên miền Bắc. Đất nước Việt Nam với những sông ngòi chia cắt làm cho kị binh giặc khó phát huy được sở trường của mình. Quân Trần thường chặn đánh bọn chúng trên các khúc sông – đây là những chiến lũy tự nhiên – để tiêu diệt chúng".

(Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.344-345)

A. Địa hình Đại Việt bất lợi cho lực lượng kị binh Mông Cổ.

B. Quân đội Mông Cổ chỉ có thể phát huy được sở đoản ở Đại Việt.

C. Trong quá trình xâm lược Đại Việt, quân đội Mông Cổ mất tinh thần.

D. Quân đội nhà Trần đã biết lợi dụng thế về điều kiện tự nhiên.

Câu 28. Năm 179 TCN, triều đình An Dương Vương đã thất bại trước cuộc xâm lược của

A. Triệu Đà.

B. Trọng Thủy.

C. Mã Viện.

D. Tô Định.

Câu 29. Cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ đầu thế kỉ XV gắn liền với những địa điểm nào sau đây?

A. Đa Nam, Đông Đô, Tây Đô.

B. Đông Kinh, Tây Đô, Nam Đô.

C. Đa Bắc, Đông Đô, Tây Đô.

D. Đa Bang, Đông Đô, Tây Đô.

Câu 30. Một trong những nguyên nhân không thành công của cuộc kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỉ XV là do nhà Hồ

A. chủ yếu dựa vào thành lũy, nặng về phòng ngự bị động và rút lui cố thủ.

B. không xây dựng thành lũy, nặng về phòng ngự bị động và rút lui chiến lược.

C. không chuẩn bị đề phòng xâm lược, nặng về phòng ngự chủ động và rút lui chiến thuật.

D. chủ yếu dựa vào quân đội địa phương, không phát huy sức mạnh của quân chính quy.

Câu 31. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Năm 1406] "Trước đó, nhà Minh sai Thái tử thái phó Thành quốc công Chu Năng làm tổng binh đeo ấn Chinh Di tướng quân đem quân xâm lược phương Nam,... Trước đó Năng đã làm bằng văn kể tội họ Hồ, rêu rao là tìm người họ Trần cho khôi phục lại vương tước. Đến đây, bọn [Trương] Phụ, [Mộc] Thạnh viết lời bằng văn ấy vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bằng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ. không còn bụng dạ chiến đấu nữa".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.214)

A. Nhà Hồ nhanh chóng sụp đổ trước sự tuyên truyền của họ Trần.

B. Quân đội nhà Hồ nhanh chóng đầu hàng trước sức mạnh của quân Minh.

- C. Các chính sách của nhà Hồ đã gây ra sự bất mãn trong một bộ phận dân chúng.
D. Chính sách tuyên truyền của quân đội nhà Minh đã phá vỡ khối đoàn kết của nhà Hồ.

Câu 32. Lực lượng nào sau đây đã tấn công Đà Nẵng (Việt Nam) năm 1858

- A. Liên quân Pháp – Bồ Đào Nha.
B. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha.
C. Liên minh Pháp – Hà Lan.
D. Liên minh Pháp – Anh.

Câu 33. Nguyên nhân nhà Hồ và nhà Nguyễn không thành công trong kháng chiến chống ngoại xâm là do

- A. không có đường lối kháng chiến đúng đắn, không đoàn kết toàn dân.
B. chủ quan, không chuẩn bị đề phòng xâm lược.
C. chủ yếu dựa vào thành lũy và chiến tranh du kích.
D. không có sự kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Câu 34. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Chị em (Trung Trắc, Trung Nhị) đều có tiếng dùng lược, cầm gươm Tô Định chính lệnh hà khắc tàn ngược, tụt hạp người các bộ, hăng hái dấy đội quân hùng mạnh, lừng lẫy uy danh, quận huyện hưởng ứng, cho nên lấy được 65 thành ở Lĩnh Ngoại, thu lại hết đất cũ Nam Việt, cũng là bậc hào kiệt trong nữ lưu". (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.119)

- A. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thời Bắc thuộc có quy mô lớn, diễn ra trên nhiều quận huyện.
B. Nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là chính sách cai trị hà khắc của Tô Định.
C. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã khôi phục và định hình toàn bộ lãnh thổ của Việt Nam.
D. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng cho thấy vai trò quyết định của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đương thời.

Câu 35. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43)

- A. Mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
B. Mở đầu quá trình kháng chiến giành chủ quyền, tự chủ của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
C. Mở đầu quá trình người Việt đấu tranh nhằm chống lại các chính quyền đô hộ thời kì trung đại.
D. Mở đầu quá trình đấu tranh nhằm giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội của Việt Nam.

Câu 36. Khởi nghĩa Bà Triệu nổ ra ở địa bàn nào sau đây?

- A. Nhật Nam (Quảng Nam).
B. Mê Linh (Hà Nội).
C. Hàm Hoan (Nghệ An).
D. Cửu Chân (Thanh Hoá).

Câu 37. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí

- A. Khẳng định ý chí và sức mạnh của Việt Nam trong cuộc đấu tranh chính trị và ngoại giao.
B. Cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành lại độc lập, tự chủ.
C. Mở đầu thời kì độc lập lâu dài của người Việt sau thời kì Bắc thuộc kéo dài nhiều thế kỉ.
D. Chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt.

Câu 38. Nội dung nào sau đây thể hiện nét chính của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng?

- A. Nghĩa quân bao vây rồi đánh chiếm thành Tống Bình.
B. Nghĩa quân bao vây rồi đánh chiếm thành Cổ Loa.
C. Nghĩa quân nổi dậy và đánh chiếm thành Thăng Long.
D. Nghĩa quân nổi dậy và đánh chiếm thành Đông Đô.

Câu 39. Nguyên nhân chủ yếu khiến các cuộc khởi nghĩa thời kì Bắc thuộc bùng nổ là

- A. chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ.
B. mâu thuẫn dân tộc và giai cấp nặng nề thời Hán.
C. tình trạng khủng hoảng kinh tế và xã hội trầm trọng.
D. xung đột giữa các giai cấp và sự bất mãn của tầng lớp thống trị.

Câu 40. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho các phủ, châu, huyện, phạm quân nhân bắt được tọt, cùng đàn bà con gái trốn đi các xứ khác thì giải về cửa quân,.....Nhà Minh cấm con trai, con gái không được cắt tóc, phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài.....Nhà Minh khám thu các mỏ vàng, bạc, mộ phu nhật đãi vàng bạc và bắt voi trắng, mỏ trâu châu"..

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.236)

- A. Nhà Minh thi hành chính sách bắt bớ dân chúng ở Đại Việt.
 B. Nhà Minh thi hành chính sách đồng hoá về văn hoá ở Đại Việt.
 C. Nhà Minh xoá bỏ mọi thành tựu văn hiến của Đại Việt. D. Nhà Minh xoá bỏ mọi phong tục tập quán của người Việt.

Câu 41. Nội dung nào sau đây là diễn biến của khởi nghĩa Lam Sơn giai đoạn 1424 -1426?

- A. Tiến đánh Thanh Hoá, Thuận Hoá.
 B. Chuyển quân từ Nghệ An ra Thanh Hoá.
 C. Hoà hoãn với quân Minh và được chấp nhận.
 D. Tạm rời Thanh Hoá, chuyển vào Nghệ An.

Câu 42. Cho bảng dữ kiện sau đây về diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Giai đoạn	Những sự kiện chính
1418-1423	- Năm 1418, Lê Lợi tập hợp nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa tại căn cứ Lam Sơn. - Giữa năm 1423, nghĩa quân Lam Sơn và quân Minh tạm hoà.
1424-1426	- Cuối năm 1424, nghĩa quân chuyển vào Nghệ An. - Đến cuối năm 1426, nghĩa quân đã làm chủ Thuận Hoá, rồi tấn công ra Bắc. - Cuối năm 1426, nghĩa quân đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận Tốt Động - Chúc Động.
1426-1427	- Cuối năm 1427, khoảng 15 vạn viện binh quân Minh cũng bị đánh tan trong trận Chi Lăng - Xương Giang. Sau trận Chi Lăng - Xương Giang, quân Minh chấp nhận nghị hoà, rút về nước.

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn khởi đầu từ Thanh Hoá, phát triển vào phía nam rồi tiến ra phía bắc.
 B. Lực lượng của nghĩa quân Lam Sơn ngày càng mở rộng, bao gồm nhiều tầng lớp khác nhau.
 C. Lực lượng vũ trang của nghĩa quân Lam Sơn đã áp đảo quân đội nhà Minh từ năm 1424.
 D. Khởi nghĩa Lam Sơn từng bước trở thành phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc quy mô lớn.

Câu 43. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Nghe tin Vương Thông định đặt pháo bắn vào phía sau quân ta, các ông [Lê Thiện, Lê Lễ] bèn nhân đó tương kế tựu kế; dụ cho quân địch qua hết sông Ninh, mới đến các xứ Tốt Động, Chúc Sơn, ta tung quân mai phục ra, ba mặt xô vào đánh, làm cho giặc thua rất to, giết được Trần Hiệp. Lý Phurong. Phương Chính qua đô Cả Sở trốn về. Vương Thông, Mã Kỳ, Sơn Thọ đều chỉ cốt thoát thân, chạy vào Đông Đô. Ta chém được 5 vạn quân, bắt sống được hơn một vạn, thu được rất nhiều quân tư khí giới, ngựa chiến cùng số sách giấy tờ. Rồi bèn vây thành. Vua Thái Tổ từ Tây Đô kéo ra bao vây Đông Đô”.

(Lê Quý Đôn, Đại Việt thông sử, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.175)

- A. Nghĩa quân Lam Sơn thắng lớn trong trận Tốt Động – Chúc Động.
 B. Trận Tốt Động – Chúc Động đã góp phần thay đổi cục diện cuộc chiến.
 C. Trận Tốt Động – Chúc Động là trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của nghĩa quân Lam Sơn.
 D. Thành Đông Đô là căn cứ quân sự cuối cùng còn lại của quân Minh sau trận Tốt Động – Chúc Động.

Câu 44. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ trong bối cảnh Đàng Trong đang ở tình trạng nào sau đây?

- A. Mâu thuẫn dân tộc sâu sắc, vua Lê, chúa Trịnh lao vào hòng lạc.
 B. Chế độ thuế khoá nặng nề, ngoại thương suy tàn, kinh tế khủng hoảng.
 C. Nạn đói lớn diễn ra thường xuyên, khởi nghĩa nông dân bùng nổ rầm rộ.
 D. Đại thần Trương Phúc Loan lộng quyền rồi tự lập làm vua.

Câu 45. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tình hình nghiêm trọng hơn khi vào đầu tháng 4-1773, Tây Sơn đã kéo nhau tương toàn xuống các chợ ngay lúc ban ngày, lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo,... Họ họp từng nhóm khoảng 300 người,... Tổ chức của họ cứ theo thẳng lợi mà trở thành lớn lao, có quy củ hơn. Lúc đầu họ vũ trang giáo mác, cung tên và cả súng tay nữa. Họ đi bộ, nhưng sau đó, khoảng tháng 8, họ đi ngựa, cưỡi và võng”.

(Tạ Chí Đại Trường, Việt Nam thời Tây Sơn - Lịch sử nội chiến 1771 – 1802, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2007, tr.67-68)

- A. Lực lượng nghĩa quân Tây Sơn ngày càng lớn mạnh và được tổ chức tốt hơn.
 B. Quân Tây Sơn di chuyển trên mọi địa hình chủ yếu bằng cưỡi ngựa và võng.
 C. Một bộ phận nghĩa quân Tây Sơn đã sử dụng ngựa khi di chuyển. D. Quân Tây Sơn đã vượt trội về vũ khí so với quân chúa Nguyễn.

Câu 46. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của phong trào Tây Sơn?

- A. Xoá bỏ tình trạng chia cắt dân tộc, hoàn thành thống nhất nhà nước.
- B. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất quốc gia, dân tộc và lãnh thổ.
- C. Xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất quốc gia.
- D. Ngăn cách ranh giới chia cắt, hoàn thành sự nghiệp thống nhất quốc gia.

Câu 47. Các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chủ yếu chống lại

- B. hoạt động áp bức của chính quyền địa chủ, tiểu nông.
- C. chính sách quan lại và chế độ quân chủ – phong kiến.
- C. chế độ quý tộc và quân đội ngoại bang.
- D. chính quyền cai trị và sự áp bức, bóc lột.

Câu 48. Các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với một số nhân vật nào sau đây?

- A. Hai Bà Trưng, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Trần Quang Khải.
- B. Bà Triệu, Phùng Hưng, Lý Bí, Trần Hưng Đạo, Quang Trung.
- C. Bà Triệu, Phùng Hưng, Lý Bí, Lê Lợi, Nguyễn Huệ.
- D. Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Mai Thúc Loan, Trần Nhật Duật.

Câu 49. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 để lại những bài học quan trọng nào sau đây?

- A. Xây dựng khối đoàn kết quốc gia và giai cấp.
- B. Xây dựng khối đại đoàn kết nhà nước và giai cấp.
- C. Vận động lực lượng và xây dựng khối đoàn kết giai cấp.
- D. Vận động, tập hợp lực lượng và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 50. Bài học nào sau đây của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị hiện nay?

- A. Ổn định văn hoá, phát triển vũ trang.
- B. Xây dựng và củng cố nền quốc phòng.
- C. Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô và củng cố vũ trang.
- D. Xây dựng lực lượng quân đội thường trực trên quy mô lớn.

ĐỀ ÔN TẬP

Đề số 1 Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Nội dung nào sau đây gắn liền với sự ra đời của Chính quyền Xô viết?

- A. Đảng Cộng sản Liên Xô lãnh đạo nhân dân lật đổ chế độ Nga hoàng và Chính phủ đại tư bản.
- B. Đảng Cộng sản Nga tiến hành cách mạng lật đổ Chính phủ Hoàng gia và chế độ Hoàng tộc.
- C. Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo nhân dân Nga lần lượt lật đổ chế độ Sa hoàng và Chính phủ Hoàng gia.
- D. Đảng Bôn-sê-vích Nga lãnh đạo nhân dân lần lượt lật đổ chế độ Nga Hoàng và chính phủ lâm thời.

Câu 2: Nội dung nào sau đây phản ánh bối cảnh thành lập của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết phát triển đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị.
- B. Nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh phát triển không đồng đều.
- C. Nước Nga và các nước đồng minh cùng chung ngôn ngữ và chính quyền Trung ương.
- D. Nước Nga và các nước đồng minh không tồn tại đường biên giới chung giữa các quốc gia.

Câu 3: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Lê Lợi, Nguyễn Chích, Nguyễn Nhạc và những nhân vật gắn liền với

- A. Các cuộc đấu tranh giành độc lập tự chủ cho dân tộc sau khi mất nước một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc lịch sử Việt Nam.
- B. Các cuộc khởi nghĩa của giai cấp nông dân chống lại chế độ quân chủ.
- C. Kháng chiến chống chế độ quân chủ bảo vệ độc lập trong lịch sử Việt Nam.
- D. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ XV?

- A. Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh
- B.Đưa đến sự thành lập của vương triều Tiền Lê.
- C. Khôi phục nền độc lập tự chủ của Quốc gia Đại Việt.
- D. Mở ra thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài của Đại Việt.

Câu 5: Hội nghị I-an-ta tháng 2 /1945 diễn ra giữa đại diện chính phủ của ba quốc gia nào sau đây?

- A. Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc.
- B. Mỹ, Liên Xô, Pháp.
- C. Nga, Mỹ, Trung Quốc.
- D. Liên Xô, Mỹ, Anh.

Câu 6: Sự kiện nào sau đây năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

- A. Sự tan rã của Đông Âu.
- B. Sự tan rã của Liên Xô.
- C. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
- D. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu.

Câu 7: Trong quá trình hình thành và tồn tại của trật tự thế giới hai I-an-ta, giai đoạn căng thẳng nhất là

- A. Từ năm 1971 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX.
- B. Từ năm 1972 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.
- C. Từ năm 1944 đến đầu những năm 60 của thế kỉ XX.
- D. Từ năm 1947 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 8: Quốc gia nào sau đây gia nhập ASEAN năm 1984?

- A. Cam-pu-chia.
- B. Bru-nây.
- C. Mi-an-ma.
- D. Phi-lip-pin.

Câu 9: Sự ra đời của ASEAN còn hướng tới mục đích nào sau đây?

- A. thúc đẩy việc nghiên cứu Đông Nam Á .
- B. hợp tác nghiên cứu về khu vực Châu Á .
- C. phát triển hợp tác về nghiên cứu Đông Á.
- D. thúc đẩy việc thám hiểm Đông Nam Á.

Câu 10: Hoạt động của ASEAN và Cộng đồng ASEAN về cơ bản đều dựa trên văn bản nào sau đây?

- A. Tuyên ngôn hòa bình ASEAN.
- B. Hiệp ước phòng thủ Ba-li.
- C. Hiến chương ASEAN.
- D. Hiệp định ASEAN.

Câu 11: Một trong bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. Hà Nội.
- B. Hải Dương.
- C. Sài Gòn.
- D. Hà Tiên.

Câu 12: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành

- A. Đảng của giai cấp công nhân
- B. Chính Đảng duy nhất.
- C. Chính Đảng vô sản.
- D. Đảng cầm quyền.

Câu 13: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về quá trình phát triển cơ bản của Cách mạng tháng Tám năm 1945

- A. Khởi nghĩa đồng loạt ở đô thị rồi tiến về nông thôn
- B. Từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa
- C. Khởi nghĩa đồng loạt ở nông thôn rồi bao vây đô thị
- D. Từ khởi nghĩa vũ trang tiến đến chiếm giữ các đô thị.

Câu 14: Lực lượng chính trị hùng hậu đóng vai trò nòng cốt có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. Việt Nam Giải phóng quân
- B. Việt Nam Tuyên truyền quân
- C. Mặt trận Liên Việt
- D. Mặt trận Việt Minh

Câu 15: Nội dung nào sau đây không phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản

Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986 -1995?

- A. Xóa bỏ cơ chế thị trường bao cấp
- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam
- C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
- D. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Câu 16: Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995?

- A. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế
- B. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần
- C. Phát triển kinh tế tư nhân đóng vai trò chủ lực
- D. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư.

Câu 17: Nội dung nào sau đây được thể hiện xuyên suốt trong đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam?

- A. Xây dựng xã hội pháp trị
- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền
- C. Phát triển kinh tế tri thức
- D. Hình thành nền kinh tế kỹ thuật số

Câu 18: Trong quá trình hoạt động ở Nhật Bản, Phan Bội Châu đã tham gia thành lập hai tổ chức nào sau đây?

- A. Việt Nam quang phục hội, Trung Quốc Chấn hưng hội
- B. Đông Á đồng minh hội, Điền – Quế - Việt Liên minh
- C. Đông Á đồng minh hội, Việt Nam quang phục hội
- D. Điền - Quế - Việt Liên minh, Việt Nam Quang phục Hội

Câu 19: Một trong những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1918- 1920 là

- A. tham gia sáng lập đảng Cộng sản Liên Xô và đảng Cộng sản Pháp
- B. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến hội nghị Vécxai (Pháp)
- C. gửi bản Điều trần gửi Hội nhân quyền ở Paris (Pháp)
- D. tham gia sáng lập Việt Nam Quang phục Hội

Câu 20: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975 về cơ bản tập trung phục vụ những sự nghiệp nào sau đây?

- A. Giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.
- B. Giải phóng giai cấp, bảo vệ độc lập và thống nhất miền Nam
- C. Bảo vệ giai cấp, bảo vệ dân tộc và thống nhất quốc gia
- D. Bảo vệ giai cấp, bảo vệ nước nhà và thống nhất đất nước

Câu 21: Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình

- A. công nhân trí thức
- B. nông dân cách mạng
- C. trí thức tư sản
- D. nhà nho yêu nước

Câu 22: Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Tất Thành trở thành một trong những người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức nào sau đây?

- A. Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp
- B. Hội những người Đông Dương yêu nước tại Pháp
- C. Hội Liên hiệp các dân tộc chính quốc và thuộc địa
- D. Hội Đồng minh các quốc gia bị áp bức ở Đông Nam Á

Câu 23: Những hoạt động tích cực của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945– 1954) đã đưa đến kết quả nào sau đây?

- A. Việt Nam nhận được sự ủng hộ giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô
- B. Việt Nam nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa Tây Âu
- C. Việt Nam giành thắng lợi trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris
- D. Việt Nam đàm phán độc lập với các nước trong Hội nghị Giơnevơ

Câu 24: Chủ nghĩa Mác- Lênin và yếu tố gì sau đây đóng vai trò nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho hành động của Đảng cộng sản Việt Nam?

- A. Tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Phong cách Hồ Chí Minh

C. Quan điểm Hồ Chí Minh

D. Đường lối Hồ Chí Minh **Phần II. Trắc nghiệm đúng sai Câu 1:** Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Rất lâu trước khi Liên Xô sụp đổ, rõ ràng là rất ít khu vực nào trên thế giới bị ảnh hưởng bởi những gì đang xảy ra ở châu Âu. Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh lập tức đã khơi lại những câu hỏi cũ về bản sắc trên khắp lục địa đỏ và xa hơn nữa, cũng như đặt ra những câu hỏi mới,... Những câu hỏi nền tảng về bản sắc, dân tộc và tôn giáo một lần nữa có thể được nêu lên, và một số câu hỏi trong số này thật rối trí. Một lần nữa những hoàn cảnh quyết định mới lại xuất hiện trong lịch sử thế giới”.

(J. M. Robót, O.A Goét-sta, Lịch sử thế giới (Phạm Viêm Phương dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2023, tr 293).

A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức và quan điểm của tác giả về thế giới đơn cực sau Chiến tranh lạnh.

B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm của tác giả cho thấy nhiều vấn đề liên quan đến bản sắc, dân tộc và tôn giáo ở châu Âu đã bị che lấp bởi Chiến tranh lạnh.

C. Theo quan điểm của tác giả, sự kết thúc của Chiến tranh lạnh có ảnh hưởng lớn đối với lịch sử thế giới.

D. Các cuộc chiến tranh, xung đột ở châu Âu cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI không liên quan đến hệ quả của Chiến tranh lạnh.

Câu 2: Cho đoạn thông tin thống kê sau đây

“Cả nước có tổng cộng 1.146. 250 liệt sĩ, trong đó có 191.605 người hi sinh trong kháng chiến chống Pháp, 849.018 người hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, và 105.627 người hi sinh trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975 (chiến tranh biên giới phía Bắc, chiến tranh biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển, đảo,...). Trong số này, hơn 200.000 hài cốt liệt sĩ trên các chiến trường Việt Nam, Lào, Campuchia vẫn chưa được tìm thấy; hơn 300.000 hài cốt liệt sĩ chưa xác định được danh tính, tên tuổi, quê quán, đơn vị. Ngoài ra, cả nước còn có 300.000 người đoạt hoạt động kháng chiến và có con đẻ bị nhiễm chất độc da cam dioxin”.

A. Đoạn thông tin cung cấp số liệu liệt sĩ hi sinh vì độc lập dân tộc vì sự nghiệp thống nhất đất nước từ cuối thế kỷ XIX.

B. Đoạn thông tin cho thấy sự khốc liệt của chiến tranh và sự hi sinh, mất mát to lớn về người của nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.

C. Đoạn thông tin liên quan đến công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, hỗ trợ, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam.

D. Nền hòa bình, độc lập dân tộc và thống nhất đất nước hôm nay gắn liền với sự cống hiến và hi sinh to lớn của hàng triệu người.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch theo phương thức hạch toán toàn kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, ngày 18/12/1986, trích trong:

Văn viện Đảng Toàn tập, Tập 47, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 902).

A. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm đổi mới về kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1996.

B. Việc cải cách cơ chế quản lý kinh tế nói trên xuất phát từ tình trạng kém hiệu quả của cơ chế thị trường.

C. Việc cải cách cơ chế quản lý kinh tế nói trên đã giải phóng sức sản xuất tạo ra động lực to lớn đối với các tổ chức và cá nhân trong sản xuất kinh doanh.

D. Từ nội dung tư liệu và thực tiễn cho thấy nhiều thành tựu về kinh tế Việt Nam hiện nay gắn liền với chính sách cải cách cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trái tim, khối óc của Người dành cho dân tộc Việt Nam ta cũng hướng về giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Là người học trò trung thành của Các Mác và Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại mà còn là một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ XX. Hồ Chủ tịch thường dạy chúng ta phải chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế vì sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt Nam vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới”

(Điều văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Minh ngày 9/9/1969 tại Hà Nội, trích trong Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 627)

A. Điều văn ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lễ truy điệu được tổ chức tại Hà Nội sau khi chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần năm 1969.

B. Nội dung đoạn điều văn cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh có công cống hiến to lớn đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh có vị trí vai trò đặc biệt đối với tiến trình lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

D. Phong trào cộng sản quốc tế hiện nay trên thế giới đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ và có sự đoàn kết chặt chẽ.

Đề số 2 Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Bản tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã được thông qua tại sự kiện nào sau đây?

A. Đại hội lần thứ ba các Xô Viết toàn Liên bang.

B. Đại hội lần thứ nhất các Xô Viết toàn liên bang.

C. Đại hội Xô Viết toàn Nga lần II .

D. Đại hội Xô Viết toàn Nga lần III.

Câu 2: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

A. Các nhà lãnh đạo của Đảng Nhà nước đã mắc nhiều sai lầm

B. Những hạn chế của văn hóa truyền thống không được sửa chữa

C. Chưa khai thác tốt thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật

D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ngày càng tụt hậu so với các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 3: Sông Bạch Đằng là nơi diễn ra trận đánh quyết định trong cuộc kháng chiến

A. Chống quân Xiêm năm 1785.

B. Chống quân Thanh năm 1789.

C. Chống quân Minh năm 1407.

D. Chống quân Nam Hán năm 938.

Câu 4: Năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế lập ra nhà nước

A. Vạn An

B. Đại Việt

C. Đại Nam

D. Vạn Xuân

Câu 5: Quá trình hình thành Liên Hợp Quốc gắn liền với vai trò quan trọng của Chính phủ các quốc gia nào sau đây?

A. Liên Xô, Mỹ, Pháp.

B. Liên Xô, Mỹ, Đức.

C. Liên Xô, Mỹ, Anh.

D. Liên Xô, Mỹ, Nga.

Câu 6: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ trong giai đoạn nào sau đây?

A. Từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX và đến năm 1992.

B. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX đến năm 1989.

C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991.

D. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1990.

Câu 7: Đối với thế giới sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã có tác động

A. không đáng kể và chủ yếu là tiêu cực

B. nhỏ và đưa đến những xu thế tích cực

C. lớn và đưa đến những xu thế tích cực

D. trên vài lĩnh vực nhưng không đáng kể

Câu 8: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế yếu tố nào sau đây?

A. Ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài

B. Sự phát triển của xu thế khu vực hóa

C. Sự chi phối của các quốc gia hai đảo

A. Ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa

Câu 9: Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào sau đây?

- A. Năm 1993
- B. Năm 1994
- C. Năm 1995
- D. Năm 1996

Câu 10: Nội dung nào sau đây được coi là nhận định đúng về ASEAN?

- A. Là liên minh chính trị lớn nhất trên thế giới.
- B. Là đối tác quan trọng nhất của Mỹ ở châu Á.
- C. Là liên minh khu vực thành công nhất thế giới.
- D. Là một trong những tổ chức khu vực thành công nhất trên thế giới.

Câu 11: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám?

- A. Năm 1945 kết thúc ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp
- B. Chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ ở Việt Nam
- C. Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- D. Kết thúc ách cai trị hơn 6 năm của quân phiệt Nhật

Câu 12: Trong 2 ngày 14 và 15- 8-1945, khởi nghĩa giành chính quyền đã thắng lợi ở một số xã huyện thuộc các địa phương nào sau đây?

- A. Các tỉnh Nam Bộ, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Hà Tiên.
- B. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh
- C. Các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Đồng Nai.
- D. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Quảng Nam, Khánh Hòa, Hà Tiên.

Câu 13: Điểm tương đồng giữa chiến dịch Biên giới Thu đông năm 1950 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là

- A. Quân đội Việt Nam chủ động tấn công quân Pháp.
- B. Quân đội Pháp chủ động tấn công lực lượng kháng chiến.
- C. Quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến cùng.
- D. Quân đội Pháp đóng vai trò quyết định về hậu cần.

Câu 14: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) có điểm chung gì sau đây?

- A. Có vai trò quan trọng trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- B. Gây khủng hoảng trong sách lược xã hội Mỹ và tác động mạnh mẽ đối với thế giới.
- C. Làm tan rã toàn bộ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.
- D. Làm tan rã hệ thống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới.

Câu 15: Trước khi thực hiện công cuộc đổi mới 1986 Việt Nam ở trong tình trạng

- A. khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội.
- B. phát triển nhanh nhưng thiếu bền vững .
- C. phát triển nhanh nhưng không ổn định.
- D. bước đầu khủng hoảng về kinh tế xã hội.

Câu 16: Một trong những nội dung cơ bản của đường lối mới cho Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995 là

- A. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước.
- B. Học tập mô hình các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Đổi mới phải toàn diện và nhanh chóng.
- D. Lấy việc phục vụ kinh tế là mục đích cao nhất.

Câu 17: Lĩnh vực nào sau đây trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam đạt được nhiều kết quả to lớn và được cộng đồng quốc tế ghi nhận đánh giá cao?

- A. Cứu trợ nhân đạo.
- B. Đền ơn đáp nghĩa.
- C. Xóa đói giảm nghèo.
- D. Bảo vệ môi trường.

Câu 18: Một trong những hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh đầu thế kỷ XX là

- A. Sáng lập hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
- B. Thành lập và phát triển các hoạt động của Việt Nam Quang phục hội.
- C. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội Pháp.
- D. Viết báo, diễn thuyết đề thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

Câu 19: Trong quan hệ đối ngoại thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Việt Nam đều

- A. Tăng cường quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương.
- B. củng cố quan hệ ngoại giao với các nước Tây Âu.
- C. củng cố quan hệ ngoại giao với các nước Bắc Âu.
- D. Tăng cường quan hệ đoàn kết với ASEAN.

Câu 20: Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào thời gian nào sau đây?

- A. Năm 1993
- B. Năm 1994
- C. Năm 1995
- D. Năm 1996

Câu 21: Bối cảnh nào sau đây của đất nước cuối thế kỷ XIX đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. thực dân Pháp đã đặt được ách cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam
- B. phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản diễn ra mạnh mẽ
- C. từ một quốc gia độc lập Việt Nam trở thành nước phong kiến
- D. nhiệm vụ cứu nước giải phóng dân tộc trở thành thứ yếu

Câu 22: Từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 hoạt động của Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp nào sau đây?

- A. Tìm đường giải phóng dân tộc và thống nhất miền Nam
- B. Tìm đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước
- C. Giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất miền Bắc
- D. Bảo vệ độc lập dân tộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước

Câu 23: Sáng kiến thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh được Hồ Chí Minh đưa ra tại sự kiện nào sau đây?

- A. Hội nghị lần thứ 7 ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương
- B. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương
- C. Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào (Tuyên Quang)
- D. Quốc dân đại hội được tổ chức tại Tân Trào (Tuyên Quang).

Câu 24: Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được tổ chức nhằm

- A. tiếp nhận di sản đặc biệt về chính trị, xã hội của Hồ Chí Minh.
- B. tiếp nhận di sản đặc biệt về triết học, phong cách của Hồ Chí Minh.
- C. phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh
- D. phát huy giá trị to lớn của triết học, đạo đức Hồ Chí Minh

Phần 2: Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Cho bảng dữ kiện sau đây về thách thức đối với Cộng đồng ASEAN:

Thách thức đối với Cộng đồng ASEAN	Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; thay đổi cấu trúc địa- chính trị khu vực châu Á- Thái Bình Dương và toàn cầu; tình hình phức tạp ở Biển Đông,...
	Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo; tình hình chính trị phức tạp ở một số nước; một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,...
	Sự chênh lệch về thu nhập, khoảng cách về phát triển kinh tế giữa các nước.
	Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.
	Thách thức an ninh phi truyền thống, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,...

- A. Bảng dữ kiện nêu lên những thách thức đối với tổ chức ASEAN trong những thập kỉ sắp tới.
- B. Cộng đồng ASEAN vừa phải đối diện với những thách thức an ninh truyền thống, vừa phải đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống
- C. Những thách thức nói trên không phải là trở ngại đối với quá trình xây dựng một Cộng đồng ASEAN ổn định và phát triển.
- D. Để có thể giải quyết những thách thức nói trên, Cộng đồng ASEAN cần có sự đoàn kết và hợp tác chặt chẽ ở cả hiện tại và tương lai.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“... Chiều 7-5, ở Điện Biên trời rất đẹp, khi kết thúc trận đánh nắng vàng vẫn còn chiếu sáng trên khắp

thung lũng. Linh Pháp, linh Lê Dương và nhất là lính da đen An-giê-ri, Ma-rốc, Xê-nê-gan,... ra hàng với thái độ rất vui mừng vì sống sót. Họ vừa gieo to, vừa vẩy mạnh những mảnh vải trắng trên tay. Khoảng mấy trăm lính Pháp, lính thuộc địa hàng tháng nay đào ngũ bằng cách trốn trại,... nay thấy chiến tranh đã kết thúc, cũng chạy ủa ra, reo mừng hô lớn “Phi-ni la ghe !” (Chiến tranh hết rồi) (Lê Kim, trận Điện Biên Phủ nhìn từ hai phía, NXB Thanh niên, Hà Nội 1994, tr. 128)

- A. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về trận Điện Biên Phủ giữa quân đội Việt Nam và quân đội Pháp năm 1953.
- B. Đoạn tư liệu cung cấp một góc nhìn sinh động và khác với hình dung của nhiều người khi trận Điện Biên Phủ kết thúc.
- C. Sự kết thúc của trận Điện Biên Phủ mang lại niềm vui lớn cho tất cả những bên và những người liên quan.
- D. Đoạn tư liệu cho thấy Hòa Bình luôn là mong muốn và khát vọng của con người ở bất kỳ đâu bất kể màu da sắc tộc.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đặt bút ký vào bản Hiệp định Paris lịch sử, tôi vô cùng xúc động,... Tôi như thay mặt nhân dân và các chiến sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ đấu tranh trên tiền tuyến và trọng lao tù cầm ngọn cờ chiến thắng chói lọi. Vinh dự đó đối với tôi thật quá to lớn. Tôi không có đủ lời để nói lên được lòng biết ơn vô tận đối với đồng bào và chiến sĩ ta từ Nam chí Bắc đã chấp nhận mọi hi sinh dũng cảm chiến đấu để có được thắng lợi to lớn hôm nay.”

Nguyễn Thị Bình, Gia đình, bạn bè và đất nước (Hồi ký), NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr. 131

- A. Đoạn tư liệu trên là của nhân chứng không trực tiếp tham gia sự kiện.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện niềm xúc động tự hào và biết ơn của tác giả.
- C. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin liên quan đến việc ký kết Hiệp định Paris năm 1973 là thắng lợi to lớn của Việt Nam trong cuộc đấu tranh ngoại giao.
- D. Hiệp định Paris để lại bài học: đấu tranh ngoại giao quan có vai trò quan trọng hơn đấu tranh quân sự.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong nửa sau thế kỷ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do,

Từ đó là **Việt Nam**

Và có một cái tên đã luôn gắn bó với từ này- từ chỉ tên của một đất nước Đó là **Hồ Chí Minh .”**

(Ro-mét Chan-đơ-ra, Việt Nam và cuộc đấu tranh vì hòa bình, tự do và độc lập, trích trong: Việt Nam trong thế kỷ XX, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 48)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện sự đánh giá cao của tác giả đối với Việt Nam và đối với Hồ Chí Minh.
- B. Đoạn tư liệu cho thấy tên tuổi của Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp của dân tộc Việt Nam và những phẩm chất của con người Việt Nam.
- C. Đoạn tư liệu cho thấy sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và các nước Đông Nam Á là yếu tố quyết định tạo nên tên tuổi của Hồ Chí Minh.
- D. Đoạn tư liệu cho thấy ngày nay quá trình bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan điểm của Hồ Chí Minh.

Đề số 3

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Chính phủ Xô Viết ra đời ở Nga năm 1917 là kết quả của sự kiện nào sau đây

- A. Cách mạng tháng Ba thành công ở Nga.
- B. Chính phủ giai cấp tư sản thành lập.
- C. Cách mạng tháng 10 Nga.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 2: Sau chiến tranh thế giới thứ hai sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội gắn liền với những quốc gia nào sau đây

- A. Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Cu-ba.
- B. Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Indonesia.
- C. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cộng hòa Liên bang Đức.
- D. Ấn Độ, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 3: Phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII đã đánh bại

- A. Quân Xiêm và quân Minh.
- B. Quân Xiêm và quân Thanh.
- C. Quân Xiêm và quân Nguyên.
- D. Quân Xiêm và quân Tống.

Câu 4: Một trong những cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử kháng chiến chống quân ngoại xâm của nước Việt Nam là

- A. Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỉ XIX.
- B. Kháng chiến chống quân Thanh nửa sau thế kỉ XVIII.
- C. Kháng chiến chống quân Xiêm nửa sau thế kỉ XVIII.
- D. Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỉ XX.

Câu 5: Hiện nay Mỹ, Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Ấn Độ vẫn đóng vai trò là

- A. một số cực trong trật tự thế giới nhất siêu – đơn cực
- B. các quốc gia thịnh vượng nhất trên thế giới
- C. các quốc gia phát triển nhất trên thế giới
- D. một số trung tâm quyền lực của thế giới

Câu 6: Nội dung nào sau đây không phải là nhiệm vụ cấp bách đặt ra trước các nước Đồng Minh đầu năm 1945

- A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh
- B. Tiến hành cách mạng khoa học – kỹ thuật
- C. Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh
- D. Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận

Câu 7: Nội dung thỏa thuận nào sau đây của các cường quốc tại hội nghị Ianta (2-1945) ảnh hưởng trực tiếp tới công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc Việt Nam?

- A. Đông Á thuộc phạm vi kiểm soát truyền thống như trước đây của các nước Đông Tây.
- B. Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây Đông.
- C. Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Đông.
- D. Nam Á thuộc phạm vi kiểm soát truyền thống như trước đây của các nước Tây Âu.

Câu 8: ASEAN là từ viết tắt của tổ chức nào sau đây

- A. Tổ chức Đông Nam Á
- B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- C. Liên minh các quốc gia Đông Nam Á
- D. Liên minh các nước Đông Nam Á.

Câu 9: Từ năm 1976, với Hiệp ước Ba-li, ASEAN có sự thay đổi cơ bản về yếu tố nào sau đây?

- A. Hợp tác về đầu tư và giao thương với các nước ngoài khu vực.
- B. Hợp tác về quân sự quốc phòng và khoa học kỹ thuật.
- C. Cơ chế hợp tác đầu tư và giao thương nội khối.
- D. Cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.

Câu 10: Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là

- A. Chính trị - An ninh, Kinh tế, Văn hóa- Xã hội.
- B. Chính trị, Kinh tế, Văn hóa- Xã hội.
- C. An ninh, Chính trị, Văn hóa – Xã hội.
- D. Chính trị, Kinh tế, Văn hóa – Xã hội.

Câu 11: Địa phương nào sau đây là một trong bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Hà Nội.
- B. Bắc giang.
- C. Thái Nguyên.
- D. Hà Tiên.

Câu 12: Một trong những ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. chính thức mở đầu kỉ nguyên cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. đưa Đảng Lao động Việt Nam thành đảng cầm quyền.
- C. tiêu diệt chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.
- D. mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do cho nhân dân Việt Nam.

Câu 13. Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ có điểm gì khác so với chiến lược Chiến tranh cục bộ trước đó ở miền Nam Việt Nam?

- A. Quân đội Sài Gòn không còn đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
- B. Quân đội Mỹ không còn đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
- C. Quân đội các nước đồng minh của Mỹ đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
- D. Quân đội Mỹ đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.

Câu 14. Văn bản nào sau đây đã có tác động trực tiếp và nhanh chóng, mở ra hướng đi mới của phong trào đấu tranh ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

- A. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 25.
- B. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 35.
- C. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 5.
- D. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 15.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam trong công cuộc Đổi mới?

- A. Hoàn chỉnh hệ thống lí luận về đường lối đổi mới.
- B. Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới.
- C. Hoàn thiện bộ máy chính quyền định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. Hoàn thiện hệ thống đường lối đổi mới.

Câu 16: Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam là

- A. nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng.
- B. chuyển đổi thành công sang nền kinh tế kế hoạch hoá.
- C. xoá bỏ thành công tình trạng đói nghèo, lạc hậu.
- D. hoàn chỉnh lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là bài học của công cuộc Đổi mới, đồng thời cũng là bài học của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay?

- A. Xác định rõ thời cơ và từng bước đi theo thời cơ.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Kết hợp sức mạnh giai cấp với sức mạnh toàn cầu.
- D. Xác định rõ thời cơ và biên nguy cơ thành thời cơ.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX?

- A. Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
- B. Tổ chức phong trào Đông du.
- C. Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản.
- D. Gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

Câu 19. Việt Nam gia nhập tổ chức nào sau đây vào năm 1978?

- A. ASEAN.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Cộng đồng ASEAN.
- D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

Câu 20. Sự kiện nào sau đây đánh dấu mốc lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, Việt Nam có quan hệ

thường với tất cả các nước lớn trên thế giới?

- A. Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
- B. Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
- C. Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.
- D. Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO.

Câu 21. Trong quá trình hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ.
- C. làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Thanh niên.
- D. tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ III.

Câu 22. Nội dung nào sau đây thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930,

- A. Thành lập một chính đảng cho nhân dân ba nước Đông Dương.
- B. Soạn thảo *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*.

C. Bầu Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lâm thời.

D. Soạn thảo *Chính cương chính thức* và *Sách lược chính thức*.

Câu 23. Sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh từ năm 1954 gắn liền với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa ở miền Bắc và

A. đấu tranh giải phóng miền Nam.

B. tiến hành cách mạng dân chủ ở miền Nam.

C. tiến hành cách mạng dân chủ quốc gia ở miền Nam.

D. đấu tranh chống thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp.

Câu 24. Vai trò lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX là

A. vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. soạn thảo Đề cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. thiết lập quan hệ chính thức với nhân dân thuộc địa.

D. tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân quyền và các quyền. Mọi người đều được tạo hóa

ban cho lí trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em”.

(Trích: Điều 1, Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua và công bố năm 1948)

A. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc khẳng định quyền tự do và bình đẳng của tất cả các quốc gia trên thế giới.

B. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc thể hiện nỗ lực của tổ chức này đối với lĩnh vực bảo đảm quyền con người.

C. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc là nguyên tắc hoạt động quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc.

D. Từ khi thành lập đến nay, với Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* và nhiều hoạt động khác, Liên hợp quốc

đã có đóng góp lớn đối với lĩnh vực bảo đảm quyền con người.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là “đánh chắc thắng”, cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”. Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới”.

(Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 107-108)

A. Nội dung đoạn tư liệu đề cập đến giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

B. Việc hoãn cuộc tiến công và kéo pháo ra xuất phát từ nhiều lí do, trong đó chủ yếu là sự chậm trễ về mặt hậu cần.

C. Việc chuyển phương án từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” đã góp phần đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

D. Nội dung đoạn tư liệu cũng như những diễn biến sau đó của chiến dịch Điện Biên Phủ cho thấy bài học về sự chủ động, linh hoạt.

Câu 3. Cho bảng dữ kiện sau đây về số cán bộ y tế và giường bệnh ở Việt Nam giai đoạn 1996-2000 (chưa tính các cơ sở y tế tư nhân):

Năm	1996	1997	1998	1999	2000
Cán bộ ngành y (nghìn người), trong đó:					
Bác sĩ	31,9	32,9	34,2	37,1	39,2
Y sĩ	46,6	47,9	49,3	51,2	50,8

Y tá	45,8	46,2	46,5	45,5	46,2
Nữ hộ sinh	12,6	12,8	13,1	13,6	14,2
Bác sĩ tính bình quân cho 1 vạn dân	4,4	4,4	4,5	4,8	5,0
Giường bệnh (nghìn giường)	196,5	197,9	199,1	195,9	192,0

- A. Bảng dữ kiện thể hiện những thành tựu của lĩnh vực y tế ở Việt Nam trong những năm đầu tiên của công cuộc Đổi mới.
- B. Bảng dữ kiện cho thấy trong giai đoạn 1996 – 2000, số lượng cán bộ ngành y nhìn chung tăng trưởng đều đặn.
- C. Bảng dữ kiện cho thấy trong công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ người dân.
- D. Những thành tựu về y tế trong giai đoạn này đã tạo cơ sở để Việt Nam hiện nay có nền y tế phát triển hàng đầu thế giới.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

(Hồ Chí Minh, Di chúc (1969), trích trong: *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.624)

- A. Đoạn tư liệu phản ánh mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi Việt Nam thống nhất đất nước.
- B. Đoạn tư liệu phản ánh những mong muốn tốt đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đất nước.
- C. Di chúc là văn bản quan trọng trong di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho mai sau.
- D. Di chúc cho thấy bài học toàn dân cần thường xuyên tham gia và thúc đẩy cách mạng thế giới

ĐỀ SỐ 4

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sự thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết gắn liền với yêu cầu

- A. chống lại sự tấn công của 14 nước thực dân.
- B. hoàn thành chính sách Kinh tế mới.
- C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.
- D. thực hiện “Sắc lệnh hoà bình” và “Sắc lệnh ruộng đất”.

Câu 2. Sự kiện nào sau đây năm 1924 được cho là đã hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Các quốc gia thành viên kí hiệp định liên minh về quân sự.
- B. Các nước thông qua tuyên ngôn của chính quyền Xô viết.
- C. Bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.
- D. Bộ luật nhà nước của Liên Xô được công bố.

Câu 3. Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), quân dân Đại Việt chặn đánh quân Tống ở địa điểm chính nào sau đây?

- A. Phòng tuyến bên bờ sông Như Nguyệt.
- B. Bãi cọc bên bờ và dưới lòng sông Bạch Đằng
- C. Phòng tuyến địa lôi bên bờ sông Thiên Đức.
- D. Bãi cọc và phòng tuyến Đa Bang.

Câu 4. Trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258 – 1288), vua tôi nhà Trần đều

- A. phá huỷ kinh đô Thăng Long.
- B. rời bỏ kinh thành Thăng Long.
- C. rời bỏ kinh đô và rút khỏi các đô thị trên cả nước.
- D. phá huỷ các đô thị ở khu vực quan trọng về chiến lược.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò chủ chốt và quyết định.
- B. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực đóng vai trò ngày càng lớn. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò ngày càng mờ nhạt

D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính toàn cầu chi phối toàn bộ trật tự thế giới,

Câu 6. Trong số các trung tâm quyền lực của thế giới hiện nay, Mỹ vẫn là

- A. cường quốc số 1, có sức mạnh vượt trội.
- B. cường quốc duy nhất trên thế giới có vũ khí hạt nhân.
- C. siêu cường duy nhất, thống trị các quốc gia trên thế giới.
- D. siêu cường toàn cầu, quyết định mọi vấn đề của Liên hợp quốc.

Câu 7. Tình trạng nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu là biểu hiện của

- A. trật tự đa cực.
- B. trật tự đơn cực.
- C. trật tự nhất siêu – nhiều cường.
- D. trật tự nhất siêu – một trung tâm.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích thành lập ASEAN?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực.
- B. Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực.
- C. Thúc đẩy việc xây dựng một liên minh quân sự của khu vực.
- D. Thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực.

Câu 9. Quốc gia gia nhập ASEAN năm 1999 là

- A. Cam-pu-chia.
- B. Lào.
- C. Mi-an-ma.
- D. Phi-lip-pin.

Câu 10. Từ khi thành lập đến nay, ASEAN cũng như Cộng đồng ASEAN đều hướng đến xây dựng

- A. cộng đồng các quốc gia chia sẻ bản sắc văn hoá.
- B. cộng đồng các quốc gia trung lập và liên minh.
- C. một Đông Nam Á tự do và liên minh chặt chẽ.
- D. một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

Câu 11. Sau Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, lực lượng kháng chiến đã

- A. giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. kiểm soát hầu hết chiến trường chính Bắc Bộ.
- C. áp đảo về lực lượng và vũ khí trước quân Pháp.
- D. Buộc Pháp phải rút khỏi đồng bằng sông Hồng.

Câu 12. Tháng 7-1953, Pháp đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng giành một thắng lợi quân sự để

- A. tiêu diệt toàn bộ lực lượng kháng chiến.
- B. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- C. tạo điều kiện để kết thúc đàm phán ngoại giao.
- D. đánh chiếm hầu hết khu vực của lực lượng kháng chiến.

Câu 13. Phương châm nào sau đây trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã có vai trò quan trọng, góp phần đưa đến thắng lợi cuối cùng

- A. Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. Trường kì khởi nghĩa nhất định thành công.
- C. Vừa khởi nghĩa toàn quốc, vừa kiến thiết quốc gia
- D. Tránh chỗ yếu, đánh chỗ mạnh, đánh chắc, tiến nhanh.

Câu 14. Từ năm 1967, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được tiến hành trên cả ba mặt trận nào sau đây?

- A. Quân sự, địch vận, binh vận.
- B. Chính trị, văn hoá, ngoại giao.
- C. Quân sự, ngoại giao, văn hoá.
- D. Chính trị, quân sự, ngoại giao.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995?

- A. Đổi mới chính trị là trọng tâm và đi trước.
- B. Đổi mới xã hội và chính trị là trọng tâm.
- C. Đổi mới văn hoá phải gắn với đổi mới xã hội.

D. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1996-2006?

A. Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

B. Phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

C. Đa phương hoá, nhất thể hoá các chính sách đối nội.

D. Chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Câu 17. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã

A. đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực.

B. thành công và đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển.

C. đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao.

D. hoàn thành và đạt được mục tiêu trên mọi lĩnh vực.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở một số nước châu Á trong giai đoạn 1947 – 1949?

A. Thành lập đại sứ quán và phòng Thông tin.

B. Thành lập đại sứ quán, lãnh sự quán.

C. Thiết lập lãnh sự quán, phòng Thông tin tình báo.

D. Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin.

Câu 19. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) có chuyển biến lớn sau sự kiện nào sau đây?

A. Ký Tạm ước Việt – Hoa với Chính phủ Trung Quốc.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô.

C. Ký Hiệp định Pa-ri với Chính phủ Pháp.

D. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Pháp.

Câu 20. Một trong những hoạt động đối ngoại nổi bật của Việt Nam từ năm 1968 đến năm 1973 là

A. đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

B. đấu tranh yêu cầu Mỹ thi hành Hiệp định Pa-ri.

C. đấu tranh yêu cầu các bên ngừng bắn.

D. đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri.

Câu 21. Trong quá trình hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập tổ chức nào sau đây?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông

C. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Phương Đông.

D. Hội Liên minh thuộc địa và phụ thuộc.

Câu 22. Nội dung nào sau thể hiện đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức.

B. Biên tập *Chính cương chiến lược* và *Sách lược chính trị*.

C. Trực tiếp thành lập các tổ chức cộng sản trong năm 1929. D. Soạn thảo Luận cương chính trị, Sách lược chính trị.

Câu 23. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa đã

A. góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia lãnh đạo phong trào giải phóng thuộc địa.

B. đưa đến sự hỗ trợ của khối Liên hiệp Pháp đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

C. đưa đến sự hỗ trợ của các nước châu Âu đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. góp phần xác lập mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 24. Hồ Chí Minh có cống hiến nổi bật đối với những phong trào nào sau đây trên thế giới?

A. Phong trào vô sản toàn cầu, phong trào thống nhất dân tộc.

B. Phong trào cộng sản khu vực, phong trào giải phóng chính quốc.

C. Phong trào công - nông khu vực, phong trào giải phóng thực dân.

D. Phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng dữ kiện sau đây về thoả thuận của Liên Xô, Mỹ và các nước phương Tây về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Nước	Nội dung thoả thuận	
	Tại châu Âu	Tại châu Á
Liên Xô	- Quân đội Liên Xô đông quân ở miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu. - Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô.	- Khôi phục lại những quyền lợi mà nước Nga bị mất sau Chiến tranh Nga - Nhật - Tại Trung Quốc, được thuê cảng Lầu Thuận làm căn cứ hải quân, được trả lại tuyến đường sắt Xi-bê-ri-a - Trường Xuân - Kiểm soát phía bắc vĩ tuyến 38 ở bán đảo Triều Tiên.
Mỹ và các nước phương Tây	- Quân đội Mỹ, Anh, Pháp đông quân ở miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. - Vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ.	- Tại Nhật Bản: sau khi Nhật đầu hàng, quân đội Đông minh (chủ yếu là Mỹ) sẽ đóng quân. - Kiểm soát phía nam vĩ tuyến 38 ở bán đảo Triều Tiên. - Phần còn lại của châu Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây.

- A. Bảng dữ kiện thể hiện sự phân chia phạm vi ảnh hưởng của các nước thuộc phe Đồng minh khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối.
 B. Thoả thuận cho thấy phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô ở châu Âu và châu Á chênh lệch rất lớn.
 C. Nội dung của những thoả thuận trên sẽ đưa đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
 D. Những bài học lịch sử từ quan hệ quốc tế đã đưa đến việc hiện nay Việt Nam vẫn tham gia liên minh quân sự.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"... Hà Nội khởi nghĩa sớm hơn một số tỉnh khác, nhất là các thành phố lớn như Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng,... là do trong khi đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa thì được tin: chiều ngày 17-8-1945, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại Quảng trường Nhà hát thành phố để ủng hộ Chính phủ bù nhìn thân Nhật, chống lại cuộc khởi nghĩa của Việt Minh, Thành uỷ chủ trương huy động ngay một lực lượng đông đảo quần chúng cứu quốc do các đội tự vệ và tuyên truyền xung phong làm nòng cốt để biến cuộc mít tinh của địch thành cuộc mít tinh của ta,... Cuộc mít tinh trở thành cuộc biểu tình tuần hành, trong đó có cả một số lính bảo an cũng hoà vào dòng người, đi qua các phố lớn,...".

(Nguyễn Quyết, *Một ngày lịch sử*, trích trong: *Việt Nam trong thế kỉ XX*, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88-89)

- A. Hà Nội mở đầu quá trình khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
 B. Khởi nghĩa ở Hà Nội diễn ra nhanh chóng và có sự tham gia của đông đảo quần chúng.
 C. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội đã quyết định thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa ở các địa phương khác.
 D. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội cho thấy bài học về việc xác định thời cơ và chớp thời cơ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường. Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số người nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, thực hiện nam nữ bình đẳng, tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, năm 1991), trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 51, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.902)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện đường lối lãnh đạo về kinh tế - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.
 B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm phát triển hài hoà về kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường.
 C. Chiến lược trên được nêu ra sau khi Việt Nam về cơ bản đã thực hiện thành công công cuộc Đổi mới.
 D. Thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là do thực hiện công bằng xã hội.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tư tưởng, đạo đức, khoan dung của nhân loại cộng sinh và phát triển trên nền móng của truyền thống nhân bản và yêu nước Việt Nam là bản chất và đặc điểm quán xuyến văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh.

Điều cần nhấn mạnh là trong suốt chiều dài lịch sử ở Việt Nam đã xây dựng được truyền thống tiếp xúc, giao lưu tích hợp và phát triển văn hoá khoan dung không chỉ của châu Á mà của cả châu Âu và Bắc Mỹ... Đến văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh, quá trình tiếp biến và khoan dung diễn ra một cách có ý thức với cơ sở lý luận, phương pháp luận được xác định rõ ràng".

(Hoàng Khải Vĩnh, Văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh, trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.453)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện nhận định và đánh giá của tác giả về văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh.
- B. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh không có khác biệt so với văn hoá khoan dung truyền thống.
- C. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở cho văn hóa khoan dung trong truyền thống Việt Nam.
- D. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

ĐỀ SỐ 5

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Thể hiện sự liên minh đoàn kết giữa nước Nga và các nước Đông Âu.
- B. Thể hiện sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết đồng minh.
- C. Cho thấy công cuộc xây dựng chủ nghĩa ở Liên Xô đã thành công
- D. Cho thấy Cách mạng tháng Mười ở nước Nga đã kết thúc.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về các nước Đông Âu từ năm 1949 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.
- B. Tập trung thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.
- C. Lậm vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.
- D. Tiến hành cải cách để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 3. Trong trận chiến bên bờ sông Như Nguyệt trong kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, nhà Lý đã

- A. tiếp tục tấn công địch cho đến khi toàn thắng.
- B. tấn công tiêu diệt toàn bộ quân Tống.
- C. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách đề nghị giảng hoà.
- D. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách xin nhà Tống cho hoà

Câu 4. Cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên, mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc là

- A. khởi nghĩa Mai Thúc Loan.
- B. khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- C. khởi nghĩa Phùng Hưng.
- D. khởi nghĩa Lý Bí.

Câu 5. Tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập năm 1945 với sự kiện nào sau đây?

- A. Các thành viên Hội đồng Bảo an soạn thảo quy chế hiến chương.
- B. Các thành viên Hội đồng Bảo an thông qua dự thảo hiến chương.
- C. Các nước thành viên soạn thảo Hiến chương Liên hợp quốc,
- D. Các nước thành viên phê chuẩn Hiến chương Liên hợp quốc.

Câu 6. Thật từ thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã tạo điều kiện gì cho các cường quốc?

- A. Có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế.
- B. Thay thế vai trò dẫn đầu của Liên Xô trước đây
- C. Thay thế vai trò là một cực của Liên Xô trước đây
- D. Có vai trò chủ chốt và vai trò quyết định trong quan hệ quốc tế

Câu 7. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân quan trọng và trực tiếp đưa đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

- A. Xu thế toàn cầu hoá
- B. Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới.
- C. Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô.
- D. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ hai.

Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 tại quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan.
- B. Ma-lai-xi-a.
- C. Xin-ga-po.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 9. ASEAN phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước trong giai đoạn nào sau đây?

A. 1984-1999, B. 1995-2000. C. 1985-1999. D. 1996-2006.

Câu 10. Từ sau Hiệp ước Ba-li (1976), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN, thay thế cho

- A. Hội nghị Liên chính phủ. B. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao.
C. Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế. D. Hội nghị Tư lệnh lực lượng quốc phòng.

Câu 11. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng về bối cảnh Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ, quân Nhật rệu rã.
B. Chính phủ Trần Trọng Kim giải tán, quân Nhật đầu hàng.
C. Quân Nhật đầu hàng, Chính phủ Trần Trọng Kim chính thức tê liệt.
D. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.

Câu 12. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. vai trò của Mặt trận Liên Việt trong việc tập hợp khối đoàn kết toàn dân.
B. sự phối hợp giữa chiến trường chính diện và chiến trường sau lưng địch.
C. sự ủng hộ của Chính phủ Trần Trọng Kim và lực lượng thân Pháp.
D. truyền thống yêu nước và tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam.

Câu 13. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) đều có vị trí quan trọng, thúc đẩy quá trình nào sau đây trên thế giới?

- A. Tan rã của hệ thống thuộc địa. B. Tan rã của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
C. Tan rã của chế độ phân biệt chủng tộc. D. Tan rã của chế độ người bóc lột người.

Câu 14. Chiến thắng Đường 14 – Phước Long (1-1975) và chiến thắng Buôn Ma Thuột (3-1975) của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam có điểm gì chung sau đây?

- A. Đều do quân đội Sài Gòn chủ động tấn công trước.
B. Đều là những trận đánh thể hiện nghệ thuật nghỉ binh chiến lược.
C. Mở ra thời cơ mới cho cách mạng miền Nam.
D. Mở đầu sự sụp đổ nhanh chóng của chính quyền Sài Gòn.

Câu 15. Một trong những nội dung chính của đường lối đổi mới về kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006 là

- A. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
B. hình thành nền kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa.
C. xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế kỹ thuật số.
D. đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam trong công cuộc Đổi mới?

- A. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng.
B. Hình thành hệ thống quan điểm lý luận về đường lối đổi mới
C. Từng bước hình thành lý luận và cơ chế tập trung quan liêu.
D. Tình hình quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường.

Câu 17. Nội dung đường lối đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996 - 2000 và từ năm 2006 đến nay đều có điểm chung nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh đô thị hoá, hiện đại hoá.
B. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
C. Phát triển đô thị hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.
D. Phát triển hiện đại hoá đô thị, công nghiệp hoá nông thôn.

Câu 18. Từ năm 1941 đến năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện chủ trương ủng hộ những lực lượng nào sau đây trong cuộc chiến chống phát xít

- A. Liên Xô và lực lượng Đồng minh.
B. Nhật và lực lượng Đồng minh.
C. Lực lượng Đồng minh và phe các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Lực lượng Đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Câu 19. Ngày 6-3-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kí với đại diện Chính phủ Pháp văn bản nào sau đây?

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ. B. Hiệp định Sơ bộ C. Hiệp định Pa-ri. D. Tạm ước Việt - Pháp

Câu 20. Nội dung nào sau đây là điểm chung trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam thời kì 1945-1954 và

thời kì 1954-1975?

- A. Cùng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Cùng cố, phát triển quan hệ với các nước ASEAN.
- C. Thực hiện các hoạt động đối ngoại vì mục tiêu thống nhất đất nước.
- D. Thực hiện các hoạt động đối ngoại vì mục tiêu xây dựng miền Bắc.

Câu 21. Ngoài quê hương Nghệ An, tuổi thơ của Hồ Chí Minh còn gắn liền với địa phương nào sau đây?

- A. Đà Nẵng.
- B. Huế.
- C. Sài Gòn.
- D. Hải Phòng.

Câu 22. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp với văn bản nào sau đây?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- B. Lời hiệu triệu cả nước kháng chiến.
- C. Lệnh khởi nghĩa toàn quốc.
- D. Lệnh kháng chiến toàn quốc.

Câu 23. Tổ chức nào sau đây là một tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập vào ngày 22-12-1944?

- A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.
- B. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Việt Nam Giải phóng quân.

Câu 24. Nội dung nào sau đây đúng về vai trò của Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.
- B. Xác định mô hình giải phóng giai cấp,
- C. Xác định con đường phát triển xã hội.
- D. Kế thừa, tổ chức và phát triển.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tất cả các thành viên phải kiềm chế trong quan hệ quốc tế của mình, không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của bất kì quốc gia nào, hoặc theo bất kì cách nào khác không phù hợp với mục tiêu của Liên hợp quốc".

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện nội dung về mục tiêu hoạt động cơ bản của tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Hiến chương Liên hợp quốc thể hiện sự phản đối việc đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
- C. Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc hoạt động đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của tổ chức này.
- D. Với nguyên tắc nói trên, từ năm 1945 đến nay, trên thế giới không còn các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia là thành viên Liên hợp quốc.

Câu 2. Cho đoạn thông tin thống kê sau đây:

"Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, các địa phương đã đóng góp 261 453 lượt dân công với hơn 18 triệu ngày công, 25 056 tấn gạo, 1 824 tấn thịt và thực phẩm khô, hàng nghìn tấn rau, 20 911 xe đạp thồ, 11 800 thuyền mảng. Riêng các tỉnh Tây Bắc đã đóng góp 7 360 tấn gạo, chiếm gần 50% lượng gạo sử dụng tại mặt trận và 27% lượng gạo chuẩn bị cho chiến dịch, 389 tấn thịt, 700 - 800 tấn rau xanh".

- A. Đoạn thông tin thể hiện đóng góp của nhân dân cả nước đối với chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- B. Sự đoàn kết góp sức của quân dân cả nước là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.
- C. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Pa-ri.
- D. Đoạn thông tin cho thấy ngày nay vẫn cần tiếp tục phát huy bài học kết hợp bộ đội chủ lực và bộ đội chính quy trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

(Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25 – 26)

- A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế kế hoạch hoá bao cấp.
- B. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuân theo các quy luật chung, nhưng được định hướng xã hội chủ nghĩa.
- C. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình của nền kinh tế Việt Nam hiện nay trong

quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới.

D. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yếu tố giúp kinh tế Việt Nam đến nay chưa bao giờ rơi vào tình trạng suy thoái.

Câu 4. Cho bảng dữ kiện sau đây về hoạt động của Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1941:

Khoảng thời gian	Nội dung
1911-1923	Đi qua nhiều châu lục, nhiều nước, làm nhiều nghề khác nhau, có những hoạt động nổi bật tại Pháp.
1923-1924	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V
1924-1928	Hoạt động chủ yếu tại Quảng Châu (Trung Quốc).
1928-1929	Hoạt động chủ yếu tại Xiêm (Thái Lan).
1929-1930	Trở lại Trung Quốc, triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
1930-1933	Hoạt động tại Hương Cảng, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á
1934-1938	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII
1939-1941	Hoạt động chủ yếu tại Trung Quốc trước khi về nước.

A. Bảng dữ kiện thể hiện những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng ở nước ngoài. B. Bảng dữ kiện cho thấy trong thời kì này Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở Đông Nam Á.

C. Một trong những đóng góp nổi bật của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này là thành lập Đảng Cộng sản

Đông Dương.

D. Hành trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc để lại dấu ấn ở nhiều nước, một số địa phương đã lập tượng đài, nhà lưu niệm.

ĐÁP ÁN CỦA CÁC CHỦ ĐỀ VÀ ĐỀ ÔN TỐT NGHIỆP CHỦ ĐỀ 2 (11)

1.C	2.A	3.D	4.SSĐĐ	5.A	6.D	7.B	8.B	9.SĐSD	10.B
11.C	12.B	13.B	14.DĐDD	15.D	16.A	17.DSSĐ	18.A	19.A	20.A
21.C	22.D	23.A	24.A	25.A	26.C	27.B	28.C	29.B	30.SĐSD
31.D	32.DĐSD								

CHỦ ĐỀ 4 (11)

1.B	2.DSDS	3.A	4.D	5.C	6.D	7.SĐDS	8.D	9.B
11.A	12.D	13.DĐS S	14.C	15.SĐĐ S	16.D	17.C	18.DĐS S	19.A
21.DĐSS	22.DSS Đ	23.B	24.A	25.A	26.D	27.DSS Đ	28.A	29.D
10.SĐ Đ	20.D	30.A	31.SĐ Đ	32.B	33.A	34.DĐS S	35.A	36.D
37.B	38.A	39.A	40.DĐS S	41.D	42.DSS Đ	43.DĐS S	44.B	45.DĐSD S
46.C	47.D	48.C	49.D	50.B				

ĐỀ 1

1.D	2.B	3.D	4.B	5.D	6.B	7.D	8.B	9.A	10.C
11.B	12.D	13.B	14.D	15.A	16.C	17.B	18.B	19.B	20.A
21.D	22.A	23.A	24.A	1.SĐDS	2.SSĐĐ	3.SSĐĐ	4.DĐSS		

ĐỀ 2

1.A	2.B	3.D	4.D	5.C	6.C	7.C	8.A	9.C	10.D
11.D	12.B	13.A	14.A	15.A	16.A	17.C	18.D	19.A	20.C
21.A	22.D	23.B	24.C	1.SĐSD	2.SĐSD	3.SĐDS	4.DĐSS		

ĐỀ 3

1.C	2.A	3.B	4.A	5.D	6.B	7.B	8.B	9.D	10.A
11.B	12.D	13.B	14.D	15.B	16.A	17.B	18.B	19.D	20.B

ĐỀ 4

21.B	22.B	23.A	24.D	1.SDSĐ	2.SSĐĐ	3.SĐĐS	4.SĐĐS		
1.C	2.C	3.A	4.B	5.B	6.A	7.A	8.C	9.A	10.D
11.A	12.B	13.A	14.D	15.D	16.C	17.A	18.D	19.B	20.D
21.B	22.A	23.D	24.D	1.ĐSĐS	2.SĐSĐ	3.ĐĐĐĐ	4.ĐSSĐ		

ĐỀ 5

1.B	2.A	3.C	4.B	5.D	6.A	7.C	8.A	9.A	10.B
11.D	12.D	13.B	14.C	15.A	16.A	17.C	18.A	19.B	20.A
21.B	22.A	23.B	24.A	1.SĐĐS	2.ĐĐSS	3.SĐĐS	4.ĐSSĐ		

PHẦN II : CHUYÊN ĐỀ LỊCH SỬ 12 CHỦ ĐỀ 1.**THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC (UN)****1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc****a. Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành.***** Bối cảnh lịch sử:**

- Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh thấy sự cần thiết phải hợp tác để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh, đồng thời xác lập một tổ chức quốc tế nhằm duy trì hoà bình và trật tự thế giới sau tranh.
- Nhân dân thế giới có khát vọng được sống trong hòa bình.

*** Quá trình hình thành:**

- Ngày 12-6-1941: Các nước Đồng minh ra Bản tuyên bố Luân Đôn, cam kết cùng hợp tác, cả trong chiến tranh và hoà bình.
- Từ 28-11 đến 1-12-1943: Tại Hội nghị Tê-hê-ran (Iran), nguyên thủ ba nước: Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc
- Tháng 2-1945: Tại Hội nghị Ian-ta (Liên Xô), nguyên thủ ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.
- Từ 25-4 đến 26-6-1945: Đại diện 50 nước họp tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.
- Ngày 24-10-1945: Với sự phê chuẩn Hiến chương của các nước thành viên, Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

b. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động.*** Mục tiêu:**

- Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.
- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc.
- Hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo, bảo đảm quyền con người và những quyền tự do cơ bản.
- Là trung tâm điều hoà hoạt động của các quốc gia vì những mục tiêu chung.

*** Nguyên tắc hoạt động:**

- Bình đẳng về chủ quyền của tất cả các quốc gia.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.
- Từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
- Không can thiệp vào công việc thuộc thẩm quyền nội bộ của các nước.
- Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.

2. Vai trò của Liên hợp quốc**a. Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế.**

- Ngăn chặn các cuộc xung đột; làm trung gian hoà giải các cuộc xung đột và khủng hoảng quốc tế tại nhiều khu vực trên thế giới; triển khai hoạt động gìn giữ hoà bình, tạo điều kiện để hoà bình được duy trì bền vững.
- Góp phần ngăn chặn không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới từ năm 1945 đến nay.
- Soạn thảo và xây dựng một hệ thống các công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang,

hạn chế vũ khí hạt nhân,... tạo khuôn khổ pháp lý cho việc ngăn chặn phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- Thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá, thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, chấm dứt các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.

b. Thúc đẩy phát triển.

- Ưu tiên tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hợp tác quốc tế về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học, kĩ thuật thông qua các chương trình, quỹ trực thuộc, các tổ chức chuyên môn và các tổ chức liên chính phủ.

- Có nhiều chương trình hỗ trợ các nước về vốn, tri thức, kĩ thuật, nhân lực,... để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển.

- Năm 2015, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, đặt ra 17 mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030.

c. Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội.

- Nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế quan trọng nhằm bảo đảm quyền cơ bản của con người, xây dựng một thế giới an toàn hơn, công bằng hơn và tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người.

- Năm 2000, Liên hợp quốc đã đề ra Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỉ, nhằm xoá bỏ đói nghèo, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, tăng cường bình đẳng giới, phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác, bảo đảm bền vững môi trường,...

- Liên hợp quốc cũng có sự hỗ trợ hiệu quả đối với các nước trong quá trình phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế.

ĐỀ ÔN TẬP:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1. Khi CTTG thứ hai đang diễn ra, các nước Đồng minh chống phát xít mong muốn

- A. thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình, an ninh thế giới.
- B. hợp tác giữa các nước nhằm khắc phục hậu quả sau chiến tranh.
- C. thiết lập một trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.
- D. thành lập toà án quốc tế để xét xử tội phạm chiến tranh.

Câu 2. Các quốc gia trên thế giới tổ chức hội nghị thành lập Liên hợp quốc khi

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai chưa diễn ra.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc

Câu 3. Năm 1945, Hiến chương Liên Hợp quốc thông qua tại đâu ?

- A. Xan phranxixcô (Mĩ).
- B. Luân Đôn (Anh).
- C. Rô-ma (Italia).
- D. Pa-ri (Pháp).

Câu 4. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với ngày 24-10-1945?

- A. Mĩ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- B. Liên hợp quốc chính thức được thành lập.
- C. Hội nghị Xan Phranxixcô (Mĩ) thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.

Câu 5. Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, mục tiêu nào được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác?

- A. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
- B. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị các dân tộc.
- C. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo.
- D. Liên hợp quốc đóng vai trò là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- B. Từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực quốc tế trong quan hệ quốc tế.
- C. Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.
- D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 7. Ngày 1- 1- 1942, đại diện 26 nước chống phát xít đã

- A. thành lập Liên hợp quốc.
- B. họp hội nghị Tê-hê-ran.
- C. thoả thuận một số điểm cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc.

D. kí bản Tuyên bố về Liên hợp quốc.

Câu 8. Năm 1947, Đại hội đồng Liên hợp quốc lấy ngày 24 tháng 10 hằng năm làm

A. “Ngày Liên hợp quốc”.

B. “Ngày Hòa bình thế giới”.

C. “Ngày chống phát xít”.

D. “Ngày Bảo vệ môi trường”.

Câu 9. Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là

A. Bình đẳng về chủ quyền quốc gia.

B. Hợp tác phát triển có hiệu quả về kinh tế, văn hóa, xã hội.

C. Chung sống hòa bình, vừa hợp tác vừa đấu tranh.

D. Tiến hành hợp tác quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

Câu 10. Cho các sự kiện sau:

1. Hội nghị quốc tế tại Ianta (Liên Xô).

2. Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran).

3. Hội nghị quốc tế tại Xan Phranxixcô (Mỹ).

4. Đại diện 26 nước chống phát xít kí bản Tuyên bố về Liên hợp quốc. Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian.

A. 1, 3, 2, 4. B. 4, 2, 1, 3. C. 3, 1, 2, 4. D. 1, 3, 4, 2.

Câu 11. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỉ của Liên hợp quốc đã được Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỉ (9-2000) thông qua, **không** bao gồm:

A. Xoá đói giảm nghèo.

B. Thực hiện bình đẳng giới.

C. Đảm bảo bền vững về môi trường.

D. Hạn chế vũ khí hạt nhân.

Câu 12. Trụ sở chính của tổ chức Liên hợp quốc đặt tại

A. Niu Ooc (Mỹ).

B. Pari (Pháp).

C. Luân Đôn (Anh).

D. La hay (Hà Lan).

Câu 13. “Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới” là mục tiêu của tổ chức

A. Liên hợp quốc. B. Liên minh Châu Âu (EU).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

D. Diễn đàn hợp tác Á- Âu (ASEM).

Câu 14. Cơ quan chuyên môn nào của Liên hợp quốc đóng góp trong việc giúp Việt Nam bảo toàn di sản văn hoá?

A. UNICEP.

B. UNESCO.

C. FAO.

D. WHO.

Câu 15. Tổ chức nào sau đây **không** thuộc Liên hợp quốc?

A. UNICEF.

B. WTO.

C. UNESCO.

D. NATO.

Câu 16. Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua tại hội nghị nào?

A. Hội nghị Ianta. B. Hội nghị Xan Phranxico. C. Hội nghị Pôttxdam.

D. Hội nghị Pari.

Câu 17. Cơ quan nào của Liên hợp quốc có vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới?

A. Tòa án Quốc tế.

B. Hội đồng Bảo an.

C. Đại hội đồng.

D. Ban Thư kí.

Câu 18. Hình ảnh sau đây trong mục tiêu, hành động đến 2030 của Liên hợp quốc mang thông điệp gì?



A. Nước sạch và vệ sinh.

B. Cuộc sống khỏe mạnh.

C. Năng lượng sạch và bền vững.

D. Giảm bất bình đẳng.

Câu 19. Hình ảnh sau đây là biểu tượng tổ chức nào của Liên hợp quốc?



A. WHO.

B. UNESCO.

C. FAO.

D. UNCTAD

Câu 20. Việt Nam được Liên Hợp quốc chọn là quốc gia

- A. chống biến đổi khí hậu. B. thực hiện bảo vệ môi trường biển.
C. thực hiện bảo vệ rừng nguyên sinh. D. thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.

Câu 21. Điều **không** phải là vai trò của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay?

- A. Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
B. Mở rộng kết nạp thành viên trên toàn thế giới.
C. Thúc đẩy kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống nhân dân.
D. Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.

Câu 22. Vai trò quan trọng hàng đầu của tổ chức Liên hợp quốc đã thực hiện từ khi thành lập đến nay là gì?

- A. Là trung gian hoà giải mọi tranh chấp quốc tế giữa các dân tộc.
B. Góp phần ngăn chặn được nguy cơ bùng nổ cuộc chiến tranh thế giới mới.
C. Thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá giữa các nước thành viên.
D. Là trung tâm giải quyết các mâu thuẫn về vấn đề dân tộc trên thế giới.

Câu 23. Nguyên tắc “*Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình*” của Liên hợp quốc được Việt Nam vận dụng để giải quyết vấn đề nào hiện nay?

- A. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
B. Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
C. Bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, hải đảo và toàn vẹn lãnh thổ.
D. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Câu 24. Bản Hiến chương (thông qua năm 1945) là văn kiện quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc Liên hợp quốc, vì lý do nào sau đây?

- A. Tạo cơ sở pháp lý để các nước tham gia Liên hợp quốc.
B. Nêu rõ mục đích hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.
C. Quy định tổ chức, bộ máy của Liên hợp quốc.
D. Đề ra nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau.

Đại sứ Csaba Korosi người Hungary đã trở thành tân Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77, nhiệm kỳ 2022-2023, thay thế ông Abdulla Shahid, người Maldives, Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 76.

Cuộc họp cũng đã đồng thuận bầu Việt Nam trở thành một trong những Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77 đại diện cho khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Việt Nam sẽ đảm nhiệm vị trí này trong 1 năm kể từ ngày 13/9.

Đại hội đồng Liên hợp quốc là 1 trong 6 cơ quan chính của Liên hợp quốc và là cơ quan duy nhất của Liên hợp quốc có đại diện của tất cả 193 nước thành viên.

- a. Tổ chức Liên Hợp Quốc ra đời là kết quả đấu tranh gay gắt từ các hội nghị quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ 2
b. Việt Nam là thành viên thứ 149 của Liên Hợp Quốc sau khi đã gia nhập ASEAN và ngày càng có nhiều đóng góp trong các vấn đề chung của thế giới.
c. Đại hội đồng Liên hợp quốc có thẩm quyền rộng trong các lĩnh vực hợp tác chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, có quyền thảo luận và đưa ra kiến nghị về các vấn đề thuộc phạm vi Hiến chương.
d. Năm 2014 Việt Nam bắt đầu cử lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau.

Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 23/2/ 2024 (rạng sáng 24/2 theo giờ Hà Nội) đã nhóm họp phiên đặc biệt để thảo luận về tình hình xung đột Nga - Ukraine.

Phát biểu tại cuộc họp có sự tham dự của đại diện 193 thành viên Liên hợp quốc, Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc Dennis Francis đã bày tỏ quan ngại trước những thiệt hại và sự tàn phá ở Ukraine sau 2 năm xung đột. Giao tranh đã khiến hàng nghìn người thương vong, hàng triệu người phải rời bỏ nhà cửa đi lánh nạn và rất nhiều cơ sở hạ tầng như trường học, bệnh viện bị hư hại.

- a. Mục đích ra đời của Liên hợp quốc là duy trì hòa bình an ninh thế giới và thúc đẩy sự hợp tác kinh tế, khoa học giáo dục y tế và nhiều lĩnh vực khác.

- b. Liên hợp quốc ra đời thông qua các hội nghị Tê hê ran, Iatan và Xan phran xi -xô.
 c. Hiến chương Liên Hợp Quốc có nội dung qui định phải đảm bảo quyền con người và tự do cơ bản cho mọi con người, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo, ngôn ngữ.
 d. Một trong những nguyên tắc của Liên hợp quốc là không sử dụng vũ lực để đe dọa các nước thành viên, hợp tác có hiệu quả đảm bảo an ninh chung của khu vực châu Âu và các khu vực lân cận.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau.

Ngày 17/6/2019, tại phiên họp Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ở Niu-Yok Mĩ với số phiếu 192/ 193 phiếu Việt Nam chính thức trở thành Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021.

- a. Đây là lần đầu tiên Việt Nam đảm nhiệm vị trí ủy viên thường trực trong Liên hợp quốc.
 b. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc gồm có 15 nước là ủy viên thường trực.
 c. Cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là Ban thư ký.
 d. Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội là một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau.

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền là tuyên ngôn cơ bản về các quyền con người. Văn kiện này được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua và tuyên bố nghị quyết 217 A III) ngày 10/12/1948 tại Pa-ri (Pháp). Trong đó điều 1 của Tuyên ngôn khẳng định: “ Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi, có lý trí và lương tri, và phải đối xử với nhau trong tình bác ái”

- a. Thành tựu xóa đói giảm nghèo – một bảo đảm thực thi nhân quyền vững chắc ở Việt Nam
 b. Xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường là một mục tiêu phát triển về vai trò của Liên hợp quốc trong vấn đề đảm bảo quyền con người.
 c. Giải quyết xung đột, tranh chấp là một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.
 d. Hiến chương Liên hợp quốc không được xem là văn kiện quan trọng vì nó được xem là điều ước quốc tế nhằm đảm bảo quyền cơ bản của con người.

ĐÁP ÁN:

I.

1A	2C	3A	4B	5A	6C	7D	8A
9A	10B	11A	12A	13A	14B	15D	16B
17B	18A	19A	20D	21B	22B	23C	24B

II.

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	S	S	Đ	Đ
Câu 2	Đ	Đ	Đ	S
Câu 3	S	S	S	S
Câu 4	Đ	Đ	S	S

BÀI 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- **Đầu năm 1945:** Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra với các nước Đồng minh:

- + Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít
- + Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh
- + Phân chia quyền lợi giữa các nước thắng trận,...

- **Từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945:** tại thành phố I-an-ta (Liên Xô) đã diễn ra hội nghị giữa ba cường quốc: Liên Xô, Mỹ, Anh.

- **Hội nghị đưa ra nhiều quyết định quan trọng:**

- + Thống nhất mục tiêu chung trong việc tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật
- + Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế

+ Thỏa thuận về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn, chủ yếu là giữa Liên Xô và Mỹ ở châu Âu, châu Á sau chiến tranh.

- **Tác động:** Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thỏa thuận sau đó giữa ba cường quốc tại Hội nghị Potsdam (Đức) tháng 7-1945 đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, thường được gọi là “Trật tự thế giới hai cực I-an-ta”.

=> Trật tự thế giới hai cực I-an-ta hình thành đã chia thế giới thành hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực Mỹ

b. Sự tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991, chi phối toàn bộ đời sống chính trị thế giới trong nửa sau thế kỉ XX, trải qua **2 giai đoạn**:

- **Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX:** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự,... giữa một bên là cực Mỹ, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và một bên là cực Liên Xô, đứng đầu hệ thống XHCN.

+ Quan hệ quốc tế giữa hai cực trở nên căng thẳng khi Mỹ phát động cuộc Chiến tranh lạnh (1947) nhằm chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

+ Mỹ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang, thành lập liên minh quân sự ở nhiều khu vực, khiến thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng. Các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở nhiều nơi, tiêu biểu là chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp (1945 - 1954), chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ (1954-1975),...

- **Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991:** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ.

+ Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Chiến tranh lạnh vẫn diễn ra nhưng xu thế hoà hoãn Đông - Tây bắt đầu xuất hiện. Liên Xô và Mỹ đạt được những thỏa thuận bước đầu về hạn chế vũ khí chiến lược, tiến hành các cuộc gặp gỡ cấp cao.

+ Sự tan rã của Liên Xô năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của Trật tự với hai cực I-an-ta.

2. Nguyên nhân, tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Nguyên nhân

- Nguyên nhân sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

+ Chạy đua vũ trang cả Liên Xô Mỹ tốn kém, suy giảm thế mạnh kinh tế buộc hai bên phải tự điều chỉnh, từng bước hạn chế căng thẳng.

+ Sự vươn lên của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập.

+ Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới, đặc biệt là sự nổi lên của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

+ Xu thế hoà hoãn, toàn cầu hoá và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

+ Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô - quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.

b. Tác động

- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ có tác động lớn đến thế giới, đưa tới xu thế phát triển mới, cụ thể là:

+ Trong quan hệ quốc tế, một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu thế đa cực. Mỹ tiếp tục là siêu cường có sức mạnh vượt trội, nhưng phạm vi ảnh hưởng bị thu hẹp ở nhiều nơi.

+ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và những điều kiện để giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp, xung đột như ở Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Na-mi-bi-a,...

+ Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta cũng tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước lớn ở châu Âu.

+ Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta còn có những tác động không nhỏ đến vấn đề dân tộc, bản sắc cộng đồng, tôn giáo,... ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở châu Âu.

ĐỀ ÔN TẬP:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Hội nghị Ianta diễn ra trong bối cảnh

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai chưa diễn ra.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.

Câu 2. Từ ngày 4 - 12/2/1945, trên thế giới đã diễn ra sự kiện

- A. Hội nghị Véc-xay
C. Hội nghị Xanphoraxco
B. Hội nghị Pôx-đam
D. Hội nghị Ianta

Câu 3. Thành phần tham dự Hội nghị Ianta(2/1945)

- A. Xta-lin, Ru-dơ-ven, Sốc-sin
B. Xtalin, Tơ-ru-man, Bi-đôn
C. Ru-dơ-ven, Na-va, Xta-lin
D. Sốc-sin, Xtalin, Ai-xen-hao

Câu 4. Nước nào sau đây không có mặt ở Hội nghị cấp cao Ianta(2/1945)?

- A. Anh.
B. Mĩ.
C. Pháp.
D. Liên Xô

Câu 5. Ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh quyết định thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc tại

- A. Hội nghị Ianta(Liên Xô)
B. Hội nghị Xanphoraxco(Mỹ)
C. Hội nghị Pôx-đam(Đức)
D. Hội nghị Giơ-ne-vơ

Câu 6. Theo quy định của Hội nghị Ianta(2/1945), quân đội Liên Xô chiếm đóng:

- A. Tây Đức, Tây Béclin và các nước Tây Âu.
B. Đông Đức, Đông Béclin và các nước Đông Âu.
C. Nhật Bản, Triều Tiên, các nước Đông Nam Á.
D. Trung Quốc, Đông Nam Á, Tây Âu.

Câu 7. Hội nghị Ianta chấp nhận một trong những điều kiện gì để Liên Xô tham chiến chống Nhật?

- A. Duy trì nguyên trạng và công nhận độc lập của Mông Cổ.
B. Liên Xô chiếm đóng vùng Đông Đức, Đông Béclin, các nước Đông Âu
C. Trung Quốc, Bắc Triều Tiên do quân đội Liên Xô chiếm đóng
D. Quân đội Liên Xô và Mỹ Trung Quốc đều có quyền lợi ở Trung Quốc.

Câu 8. Theo nội dung của Hội nghị Ianta(2/1945), trả lại cho Trung Quốc vùng:

- A. Thượng Hải, Quảng Châu, Đài Loan
B. Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ
C. Đài Loan, Bành Hồ và Hồng Công
D. Mãn Châu, Thượng Hải và Hồng Công.

Câu 9. Theo nội dung của Hội nghị Ianta(2/1945), các vùng còn lại ở Châu Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước

- A. Phương Tây
B. Anh
C. Mỹ
D. Liên Xô.

Câu 10. Những quyết định của Hội nghị Ianta trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới

- A. Trật tự Vécxay- Oasinhton
B. Trật tự đa cực
C. Trật tự đơn cực
D. Trật tự 2 cực Ianta.

Câu 11. Cơ quan duy trì hòa bình an ninh của Trật tự 2 cực Ianta là

- A. Hội Quốc Liên
B. EU
C. ASEAN
D. Liên Hợp Quốc

Câu 12. Mâu thuẫn Đông(XHCN) - Tây (TBCN) bắt đầu từ:

- A. tham vọng và âm mưu làm bá chủ thế giới của Liên Xô
B. tham vọng và âm mưu là bá chủ thế giới của Mỹ.
C. âm mưu và thủ đoạn của các nước Đế quốc
D. sự đối đầu giữa các nước Đông Âu và Tây Âu.

Câu 13. Tổng thống của nước Mỹ công bố phát động chiến tranh lạnh?

- A. Ru-dơ-ven
B. Tờ -ru-man
C. Ai-xen-hao
D. Ken-nơ-đi

Câu 14. Mục đích của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương(NATO - 4/1949)?

- A. Nhằm cạnh tranh với Liên Xô và các nước XHCN.
B. Nhằm chống lại phong trào cách mạng thế giới
C. nhằm chống lại Liên Xô, các nước XHCN và phong trào cách mạng thế giới.
D. nhằm hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước TBCN

Câu 15. Mục đích chính tổ chức Hiệp ước Vac-sa-va (14/5/1955) là

- A. Để tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu
B. Để tăng cường sức mạnh của các nước Xã hội chủ nghĩa
C. Để đối phó với việc thành lập khối quân sự NATO của Mĩ
D. Để duy trì hoà bình và an ninh ở châu Âu, củng cố sức mạnh của các nước XHCN.

Câu 16. Trật tự 2 cực Ianta tồn tại trong thời gian

- A. từ năm 1945 – đầu những năm 70 của thế kỷ XX
B. từ năm 1945 – 1989
C. từ năm 1947 – 1991
D. từ năm 1945 – 1991

Câu 17. Hoàn thành tiếp đoạn văn sau:

Chiến tranh lạnh là tình trạng đối đầu căng thẳng, cuộc chạy đua vũ trang giữa 2 phe đứng đầu là Mỹ và Liên Xô.

- A. TBCN và XHCN
B. Phong kiến và đế quốc

C. Phong kiến với XHCN

D. Đế quốc và đế quốc.

Câu 18. Hoàn thành tiếp đoạn văn sau:

Chiến tranh lạnh là cuộc chiến tranh không.....nhưng vẫn trong tình trạng chiến tranh.

A. không sử dụng xe tăng và máy bay

B. không sử dụng bom nguyên tử

C. không nổ súng, không đổ máu

D. không sử dụng vũ lực

Câu 19. Chuyến thăm chính thức đầu tiên của tổng thống Mỹ tới Liên Xô diễn ra vào tháng 5 năm 1972 là

A. Tờ-ru-man

B. Giôn-xon

C. Ních-xon

D. Bush

Câu 20. Xu hướng hòa hoãn bắt đầu xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX với việc

A. Đông Đức – Tây Đức ký hiệp định về những cơ sở quan hệ 2 nước.

B. Liên Xô - Mỹ tiến hành cuộc gặp gỡ cấp cao và thỏa thuận về hạn chế vũ khí chiến lược(1972).

C. 2 siêu cường Xô - Mỹ tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải).

D. 33 nước châu Âu, Mỹ và Ca-na-đa ký Hiệp ước Hen-xin-ky

Câu 21. Tháng 12/1989, tại đảo Manta(Địa Trung Hải), Mỹ (Bus) và Liên Xô (Goóp-ba-chốp) đã tuyên bố

A. Phát động chiến tranh lạnh

B. Ký hiệp ước cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược

C. Chấm dứt chiến tranh lạnh

D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện về Campuchia

Câu 22. Điền vào chỗ trống đoạn văn sau:

Đặc điểm của cuộc chiến tranh lạnh là sự đối đầu giữa 2 phe TBCN (do Mỹ đứng đầu) và XHCN (Liên Xô đứng đầu). Đây là cuộc chiến tranh không có xung đột trực tiếp bằng....., nhưng diễn ra trên mọi lĩnh

vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, chạy đua vũ trang, làm cho thế giới luôn căng thẳng.

A. bom nguyên tử

B. bom hóa học

C. vũ khí vi trùng

D. quân sự

Câu 23. Bức tranh sau nói lên sự kiện gì?



A. đại diện của các cường quốc tại Hội nghị Véc-xay

B. đại diện của các cường quốc tại Hội nghị Pôxđam

C. đại diện của các cường quốc tại Hội nghị Xanphranxcô

B. đại diện của 3 cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta

Câu 24. Đâu không phải là nguyên nhân sụp đổ của trật tự 2 cực Ianta?

A. Liên Xô và Mỹ quá tốn kém và bị suy giảm thế mạnh trên nhiều mặt.

B. Những chuyển biến theo hướng hòa dịu trong quan hệ giữa các nước Đông Âu và Tây Âu.

C. Cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội, những sai lầm trong công cuộc cải tổ... đã dẫn đến sự tan rã của Liên Xô.

D. Thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới đã đưa đến sự ra đời của các quốc gia độc lập.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

Ở Châu Á, chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953), chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp

(1945

- 1954) và chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ (1954- 1975)... là những cuộc chiến tranh cục bộ tiêu biểu. Ở khu vực Trung Đông, chiến tranh Trung Đông giữa I-xra-en và các nước Ả-rập bắt đầu từ năm 1948 và kéo dài trong nhiều năm.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, tr.15)

A. Chiến tranh Triều Tiên (1950 -1953) là cuộc chiến tranh cục bộ, có sự can thiệp của Mỹ và Liên Xô.

B. Chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (1945 - 1954) và chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ (1954- 1975) là sản phẩm của chiến tranh lạnh

C. Chiến tranh Trung Đông giữa I-xra-en và các nước Ả-rập bắt đầu từ năm 1948 và kéo dài trong nhiều năm là cuộc xung đột tôn giáo lớn giữa đạo Thiên chúa với đạo Hồi.

D. Các cuộc chiến tranh Đông Dương(1945-1954), chiến tranh Triều Tiên(1950-1953), chiến tranh Việt Nam(1954-1975) chứng tỏ Châu Á là tâm điểm đối đầu giữa 2 cực Xô - Mỹ.

a. Đ b. Đ c. S d. Đ **Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:**

Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã mở ra bước đột phá đầu tiên, phá vỡ âm mưu khống chế Trung Quốc của Mỹ và những đặc quyền của Liên Xô ở vùng Đông Bắc Trung Quốc. Đồng thời, sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản cũng làm suy giảm vị trí và ảnh hưởng của Mỹ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

(Theo Lịch sử thế giới hiện đại, Quyển 2, NXB Đại học sư phạm , 2016, tr.94)

A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 làm xói mòn trật tự 2 cực Ianta.

B. Sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản là do sự tài trợ, giúp đỡ vô điều kiện của Mỹ.

C. Sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản là một trong những nguyên nhân buộc Liên Xô và Mỹ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

D. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã đe dọa đến sự tồn tại của Liên Xô và Mỹ.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 3. Quan sát bức tranh sau:



Hình 3. Tổng thống Mỹ Ních-xơn và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Brê-giơ-nhép kí các văn kiện (1972)

A. Vấn đề trọng tâm qua các văn kiện hợp tác về kinh tế và khoa học kỹ thuật được ký kết giữa 2 siêu cường Xô – Mỹ từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX là thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu, hạn chế vũ khí chiến lược và hạn chế cuộc chạy đua vũ trang giữa 2 nước.

B. Đây là chuyến thăm chính thức đầu tiên của tổng thống Mỹ ních-xơn tới Liên Xô diễn ra vào tháng 5 năm 1972. Hai bên ký kết nhiều văn kiện quan trọng về hạn chế vũ khí chiến lược, về hợp tác trong các lĩnh vực: khoa học, chinh phục không gian, y học và bảo vệ môi trường.

C. Hai bên Xô – Mỹ ký kết nhiều văn kiện quan trọng về hạn chế vũ khí chiến lược, hạn chế cuộc chạy đua vũ trang giữa hai nước, đồng thời tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh, bắt tay hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật...

D. Liên Xô và Mỹ ký kết nhiều văn kiện quan trọng về chấm dứt việc chế tạo bom nguyên tử, thủ tiêu tên lửa, bỏ qua quá khứ, hướng tới tương lai, cùng hợp tác phát triển trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật,...

a. Đ b. Đ c. S d. S **Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau:**

Những khoản thâm hụt ngân sách khổng lồ và nợ nước ngoài gia tăng là những thách thức lớn mà Mỹ phải đối mặt. Năm 1990, thâm hụt ngân sách của Mỹ lên đến 220 tỉ USD (gấp 3 lần so với năm 1980), nợ nước ngoài tăng gần 3 000 tỉ USD. Mỹ phải cắt giảm lực lượng quân đội đồn trú ở châu Âu và một số căn cứ quân sự ở các khu vực khác trên thế giới.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, tr.17)

a. Cuộc khủng hoảng kinh tế đã tàn phá nghiêm trọng nền kinh tế Mỹ, nợ nước ngoài gia tăng, buộc Mỹ phải cắt giảm ngân sách quân sự.

- b. Cuộc chạy đua vũ trang làm cho Mỹ bị tổn kém về tài chính, suy giảm thể mạnh kinh tế, nợ nước ngoài gia tăng.
- c. Cuộc chạy đua vũ trang làm cho Mỹ bị suy giảm thể mạnh, buộc phải hạn chế cuộc chạy đua vũ trang để ổn định và củng cố vị thế của mình.
- d. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đã đẩy kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng trầm trọng, nợ nước ngoài gia tăng, buộc Mỹ phải giải thể khối quân sự SEATO.
- a. S b. Đ c. Đ d. S

ĐÁP ÁN:**I.**

1C	2D	3A	4C	5A	6B	7A	8B
9A	10D	11D	12B	13B	14C	15D	16D
17A	18C	19C	20B	21C	22D	23B	24D

II.

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	Đ	Đ	Đ	S
Câu 2	Đ	S	Đ	Đ
Câu 3	S	Đ	S	Đ
Câu 4	Đ	S	S	S

BÀI 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH**1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh**

- Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới phát triển theo những xu thế chính sau:

+ **Xu thế đa cực** (thể hiện rõ từ đầu thế kỉ XXI).

+ **Xu thế lấy phát triển kinh tế là trung tâm**: kinh tế trở thành nhân tố quyết định sức mạnh tổng hợp của từng quốc gia, đồng thời đóng vai trò trung tâm trong quan hệ quốc tế.

+ **Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế**: quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo hướng tăng cường đối thoại, giải quyết bất đồng và mâu thuẫn bằng thương lượng hoà bình, hợp tác cùng có lợi.

+ **Xu thế toàn cầu hoá**: thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ của thương mại quốc tế; sự mở rộng của các công ty xuyên quốc gia; sự ra đời của các tổ chức liên kết thương mại, tài chính quốc tế,...

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế**a. Khái niệm đa cực**

- Trong quan hệ quốc tế, đa cực là khái niệm chỉ trạng thái địa - chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối. Trong trật tự đa cực, không có một trung tâm quyền lực thống trị, thay vào đó, nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu.

- Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. Trong trật tự mới này, các nước tăng cường sức mạnh tổng hợp để vươn lên khẳng định ảnh hưởng.

b. Xu thế đa cực

- **Sau khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ và Liên Xô tan rã**, Trật tự thế giới hai cực I-anta không còn. Mỹ trở thành siêu cường duy nhất, có sức mạnh vượt trội và ra sức thiết lập thế giới đơn cực.

- **Đầu thế kỉ XXI, trật tự thế giới từng bước chuyển sang đa cực, biểu hiện**:

+ Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

+ Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.

+ Vai trò của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn. Hoạt động của các công ty xuyên quốc gia cũng có ảnh hưởng ngày càng lớn trong các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế thế giới.

- **Trong một thế giới đa cực**, các quốc gia vừa cạnh tranh vừa hợp tác nhằm vươn lên và khẳng định vị thế của mình. Xu thế đa cực đem lại những thời cơ lớn nhưng cũng tạo ra không ít thách thức cho các nước.

ĐỀ ÔN TẬP:**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Một trong những biểu tượng của cho sự kết thúc của Chiến tranh lạnh là

- A. sự xuất hiện của xu thế toàn cầu hóa. B. Bức tường Béc-lin sụp đổ (1989).
C. Mỹ sang thăm Liên Xô (1972). D. Mỹ sang thăm Trung Quốc (1972).

Câu 2. Nội dung nào dưới đây **không** phải là xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty độc quyền xuyên quốc gia.
B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng đa cực.
C. Xu thế đối, thoai hợp tác trong quan hệ quốc tế thay cho xu thế đối đầu.
D. Các quốc gia điều chỉnh chiến lược, lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

Câu 3. Biểu hiện nào dưới đây **không** phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Xu thế đối thoai, hợp tác trong quan hệ quốc tế. B. Xu thế lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
C. Xu thế đơn cực trong quan hệ quốc tế. D. Xu thế toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ.

Câu 4. Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược phát triển tập trung vào

- A. kinh tế. B. văn hóa. C. quốc phòng. D. chính trị.

Câu 5. Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện là hệ quả của

- A. sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế. B. cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
C. phong trào giải phóng dân tộc. D. Chiến tranh lạnh chấm dứt.

Câu 6. Xét về bản chất, toàn cầu hóa là

- A. sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại giữa các quốc gia trên thế giới.
B. sự tăng cường sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.
C. sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động, phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước.
D. sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

Câu 7. Toàn cầu hóa ra đời là

- A. xu thế phát triển tất yếu của xã hội. B. xu thế phát triển tất yếu của nhân loại.
C. xu thế chủ quan không thể đảo ngược. D. xu thế khách quan không thể đảo ngược.

Câu 8. Quan hệ quốc tế, sau Chiến tranh lạnh, thế giới hình thành xu thế nào nào sau đây?

- A. Xu thế đa cực. B. Xu thế đơn cực. C. Xu thế hội nhập. D. Xu thế 2 cực.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế của các nước lớn.
B. Sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan với các cường quốc khác.
C. Mỹ đã thiết lập thế giới đơn cực, khống chế và chi phối nhiều nước đồng minh.
D. Vai trò ngày càng gia tăng các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực.

Câu 10. Tổ chức nào sau đây **không** có vai trò lớn đối với sự phát triển kinh tế của thế giới?

- A. Diễn đàn Hợp tác Á - Âu. B. Tổ chức Asean.
C. Nhóm nước G20. D. Tổ chức thống nhất châu Phi.

Câu 11. Một trong những nước có tầm ảnh hưởng lớn trong xu thế đa cực là

- A. Mỹ. B. Ai Cập. C. Ấn Độ. D. Lào.

Câu 12. Một trong những nước có tầm ảnh hưởng lớn trong xu thế đa cực là

- A. Mỹ. B. Ai Cập. C. Ấn Độ. D. Lào.

Câu 13. Một trong những nước có tầm ảnh hưởng lớn trong xu thế đa cực là

- A. Trung Quốc. B. Xu-đăng. C. Ấn Độ. D. Lào.

Câu 14. Trong xu thế đa cực, hai nước nào sau đây có tầm ảnh hưởng lớn trong xu thế đa cực?

- A. Anh và Triều Tiên. B. Lào và Campuchia.
C. Mỹ và Trung Quốc. D. Liên Xô và Đức.

Câu 15. Cùng với sự phát triển của Trung Quốc, Nga, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên của nước nào sau đây?

- A. Xingapo. B. Ấn Độ. C. Hàn Quốc. D. Mêhicô.

Câu 16. Một trong những nhóm nước thuộc G20 ở Đông Nam Á là

- A. Indônêxia. B. Trung Quốc. C. Braxin. D. Việt Nam.

Câu 17. Một trong những nhóm nước thuộc G20 ở Châu Phi là

- A. Indônêxia. B. Ai Cập. C. Nam Phi. D. Liên bang Nga.

Câu 18. Trong quan hệ quốc tế hiện nay, xu thế nào dưới đây được coi là nổi trội và tác động sâu sắc đến đường lối, chính sách đối ngoại của nước ta?

- A. Xu thế cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn. B. Bất đồng giữa các nước ngày càng gia tăng.
C. Tranh chấp lãnh thổ ngày càng phổ biến. D. Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển.

Câu 19. Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là

- A. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
B. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.
C. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp phát triển kinh tế.
D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh với nước lớn.

Câu 20. Một trong những xu thế của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng vào lĩnh vực kinh tế hiện nay là

- A. hợp tác và phát triển. B. hợp tác với các nước trong khu vực.
C. hợp tác với các nước châu Âu. D. hợp tác với các nước đang phát triển

Câu 21. Tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh đã đặt các quốc gia trong tình thế nào dưới đây?

- A. Chỉ cần nắm bắt thời cơ. B. Chỉ cần vượt qua thách thức.
C. Phải nắm bắt thời cơ, đẩy lùi thách thức. D. Hạn chế thách thức và vươn lên.

Câu 22. Trong xu thế toàn cầu hóa, thách thức chủ yếu mà Việt Nam phải đối mặt là gì?

- A. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường quốc tế. B. Trình độ của người lao động còn thấp.
C. Chưa thu hút được vốn đầu tư nước ngoài lớn. D. Chênh lệch giàu - nghèo quá lớn..

Câu 23. Cơ hội của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá là gì?

- A. Nhập khẩu hàng hoá với giá thấp.
B. Tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài.
C. Xuất khẩu được nhiều mặt hàng nông sản ra thế giới.
D. Tiếp thu thành tựu của cách mạng khoa học- công nghệ.

Câu 24. Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược?

- A. Kết quả của việc thu hút nguồn lực bên ngoài của các nước phát triển.
B. Các nước tư bản tăng cường đầu tư vốn ra thị trường thế giới.
C. Các cường quốc đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.
D. Kết quả của quá trình gia tăng mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sự kết thúc của trật tự thế giới 2 cực Ianta và Chiến tranh lạnh cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là quá trình gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu.”

(Trích SGKLS lớp 12 trang 19 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024).

- a) Sự hình thành xu thế đa cực và kết thúc Chiến tranh lạnh cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hóa.
b) Xu thế toàn cầu hóa xuất hiện vào đầu những năm 80 là hệ quả của phong trào giải phóng dân tộc.
c) Bản chất của toàn cầu hóa là sự gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu.
d) Trong xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cần tranh thủ thời cơ vượt qua thách thức để phát triển.

a. S b. S c. Đ d. Đ

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như sự chi phối phát triển của thế giới. Sự hình thành trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ

chức quốc tế...”

(Trích SGKLS lớp 12 trang 19 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024).

- a) Sau Chiến tranh lạnh, thế giới hình thành xu thế đơn cực .
- b) Trong xu thế đa cực, Mỹ nắm quyền chi phối và khống chế thế giới.
- c) Sự hình thành trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan.
- d) Xu thế đa cực có sự nổi lên của nhiều cường quốc.

a. S b. S c. Đ d. Đ **Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cùng với sự phát triển của Trung Quốc, Nga, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên của Ấn Độ với mức tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. Nhật Bản và các nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định vị thế của mình”.

(Trích SGKLS lớp 12 trang 20 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024).

- a) Trong xu thế đa cực, thế giới chứng kiến sự nổi lên của các nước Trung Quốc, Nga, Ấn Độ.
- b) Ấn Độ với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và nhanh nhất thế giới ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới.
- c) Nhật Bản và các nước thuộc Asean tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong xu thế đa cực.
- d) Nhật Bản và các nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong xu thế đa cực.

a. Đ b. S c. S d. Đ

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sau Chiến tranh lạnh các tổ chức kinh tế, tài chính khu vực, liên kết khu vực có vai trò ngày càng lớn đối với sự phát triển của thế giới, tiêu biểu là: Nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20); Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) gồm các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), các nước Asean, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc”.

(Trích SGKLS lớp 12 trang 20 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024).

- a) Khối quân sự Nato có vai trò ngày càng lớn đối với sự phát triển của thế giới.
- b) G20 là nhóm nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới.
- c) Liên minh châu Âu (EU) thuộc Diễn đàn Hợp tác Á - Âu.
- d) Có vai trò lớn đối với kinh tế thế giới là các tổ chức kinh tế, tài chính khu vực, liên kết khu vực.

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

ĐÁP ÁN:

I.

1B	2A	3C	4A	5B	6C	7D	8A
9C	10D	11A	12A	13A	14C	15B	16A
17C	18D	19A	20A	21C	22A	23D	24D

II.

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	S	S	Đ	S
Câu 2	S	S	S	Đ
Câu 3	Đ	Đ	S	Đ
Câu 4	Đ	Đ	Đ	Đ

CHỦ ĐỀ 2.

ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

a. Quá trình hình thành

- Sau khi giành độc lập dân tộc, các quốc gia Đông Nam Á từng bước xây dựng và phát triển kinh tế, đưa tới nhu cầu hợp tác khu vực. Điều này cũng được thúc đẩy bởi sự phát triển của xu thế khu vực hoá

trên thế giới xuất hiện từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX.

- **Trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc** bên ngoài, đồng thời thúc đẩy hợp tác và tương trợ lẫn nhau, từ những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á, như:

- + Năm 1961: Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-lip-pin thoả thuận thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA).
- + Năm 1963: Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a thoả thuận thành lập tổ chức MAPHILINDO.
- + Năm 1966: Ngoại trưởng Thái Lan gửi ngoại trưởng các nước Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Xin-ga-po dự thảo về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

- **Ngày 8-8-1967**, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với năm nước sáng lập là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

b. Mục đích thành lập của ASEAN

- Tổ chức ASEAN ra đời hướng tới những mục đích chính sau:
- + **Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.
- + **Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực** thông qua tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước thành viên, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc.
- + **Thúc đẩy hợp tác**, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kĩ thuật, hành chính.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

a. Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

- Trong giai đoạn 1967 - 1999, ASEAN đã phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10.
- + **1967**: ASEAN được thành lập (5 nước thành viên)
- + **1984**: Bru-nây gia nhập ASEAN (thành viên thứ 6)
- + **1995**: Việt Nam gia nhập ASEAN (thành viên thứ 7)
- + **1997**: Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN (thành viên thứ 8, thứ 9)
- + **1999**: Cam-pu-chia gia nhập ASEAN (thành viên thứ 10)
- Việc 10 nước trong khu vực trở thành thành viên ASEAN đánh dấu bước phát triển trong liên kết khu vực ở Đông Nam Á.

b. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

- Giai đoạn từ 1967 đến 1976:

- + Thành lập và bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
- + Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.
- + Năm 1971, ASEAN ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- + Hiệp ước Bali được kí kết năm 1976 là sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN, thể hiện cam kết cao nhất của các nước thành viên nhằm xây dựng hoà bình, hữu nghị, hợp tác trong khu vực.

- Giai đoạn từ 1976 đến 1999:

- + Thiết lập quan hệ chính trị ổn định trong khu vực, mở rộng thành viên và từng bước nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.
- + Từ sau Hiệp ước Ba-li (1976), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất, Ban thư kí ASEAN được thành lập, có trụ sở tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a). ASEAN phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước.
- + ASEAN cũng tham gia giải quyết nhiều vấn đề chính trị, an ninh lớn trong khu vực như vấn đề Cam-pu-chia.

- Giai đoạn từ 1999 đến 2015:

- + Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và hợp tác quốc tế, từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN.
- + Năm 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua.

- Giai đoạn từ 2015 đến nay:

- + Cộng đồng ASEAN được xây dựng và phát triển với ba trụ cột chính là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.
- + ASEAN tăng cường hợp tác và kết nối khu vực, đồng thời không ngừng nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

ĐỀ ÔN TẬP:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN (1967) gồm:

- A. Indônêxia, Malaixia, Philippin, Singapo và Thái Lan.
- B. Philippin, Xingapo, Malaixia, Indônêxia và Mianma.
- C. Xingapo, Mianma, Thái Lan, Brunây và Indônêxia.
- D. Việt Nam, Lào, Malaixia, Indônêxia và Brunây.

Câu 2. Điều kiện tiên quyết đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN (1967) là các quốc gia thành viên đều:

- A. Giành được độc lập.
- B. Có chế độ chính trị tương đồng.
- C. Có nền kinh tế phát triển.
- D. Có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.

Câu 3. Một trong những mục tiêu quan trọng của tổ chức ASEAN (1967) là:

- A. Xóa bỏ áp bức bóc lột và nghèo nàn lạc hậu.
- B. Xây dựng khối liên minh kinh tế và quân sự.
- C. Xây dựng khối liên minh chính trị và quân sự.
- D. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây về Hiệp ước Bali (1976) của tổ chức ASEAN là **không** đúng?

- A. Mở ra thời kì mới của tổ chức ASEAN.
- B. Chấm dứt hoàn toàn sự mâu thuẫn giữa các nước trong khu vực.
- C. Xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.
- D. Củng cố và tăng cường quan hệ giữa các nước.

Câu 5. Quá trình phát triển thành viên của ASEAN từ 5 nước ban đầu lên 10 nước **không** gặp phải trở ngại nào sau đây?

- A. Sự đối đầu giữa ASEAN với các nước Đông Dương.
- B. Sự tác động của Chiến tranh lạnh.
- C. Sự khác nhau về thể chế chính trị giữa các nước.
- D. Thời gian giành độc lập của các nước không giống nhau.

Câu 6. Từ những năm 90 của thế kỉ XX, “một chương mới mở ra trong lịch sử Đông Nam Á” vì:

- A. Vấn đề Campuchia được giải quyết bằng Hiệp định Pari (10/1993).
- B. ASEAN từ 5 nước ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên.
- C. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương và ASEAN được cải thiện tích cực.
- D. Các nước đã kí Hiến chương ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.

Câu 7. Ý nào dưới đây **không** phù hợp khi giải thích về: Quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN được đẩy mạnh từ đầu những năm 90 thế kỉ XX?

- A. Chống lại sự hình thành trật tự “đa cực” nhiều trung tâm sau Chiến tranh lạnh.
- B. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.
- C. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.
- D. Thực hiện hợp tác phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.

Câu 8. Quá trình mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại vì:

- A. Thời gian giành độc lập của các nước không đều.
- B. Khả năng quốc phòng của các nước yếu kém.
- C. Nền kinh tế của các nước có nhiều cách biệt.
- D. Các nước không có nhu cầu liên kết khu vực.

Câu 9. Điểm **khác** biệt về nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) so với Liên hợp quốc là gì?

- A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau.
- B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực với nhau.
- C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Câu 10. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là một tổ chức hợp tác trên lĩnh vực:

- A. Kinh tế - chính trị.
- B. Quân sự - chính trị.
- C. Kinh tế - quân sự.
- D. Kinh tế - văn hóa.

Câu 11. Từ những năm 90 (TK XX) đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang:

- A. Hợp tác du lịch.
- B. Hợp tác kinh tế.
- C. Hợp tác quân sự.
- D. Hợp tác giáo dục.

Câu 12. Tính đến thời điểm hiện nay thì nước nào thuộc khu vực Đông Nam Á **chưa** là thành viên của tổ chức ASEAN?

- A. Bru-nây.
- B. Mi-an-ma.
- C. Phi-líp-pin.
- D. Đông Ti-mo.

Câu 13. Theo hiến chương thành lập tổ chức ASEAN thì mục tiêu của tổ chức này là

- A. phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự nỗ lực hợp tác giữa các nước thành viên.
- B. phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự đóng góp giữa các nước thành viên.
- C. phát triển kinh tế và văn hoá dựa vào sức mạnh quân sự giữa các nước thành viên.
- D. phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự ảnh hưởng giữa các nước thành viên.

Câu 14. Tháng 11/2007, các thành viên tổ chức ASEAN đã kí bản “*Hiến chương ASEAN*” nhằm

- A. xây dựng ASEAN thành cộng đồng hòa bình, ổn định.
- B. xây dựng ASEAN thành cộng đồng vững mạnh.
- C. xây dựng ASEAN thành cộng đồng chiến lược về chính trị, quân sự.
- D. xây dựng ASEAN thành cộng đồng chỉ mang tính chất chiến lược về quân sự.

Câu 15. Trong những sự kiện dưới đây sự kiện nào đánh dấu sự khởi sắc và hoạt động có hiệu quả của tổ chức ASEAN

- A. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết năm 1989.
- B. Hiệp ước Ba-li được kí kết năm 1976.
- C. Việt Nam gia nhập vào tổ chức năm 1995.
- D. 10 nước Đông Nam Á tham gia vào tổ chức năm 1999.

Câu 16. Việt Nam gia nhập ASEAN vào ngày tháng năm nào và là thành viên gia nhập thứ mấy trong các quốc gia ASEAN?

- A. 28/8/1995, thành viên gia nhập thứ 10.
- B. 27/8/1996, thành viên gia nhập thứ 9.
- C. 27/8/1995, thành viên gia nhập thứ 8.
- D. 28/7/1995, thành viên gia nhập thứ 7.

Câu 17. Những yếu tố dưới đây yếu tố nào **không** phải là nguyên nhân thành lập của tổ chức ASEAN?

- A. Hợp tác giữa các nước để cùng nhau phát triển.
- B. Thiết lập sự ảnh hưởng của mình đối với các nước khác.
- C. Hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.
- D. Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của các tổ chức hợp tác khác trên thế giới.

Câu 18. “Phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực” là mục tiêu của

- A. Tổ chức ASEAN.
- B. Hội nghị Ianta.
- C. Liên minh châu Âu.
- D. Liên hợp quốc.

Câu 19. Theo sáng kiến của "Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á" (ASEAN), diễn đàn khu vực (ARF) được thành lập (1993) nhằm mục đích

- A. tạo nên môi trường hòa bình, ổn định cho khu vực.
- B. tăng cường hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hóa.
- C. thúc đẩy mối quan hệ giữa các nước thành viên.
- D. tổ chức Đông Nam Á thành khu vực mậu dịch tự do.

Câu 20. Hiệp ước Bali (2 - 1976) có nội dung cơ bản là gì?

- A. Tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN ở khu vực Đông Nam Á.
- B. Xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN.
- C. Thông qua những nội dung cơ bản của Hiến chương ASEAN.
- D. Tuyên bố quyết định thành lập cộng đồng ASEAN.

Câu 21. Yếu tố nào **không** phải là nguyên nhân thành lập của tổ chức ASEAN năm 1967?

- A. Hợp tác giữa các nước để cùng nhau phát triển.
- B. Phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác.
- C. Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.
- D. Sự hoạt động có hiệu quả của nhiều tổ chức hợp tác trên thế giới.

Câu 22. Ý nào dưới đây **không** phù hợp khi giải thích về quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN được đẩy mạnh từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX?

- A. Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.
- B. Thực hiện hợp tác phát triển có hiệu quả theo nguyên tắc của Hiệp ước Bali.
- C. Hình thành liên minh khu vực rộng rãi để cạnh tranh với liên minh Châu Âu.
- D. Quan hệ giữa ASEAN với ba nước Đông Dương được cải thiện tích cực.

Câu 23. Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại xuất phát từ lí do nào sau đây?

- A. Nguyên tắc hoạt động của ASEAN không phù hợp với các nước Đông Dương.
- B. Tác động của cuộc Chiến tranh lạnh và cục diện hai cực, hai phe.
- C. Có nhiều khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia dân tộc.
- D. Các nước thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

Câu 24. Các nước ASEAN cần làm gì để giải quyết vấn đề biển Đông hiện nay?

- A. Lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn về vấn đề biển Đông.
- B. Xây dựng một đội quân cơ động, chiến lược mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- C. Sự đồng thuận giữa các quốc gia và vai trò trung tâm của ASEAN.
- D. Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển trong khu vực.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc tư liệu sau đây:

1. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.
2. Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.
3. Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và hành chính....

(Trích Tuyên bố ASEAN - SGK Lịch sử 12 - KNTT - Trang 22 - NXB GD năm 2024)

- a. Tuyên bố ASEAN nêu rõ mục đích thành lập ASEAN. (Đ)
- b. Tuyên bố ASEAN khẳng định nguyên tắc hoạt động của ASEAN. (S)
- c. Tuyên bố ASEAN tạo điều kiện cho các nước thành viên phát triển và hội nhập khu vực, thế giới. (Đ)
- d. Tuyên bố ASEAN chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN. (S)

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau:

Sự kiện Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN là dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của ASEAN. Đây không chỉ là sự tăng thêm về số lượng thành viên mà còn đẩy nhanh quá trình thực hiện mục tiêu xây dựng ASEAN trở thành “ngôi nhà chung” của các quốc gia Đông Nam Á

(Trích SGK Lịch sử 12 - KNTT - Trang 23 - NXB GD năm 2024)

- a. Ngày 30/4/1999 khi Cappuchia gia nhập ASEAN trở thành tổ chức “toàn Đông Nam Á”. (S)
- b. Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên đều có nền kinh tế phát triển. (S)
- c. Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 chứng tỏ sự khác biệt về ý thức hệ có thể hóa giải. (Đ)
- d. Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại. (S)

Câu 3. Đọc tư liệu sau đây:

Tuyên bố ASEAN nêu rõ mục đích thành lập của ASEAN:

- Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.
- Thúc đẩy hoà bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.
- Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học - kỹ thuật và hành chính,...

(Theo Tuyên bố ASEAN, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), NXB Chính trị quốc gia, 1998, trang 15, 16)

- a. Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập được ra vào năm 1971, nhằm khẳng định sự độc lập và chủ quyền của các nước Đông Nam Á trước các cường quốc ngoài khu vực. (Đ)
- b. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) khi mới thành lập (1967) **không** đề ra mục đích, nhiệm vụ xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng. (S)
- c. Hội nghị Thượng đỉnh gồm Thủ tướng các quốc gia thành viên; là cơ quan hoạch định chính sách tối cao của ASEAN. (S)
- d. Mỗi quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN là một trong những trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại của Việt Nam, mang lại nhiều lợi ích cho cả hai bên và đóng góp vào hòa bình và phát triển trong khu vực Đông Nam Á. (Đ)

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau:

Quá trình mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) bắt đầu từ khi năm thành viên sáng lập hiệp hội ký thông qua Tuyên bố Bangkok năm 1967. Các nước sáng lập ASEAN gồm

Singapore, Malaysia, Indonesia, Philippines và Thái Lan. Năm 1984, Brunei trở thành thành viên thứ sáu của tổ chức ASEAN. Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN vào ngày 28/7/1995. Tiếp đến, ASEAN đã lần lượt kết nạp Lào và Myanmar vào ngày 23/7/1997 và Campuchia vào ngày 30/4/1999, hiện thực hóa ý tưởng quy tụ đủ 10 nước Đông Nam Á dưới “mái nhà chung ASEAN”.

- Ngày 30/4/1999 khi Campuchia gia nhập ASEAN trở thành tổ chức “toàn Đông Nam Á”. (Đ)
- Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên đều có nền kinh tế phát triển. (S)
- Sự kiện VN gia nhập ASEAN năm 1995 chứng tỏ sự khác biệt về ý thức hệ có thể hóa giải. (Đ)
- Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại. (Đ)

ĐÁP ÁN:

I.

1A	2A	3D	4B	5C	6B	7A	8A
9B	10D	11B	12D	13A	14B	15B	16D
17B	18D	19A	20B	21B	22C	23B	24C

II.

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	S	S	Đ	Đ
Câu 2	Đ	Đ	Đ	S
Câu 3	S	S	S	S
Câu 4	Đ	Đ	S	S

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN

- Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN** khởi nguồn từ khi tổ chức này được thành lập năm 1967. Trong Tuyên bố Băng Cốc (1967), các nước thành viên đã nêu mục tiêu xây dựng một cộng đồng hoà bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á.
- Năm 1997**, ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được chính thức khẳng định nhân dịp kỉ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN. Cũng trong năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a đã thông qua văn kiện mang tên Tầm nhìn ASEAN 2020.
- Tầm nhìn ASEAN 2020** là văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một Cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc khu vực chung, cùng nhau giữ gìn hoà bình, hướng tới ổn định, tương trợ, hợp tác phát triển phồn vinh, tăng cường vị thế ASEAN trên trường quốc tế.

b. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN** là xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.
- Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên ba trụ cột** là Cộng đồng Chính trị An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN

- Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)** là khuôn khổ hợp tác chính trị an ninh toàn diện nhằm mục tiêu xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị - an ninh trong khối ASEAN, kết hợp với sự tham gia của các đối tác bên ngoài.

b. Cộng đồng Kinh tế ASEAN

- Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)** là khuôn khổ hợp tác xây dựng ASEAN thành một thị trường và một nền tảng sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.
- AEC thúc đẩy chính sách cạnh tranh** về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử,... hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên.

c. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN

- **Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN (ASCC)** xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm, có trách nhiệm xã hội nhằm xây dựng tinh đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mở, nơi cuộc sống và phúc lợi của người dân được nâng cao.

- **Kế hoạch tổng thể xây dựng ASCC được thông qua, gồm 6 nội dung chính.**

- + Phát triển con người
- + Phúc lợi và bảo hiểm xã hội
- + Các quyền và bình đẳng xã hội
- + Bảo đảm bền vững môi trường
- + Tạo dựng bản sắc ASEAN
- + Thu hẹp khoảng cách phát triển

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a. Triển vọng và thách thức của Cộng đồng ASEAN

- **Thách thức của Cộng đồng ASEAN:**

- + Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; thay đổi cấu trúc địa - chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng và toàn cầu nói chung.
- + Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo; khoảng cách về phát triển kinh tế giữa các nước.
- + Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.
- + Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,... đe dọa môi trường hoà bình, an ninh, ổn định để phát triển của Cộng đồng ASEAN.

- **Triển vọng của Cộng đồng ASEAN:**

- + Sự vươn lên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng là cơ sở để Cộng đồng ASEAN tiếp tục phát triển với mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.
- + Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, ...; từng bước gắn kết các quốc gia Đông Nam Á để trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.
- + Về đối ngoại, vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, tham gia và đóng vai trò quan trọng tại nhiều diễn đàn lớn trên thế giới.

b. Các ví dụ

- **Về thách thức:** Vấn đề Biển Đông, biến đổi khí hậu, quản trị lưu vực sông Mê Công, ... đang là những thách thức hàng đầu đe dọa sự ổn định và phát triển của Cộng đồng ASEAN nói riêng và Đông Nam Á nói chung.

- **Về thành tựu về kinh tế:**

- + Thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (viết tắt là: ATIGA), ASEAN đã cơ bản hoàn thành dỡ bỏ thuế cho 98,6% các dòng sản phẩm.
- + Bên cạnh việc hợp tác nội khối, ASEAN còn có hiệp định thương mại tự do (FTA) với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia, New Zealand và Hongkong (Trung Quốc). Năm 2020, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), giữa 10 nước ASEAN và 5 đối tác là: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand được ký và có hiệu lực từ ngày 1/1/2022.

- **Thành tựu về chính trị - an ninh:**

- + ASEAN đạt nhiều kết quả quan trọng trong việc duy trì hòa bình, ổn định và an ninh khu vực. ASEAN tạo dựng được sự tin cậy và gắn kết giữa các nước thành viên; thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước trong và ngoài Hiệp hội; xây dựng lòng tin, chia sẻ và phát huy giá trị các quy tắc và chuẩn mực ứng xử giữa các nước tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương.
- + ASEAN cũng tăng cường hợp tác và nâng cao năng lực xử lý những thách thức an ninh, hạn chế sự can thiệp và chi phối của các nước lớn.
- + ASEAN đã nỗ lực hợp tác nâng cao năng lực xử lý các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt trước các thách thức và mối đe dọa do đại dịch Covid-19, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng...

ĐỀ ÔN TẬP:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1: Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ khi:

- A. ASEAN thành lập năm 1967
- B. Tất cả các nước Đông Nam Á ra nhập ASEAN
- C. Các nước kí hiệp ước Bali
- D. Việt Nam ra nhập ASEAN

Câu 2. Theo văn kiện “Tầm nhìn ASEAN năm 2020” cộng đồng ASEAN bao gồm

- A. Năm nước sáng lập
- B. Các nước Châu Á
- C. Các nước châu Âu
- D. Bốn nước sáng lập

Câu 3. Văn kiện đầu tiên chính thức khẳng định ý tưởng thành lập cộng đồng ASEAN là

- A. Tuyên bố Băng Cốc năm 1967
- B. Tầm nhìn ASEAN 2020
- C. Hiệp ước Bali năm 1976
- D. Hiến chương ASEAN năm 2003

Câu 4. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là

- A. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế- chính trị, văn hóa, xã hội
- B. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế, Chính trị, văn hóa- lịch sử
- C. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế, Chính trị-an ninh, văn hóa - xã hội
- D. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế- xã hội, văn hóa – thể dục thể thao

Câu 5. Cơ sở pháp lý để xây dựng mục tiêu của cộng đồng ASEAN là

- A. Tuyên bố Băng Cốc năm 1967
- B. Hiến chương ASEAN
- C. Hiệp ước Bali
- D. Tầm nhìn ASEAN 2020

Câu 6. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là gì?

- A. Chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa – giáo dục
- B. Chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa – thể thao
- C. Kinh tế, chính trị- an ninh, văn hóa- xã hội
- D. Chính trị- an ninh, kinh tế- tiền tệ, văn hóa – xã hội

Câu 7. Kế hoạch xây dựng cộng đồng ASEAN được nêu trong văn kiện nào?

- A. Hiến chương ASEAN
- B. Hiệp ước thân thiện và hợp tác
- C. Tuyên bố Cuala- Lăm pơ
- D. Lộ trình xây dựng cộng đồng ASEAN (2009-2015)

Câu 8. Cộng đồng ASEAN chính thức thành lập bởi:

- A. tuyên bố Băng cốc năm 1967
- B. Hiệp ước thân thiện và hợp tác năm 1976
- C. Tuyên bố Cuala- Lăm pơ năm 2015
- D. Hiến chương ASEAN năm 2003

Câu 9. Một trong những mục tiêu của cộng đồng ASEAN là

- A. Đảm bảo hòa bình ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực
- B. Có trình độ phát triển kinh tế và khomạnh a học kĩ thuật cao và hiện đại
- C. Có đồng tiền chung của khu vực
- D. Có nền quốc phòng mạnh với sự phát triển của vũ khí hạt nhân

Câu 10. AEC là tên viết tắt của

- A. Cộng đồng kinh tế ASEAN
- B. Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN
- C. Cộng đồng văn hóa ASEAN
- D. Cộng đồng Kinh tế - tiền tệ ASEAN

Câu 11. Mục đích của Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC)

- A. Duy trì và tăng cường an ninh, hòa bình và ổn định, tăng khả năng tự bảo đảm an ninh khu vực.
- B. Một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất
- C. Một khu vực có sức cạnh tranh, phát triển đồng đều
- D. Một khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng

Câu 12 . Đâu không phải là nội dung phát triển của cộng đồng Văn hóa – xã hội ASEAN?

- A. Xây dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau
- B. Điều tiết những ảnh hưởng về mặt xã hội của các liên kết kinh tế
- C. Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu
- D. Tăng cường nền tảng gắn kết xã hội của khu vực.

Câu 13. Một trong những thách thức cơ bản đối với cộng đồng ASEAN là:

- A. Sự đa dạng về chế độ chính trị
- B. Sự chênh lệch về thu nhập và trình độ phát triển
- C. Sự tương đồng trong một số ngành nghề
- C. Sự ảnh hưởng của các nước lớn

Câu 14. Đâu là thách thức từ bên ngoài đối với sự phát triển của cộng đồng ASEAN?

- A. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước
- B. Tình hình chính trị ở một số nước còn phức tạp
- C. Có nhiều tôn giáo khác nhau

D. Diễn biến phức tạp của tình hình biển Đông và quốc tế

Câu 15 Trong hơn nửa thế kỉ tồn tại ASEAN đã đạt được nhiều thành tựu ngoại trừ:

- A. duy trì hòa bình, ổn định và an ninh khu vực
- B. tạo dựng được sự tin cậy và gắn kết giữa các nước thành viên
- C. thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước trong và ngoài Hiệp hội
- D. chế tạo thành công bom nguyên tử

Câu 16. Cộng đồng Kinh tế ASEAN là

- A. Tổ chức hợp tác về kinh tế, khoa học kĩ thuật cơ bản
- B. Là sự tiếp nối, mở rộng các chương trình hợp tác kinh tế, thương mại
- C. Là tổ chức hợp tác toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội
- D. Là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế trước đây của ASEAN

Câu 17. Một trong những nội dung chính của Cộng đồng kinh tế ASEAN là:

- A. Tạo ra thị trường và cơ sở sản xuất chung với sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, vốn, dịch vụ
- B. Xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm
- C. Bảo đảm các quyền và công bằng xã hội
- D. Tạo ra khối phòng thủ chung của các nước Đông Nam Á

Câu 18. Bảo vệ quyền của nhóm các đối tượng yếu thế như : phụ nữ, trẻ em, người già, người khuyết tật... là một trong những nội dung hợp tác của

- A. cộng đồng Kinh tế - an ninh
- B. cộng đồng Chính trị - xã hội
- C. Cộng đồng Kinh tế - văn hóa
- D. Cộng đồng Văn hóa- Xã hội

Câu 19. Những thách thức hàng đầu đe dọa sự ổn định và phát triển của cộng đồng ASEAN hiện nay là

- A. Khủng hoảng kinh tế thế giới
- B. Sự không ổn định của tình hình chính trị thế giới
- C. vấn đề Biển Đông, biến đổi khí hậu, Quản trị lưu vực sông Mê Công...
- D. Sự bành trướng của Trung Quốc ở biển Đông

Câu 20. Hiện nay cộng đồng ASEAN được biết đến là

- A. khu vực phát triển nhất thế giới
- B. khu vực có nhiều bất ổn về chính trị và tôn giáo
- C. một trong những khu vực phát triển năng động nhất thế giới
- D. Khu vực có nhiều biến động về văn hóa

Câu 21. Nguyên nhân cơ bản đã gắn kết các quốc gia thành viên ASEAN cùng thực hiện mục tiêu chung vì một Đông Nam Á hòa bình, ổn định và thịnh vượng?

- A. Sự liên kết chặt chẽ
- B. Sự mở rộng quan hệ đối tác bên ngoài khu vực
- C. Sự tác động của tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh
- D. Sự đoàn kết, đồng thuận và thống nhất trong đa dạng

Câu 22. Trong việc giải quyết các vấn đề khu vực Đông Nam Á hiện nay, ASEAN giữ vai trò nào?

- A. Trung tâm
- B. Làm chủ
- C. Trụ cột
- D. Đồng thuận

Câu 23. Một trong những đóng góp của Việt Nam trong xây dựng cộng đồng ASEAN là:

- A. Tham gia kí kết hiệp ước thân thiện và hợp tác
- B. Đề xuất thành lập Cộng đồng Văn hóa - Xã hội
- C. Ra nhập và trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN
- D. Đoàn kết với các nước Đông Dương đánh bại đế quốc Mỹ

Câu 24. Vấn đề được xem là thách thức lớn nhất mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt

- A. kinh tế.
- B. chính trị.
- C. an ninh.
- D. xã hội.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN đã khởi nguồn từ khi ASEAN thành lập. Tuyên bố Băng Cốc (1967) đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình ở Đông Nam Á.”

(Trích SGKLS lớp 12 trang 25 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024)

- a. Cộng đồng ASEAN được các nước lên ý tưởng xây dựng từ trước thập niên 50 của thế kỉ XX.
- b. Tuyên bố tại Băng Cốc (1967) là mục tiêu đầu tiên của Cộng đồng ASEAN.
- c. Tuyên bố Băng Cốc (1967) đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình ở châu Á.
- d. Cộng đồng ASEAN ra đời có tác dụng thúc đẩy sự phát triển khu vực Đông Nam Á.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với 3 trụ cột có mức độ liên kết sâu rộng hơn, ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN, đồng thời mở rộng hợp tác với bên ngoài. Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập thành 3 trụ cột là: Hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế, hợp tác văn hoá - xã hội. Ba trụ cột được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích đảm bảo hoà bình, ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực.”

(Trích SGKLS lớp 12 trang 26 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024)

- Cơ sở để xây dựng cộng đồng ASEAN là Hiến chương ASEAN.
- Cộng đồng ASEAN được thành lập với 4 trụ cột chính.
- Hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế, hợp tác văn hoá - xã hội là những trụ cột chính của cộng đồng ASEAN.
- Trụ cột của ASEAN tồn tại độc lập tách rời nhau.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cộng đồng chính trị an ninh ASEAN đã được xây dựng trên nền tảng những thành quả hợp tác chính trị an ninh đã đạt được nhằm mục tiêu tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh khu vực, nâng hợp tác chính trị, an ninh lên một nấc thang mới cao hơn và chặt chẽ hơn trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.”

(Trích SGKLS lớp 12 trang 27 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024)

- Cộng đồng chính trị an ninh ASEAN đã được xây dựng trên nền tảng những thành quả hợp tác chính trị, đối ngoại chung.
- Mục tiêu chính trị của cộng đồng ASEAN là nhằm tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh khu vực, nâng hợp tác chính trị.
- Mục tiêu chính trị của cộng đồng ASEAN dựa trên nguyên tắc chung sống hoà bình và sự nhất trí của các nước lớn.
- Cộng đồng chính trị an ninh ASEAN tạo điều kiện thúc đẩy các cộng đồng kinh tế, văn hoá xã hội trong tổ chức phát triển.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015

Sau khi thành lập Cộng đồng ASEAN các nước ASEAN tiếp tục đưa ra định hướng cho một giai đoạn phát triển mới sau năm 2015 với nội dung định hướng là tiếp tục củng cố, làm sâu sắc hơn các lĩnh vực hợp tác. Hội nghị cao cấp ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội (2020) đã nhất trí thông qua việc xây dựng tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 hướng tới việc gắn kết chặt chẽ các nội dung hợp tác trên cả 3 trụ cột (cộng đồng chính trị - an ninh, cộng đồng kinh tế và cộng đồng văn hoá - xã hội), đồng thời bổ sung những nội dung mới như: Hợp tác về chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh.”

(Trích SGKLS lớp 12 trang 29 - Bộ KNTN, NXB GDVN năm 2024)

- Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 được đưa ra trên cơ sở Cộng đồng ASEAN đã thành lập.
- Nội dung tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 là mở rộng thêm trụ cột cộng đồng tài chính chung.
- Hội nghị cao cấp ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội (năm 2020) đã nhất trí thông qua xây dựng tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.
- tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 hướng tới việc gắn kết chặt chẽ các nội dung hợp tác trên cả 3 trụ cột.

ĐÁP ÁN: I.

1A	2B	3B	4C	5B	6C	7D	8A
9A	10A	11A	12C	13A	14D	15D	16B
17A	18D	19C	20C	21D	22A	23B	24C

II.

Câu hỏi	Đáp án a	Đáp án b	Đáp án c	Đáp án d
Câu 1	S	S	S	Đ
Câu 2	Đ	Đ	Đ	S
Câu 3	S	Đ	S	S
Câu 4	Đ	S	Đ	Đ

Chủ đề 3

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT

BÀI 6: Cách mạng Tháng Tám năm 1945**I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM****1. Bối cảnh lịch sử****a. Thế giới:**

- Đầu năm 1945, CTTG2 bước vào giai đoạn kết thúc, từ ngày 17/7 đến ngày 2/8/1945, đại diện các cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh họp Hội nghị tại Pốt-xđam (Đức) quyết định về việc giải giáp vũ khí của quân đội Nhật ở Đông Dương. Theo đó, việc giải giáp vũ khí quân Nhật ở Đông Dương được giao cho quân đội Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc vĩ tuyến 16 và quân đội Anh ở phía Nam vĩ tuyến 16.
- Ngày 15/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

b. Trong nước:

- Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.
 - Quân Đồng minh chuẩn bị kéo vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật.
 - Nhân dân sục sôi khí thế cách mạng.
 - Đảng đã trải qua 15 năm chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt, đặc biệt từ tháng 3 đến giữa tháng 8 năm 1945, cao trào kháng Nhật cứu nước đã góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt quần chúng đấu tranh và sẵn sàng chuyển qua Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.
 - Các lực lượng trung gian ngả hẳn về phía cách mạng.
- => Thời cơ cách mạng chín muồi.

*** Thời cơ trong CMT8:**

- Dấu hiệu:
 - + Kẻ thù chính của cách mạng là phát xít Nhật không thể duy trì sự thống trị như cũ, kẻ thù mới chưa xuất hiện.
 - + Đảng sẵn sàng lãnh đạo quần chúng đứng lên Tổng khởi nghĩa.
 - + Nhân dân không cam chịu sống như cũ, sẵn sàng vùng lên giành chính quyền.
 - + Lực lượng trung gian ngả hẳn về phía cách mạng.
 - Thời gian tồn tại của thời cơ trong CMT8: từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- => Thời cơ trong CMT8 là thời cơ “ngàn năm có một” do hội tụ đầy đủ những yếu tố chủ quan, khách quan thuận lợi và chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn.

2. Chủ trương của Đảng

- Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã ban bố “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- Từ ngày 14 - 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại sau khi giành chính quyền.
- Từ ngày 16- 17 /8/1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào (Tuyên Quang). Đại hội đã:
- + Nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa của Đảng.
- + Thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, thông qua Quốc kỳ, Quốc ca của nước Việt Nam mới.
- + Bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng (sau được cải tổ thành Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa) do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.
- Sau đó, ngày 18/8/1945, Hồ Chí Minh đã gửi thư đến đồng bào trong cả nước kêu gọi nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

2. Diễn biến chính

- Ngày 14-8 và ngày 15-8-1945: khởi nghĩa thắng lợi ở một số xã, huyện thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh,.....
- Chiều 16/8/1945, một đơn vị quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng Thái Nguyên mở đường tiến về Hà Nội.
- Ngày 18/8/1945, nhân dân 4 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất cả nước.
- Ngày 19/8/1945: giành chính quyền ở Hà Nội.
- Ngày 23/8/1945: giành chính quyền ở Huế.

- Ngày 25/8/1945: giành chính quyền ở Sài Gòn.
- Ngày 28/8/1945: Đồng Nai Thượng, Hà Tiên là hai tỉnh cuối cùng giành được chính quyền.
- Ngày 2/9/1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

3. Nguyên nhân thắng lợi

a. Chủ quan:

- Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo: vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mac-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam; linh hoạt trong lãnh đạo chớp thời cơ, phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.
- Truyền thống yêu nước, đoàn kết, tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam
- Quá trình chuẩn bị lực lượng lâu dài, chu đáo trong 15 năm, rút được nhiều kinh nghiệm đấu tranh qua các giai đoạn. Trong quá trình khởi nghĩa có sự phối hợp sáng tạo giữa các lực lượng và hình thức đấu tranh.
- Trong những ngày Tổng khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân đồng lòng, quyết tâm giành độc lập, tự do.
- Các cấp bộ Đảng, Việt Minh chỉ đạo linh hoạt, chớp thời cơ Tổng khởi nghĩa.

b. Khách quan: Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít tạo điều kiện khách quan thuận lợi, củng cố niềm tin cho toàn Đảng, toàn dân.

4. Ý nghĩa lịch sử

a. Đối với Việt Nam:

- Phá tan hai xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm và phát xít Nhật trong gần 5 năm, lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ở nước ta ngót 10 thế kỉ, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Đưa nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ cộng hoà, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ thành người dân độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.
- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà; kỷ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.
- Chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng, đưa Đảng CSĐD từ một đảng hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo.
- Chứng tỏ sự sáng tạo, tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân ta.

b. Đối với thế giới:

- Góp phần vào thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ thế giới trong cuộc đấu tranh chống phát xít.
- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.
- Cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, đặc biệt có ảnh hưởng to lớn, trực tiếp đến hai nước bạn là Miên và Lào.

5. Bài học kinh nghiệm

- **Bài học về sự lãnh đạo của Đảng:** Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Cách mạng muốn thắng lợi Đảng phải có đường lối đúng đắn, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng VN, nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp cách mạng phù hợp.
- **Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc:** cách mạng muốn thắng lợi phải tập hợp, tổ chức lực lượng các giai cấp cách mạng, biết khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Do đó, cần có hình thức phong phú, sáng tạo để tập hợp, tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết dân tộc.
- **Bài học về nắm bắt thời cơ:** cách mạng muốn thắng lợi cần xác định đúng thời cơ, chủ động và mau lẹ chớp thời cơ hành động.

II. BÀI TẬP

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 30. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Ở Việt Nam, ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, đã diễn ra sự kiện lịch sử nào?

- Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chấm dứt chế độ phong kiến.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.
- Tuyên bố thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động Toàn quốc kháng chiến.

Câu 2. Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện quan trọng gắn với thắng lợi của

A. cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

B. cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975).

C. Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I (1946).

Câu 3. Một trong những địa phương giành chính quyền sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Phú Thọ.

B. Hà Tiên.

C. Hải Dương.

D. Đồng Nai.

Câu 4. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (8 - 1945) đã quyết định cử ra

A. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

C. Chính phủ liên hiệp quốc dân.

D. Ủy ban lâm thời khu giải phóng.

Câu 5. Một trong những nội dung của Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (8 - 1945) là

A. ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

B. chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên cả nước.

C. thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

D. tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.

Câu 6. “Chúng ta phải hành động cho nhanh, với tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!” Câu trích trên ở trong văn kiện nào?

A. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

B. Nghị quyết của Đại hội Quốc dân Tân Trào - Tuyên Quang.

C. “Quân lệnh số 1” của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

D. chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Câu 7. Chiều ngày 16 - 8 - 1945, theo lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã

A. Cao Bằng.

B. Thái Nguyên.

C. Lào Cai.

D. Tuyên Quang.

Câu 8. Một trong những ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước (từ tháng 3 đến tháng 8 -1945) là

A. góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt cho quần chúng đấu tranh.

B. tập hợp quần chúng nhân dân chống đế quốc, phát xít và tay sai.

C. biểu dương lực lượng, đưa các yêu sách về dân sinh, dân chủ.

D. Đảng tích lũy được kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh công khai.

Câu 9. Cao trào kháng Nhật cứu nước (từ tháng 3 đến tháng 8 -1945) của nhân dân Việt Nam đã

A. làm cho lực lượng cách mạng được tăng cường ở trong và ngoài nước.

B. tạo ra thời cơ để Tổng khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng, ít đổ máu.

C. thúc đẩy sự sụp đổ nhanh chóng của chủ nghĩa phát xít trên thế giới.

D. tạo ra những điều kiện chủ quan cho một cuộc tổng khởi nghĩa.

Câu 10. “Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến” là nhận định về sự kiện nào?

A. Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm toàn Đông Dương.

B. Quân đội Liên Xô tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật.

C. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.

D. Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 11. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu là do

A. sức mạnh của lực lượng vũ trang khiến kẻ thù khiếp sợ.

B. áp lực và hoạt động khôn khéo của lực lượng cách mạng.

C. quân Nhật bị Đồng minh đánh không còn khả năng kháng cự.

D. quân Đồng minh vào hỗ trợ nhân dân ta giành chính quyền.

Câu 12. Một trong những nguyên nhân chủ quan đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. thắng lợi của lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống Phát xít.

B. phát xít Nhật bị quân Đồng minh tiêu diệt buộc phải đầu hàng.

C. đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

D. sự đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của ba nước Đông Dương.

Câu 13. Một trong những bài học kinh nghiệm từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là

- A. xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.
 B. tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
 C. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
 D. xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Câu 14.** Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam **không** có ý nghĩa quốc tế nào sau đây?
 A. Chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.
 B. Góp phần cổ vũ tinh thần của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.
 C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.
 D. Góp phần vào thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.
- Câu 15.** Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc khi
 A. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim bị khủng hoảng sâu sắc.
 B. Đảng ta nhận được những thông tin về phát xít Nhật sắp đầu hàng.
 C. nội các Nhật Bản thông qua quyết định đầu hàng quân Đồng minh.
 D. phát xít Nhật chính thức đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện.
- Câu 16.** Nhận định nào sau đây về thời cơ Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam **không** đúng?
 A. Việt Nam đã chớp thời cơ thuận lợi để Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
 B. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa tháng Tám là thời cơ ngàn năm có một.
 C. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, thời cơ Tổng khởi nghĩa đã chín muồi.
 D. Sau khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh, thời cơ Tổng khởi nghĩa đã chín muồi.
- Câu 17.** Sự kiện nào đánh dấu Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã thắng lợi hoàn toàn?
 A. Vua Bảo Đại thoái vị, trao ấn tín cho cách mạng (30 - 8 - 1945).
 B. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2 - 9 - 1945).
 C. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5 - 1941).
 D. Giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi (19 - 8 - 1945).
- Câu 18.** Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã
 A. tác động lớn đến phong trào cách mạng ở các địa phương trên cả nước.
 B. đưa đến sự thắng lợi hoàn toàn của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
 C. tác động đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
 D. tác động mạnh đến quân đội và Chính quyền tay sai thân Nhật.
- Câu 19.** Thực tiễn về mối quan hệ giữa những điều kiện bùng nổ cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 cho thấy, biện pháp quyết định để Việt Nam hội nhập quốc tế thành công là phải
 A. coi trọng quốc phòng, an ninh, chủ động đối phó trong mọi hoàn cảnh.
 B. chú trọng xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.
 C. chuẩn bị thực lực, coi những điều kiện chủ quan luôn giữ vai trò quyết định.
 D. xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng cuộc cách mạng 4.0.
- Câu 20:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?
 A. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước và chống ngoại xâm.
 B. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra đường lối cách mạng đúng đắn.
 C. Sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
 D. Chiến thắng của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít.
- Câu 21.** Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam được rút ra trong việc lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?
 A. Phân hóa, cô lập cao độ kẻ thù để thực hiện các giải pháp nhằm từng bước tiêu diệt kẻ thù.
 B. Phải có đường lối chiến lược đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt với tình hình thực tiễn cách mạng.
 C. Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng nhiều hình thức đa dạng và linh hoạt.
 D. Xây dựng khối liên minh công – nông - binh và mặt trận dân tộc thống nhất.
- Câu 22.** Nội dung nào sau đây là bài học kinh nghiệm được rút ra từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?
 A. Xây dựng lực lượng hậu phương chiến lược trong nhân dân.
 B. Tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
 C. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
 D. Muốn thành công thì phải phát huy sức mạnh khối đoàn kết toàn dân.
- Câu 23.** Bài học kinh nghiệm quan trọng từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 mà Đảng Cộng sản Việt Nam có thể áp dụng trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ hiện nay là

- A. phân hóa, cô lập kẻ thù, chớp thời cơ linh hoạt.
- B. tăng cường quan hệ ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- C. nhảy bén trước tình hình thế giới, đề ra chủ trương phù hợp.
- D. xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân.

Câu 24. Một trong những bài học kinh nghiệm từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là

- A. xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.
- B. kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.
- C. tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- D. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau:

“giai cấp thống trị rơi vào tình thế hỗn loạn lớn và không còn đủ khả năng cai trị theo các phương pháp cũ. Quần chúng bị áp bức không thể chịu được chế độ hiện hành được nữa. Đảng Cộng sản đã làm tất cả sự chuẩn bị cần thiết. Giai cấp vô sản đã sẵn sàng xả thân tranh đấu. Số đông những người thuộc giai cấp trung gian thoát khỏi ảnh hưởng của bọn cải lương chuyển sang phía những người cách mạng hoặc chí ít thì giữ thái độ trung lập và tỏ ra có thiện cảm với người cách mạng”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam (2000, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, HN, tr 676 – 677)

- a. Giai cấp thống trị hỗn loạn không đủ khả năng cai trị là điều kiện quyết định để tiến hành Tổng khởi nghĩa tháng Tám.
- b. Đoạn tư liệu chỉ ra những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa.
- c. Từ năm 1930 đến tháng 8/1945, Đảng Cộng sản đã nỗ lực chuẩn bị chu đáo cho Tổng khởi nghĩa.
- d. Nhờ sự vận động tích cực của Đảng Cộng sản, giai cấp trung gian đã ngả hẳn về phía cách mạng.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

"Nói về thắng lợi của cách mạng tháng Tám. Bác đã viết: "Vì sao có cuộc thắng lợi đó? Một phần là vì tình hình quốc tế thuận tiện cho ta. Nhất là vì lực lượng của cuộc toàn dân đoàn kết. Tất cả các dân tộc, các giai cấp, các địa phương, các tôn giáo đều nổi dậy theo lá cờ Việt Minh để tranh lại quyền độc lập cho tổ quốc. Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai thắng được lực lượng đó".

(HCM toàn tập, tập 4 tr19)

- a. Tình hình quốc tế thuận lợi nguyên nhân đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam.
- b. Yếu tố quyết định dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám là sự đoàn kết toàn dân tộc.
- c. Tình hình quốc tế thuận lợi thúc đẩy nhân dân ta đoàn kết làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.
- d. Trong Cách mạng tháng Tám, mặt trận Việt Minh đã đoàn kết lực lượng không phân biệt dân tộc, tôn giáo.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Những điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa Đông Dương như quân Tàu đại thắng quân Nhật, cách mạng Pháp hay cách mạng Nhật nổi dậy, phe dân chủ đại thắng ở Thái Bình Dương, Liên Xô đại thắng... quân Tàu hay quân Anh, Mĩ tràn vào Đông Dương”.

((Đảng Cộng sản Việt Nam (2000, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, HN, tr130).

- a. Đoạn trích cho thấy Đảng Cộng sản đã nhận định rất rõ những điều kiện khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa.
- b. Đoạn trích vừa cho thấy những thời cơ và nguy cơ của cách mạng Đông Dương.
- c. Sự kiện quân Tàu đại thắng quân Nhật đóng vai trò quyết định trọng việc tiêu diệt phát xít Nhật ở Đông Dương.
- D. Thắng lợi của phe Đồng minh trong việc tiêu diệt quân Nhật ở Thái Bình Dương là điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa ở Đông Dương.

Câu 4. Cho bảng dữ liệu tóm tắt một số thắng lợi quân sự tiêu biểu trong những năm 1946 - 1950:

Mốc thời gian	Sự kiện
19-8-1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội
23-8-1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở Huế
25 – 8-1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn

- a. Thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn là những thắng lợi quyết định trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- b. Hà Nội là địa phương giành chính quyền sớm nhất, Sài Gòn là nơi giành chính quyền muộn nhất trong cách mạng tháng Tám.
- c. Trong cách mạng tháng Tám, giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn là quan trọng nhất vì đây là những đô thị lớn, có cơ quan đầu não của kẻ thù.
- d. Trong cách mạng tháng Tám, nhân dân ta giành chính quyền ở đô thị trước rồi kéo về các vùng nông thôn.

BÀI 7 : Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Bối cảnh lịch sử

a. Thế giới:

- Hệ thống XHCN đang hình thành.
- Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.
- Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ đang phát triển ở các nước tư bản.
- Trật tự hai cực I-an-ta và chiến tranh lạnh tác động mạnh to lớn đến Việt Nam.

b. Trong nước:

- Nhân dân đã giành được quyền làm chủ, tin tưởng, gắn bó với chế độ, hết lòng ủng hộ cách mạng.
- Cách mạng Việt Nam đứng trước những khó khăn, thử thách:
 - + Quân Đồng minh kéo vào, các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng.
 - + Chính quyền và lực lượng vũ trang còn non trẻ.
 - + Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá
 - + Những tàn dư của chế độ cũ còn nặng nề.
- => Nước VNDCCH đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

2. Diễn biến chính

2.1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945)

a. Nguyên nhân: đêm ngày 22, rạng 23/9/1945, Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

b. Diễn biến:

- Ngày 23/9/1945, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập.
- Quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu.
- Đảng, Chính phủ huy động cả nước chi viện, ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. Các đơn vị “Nam tiến” được thành lập, lên đường vào Nam chiến đấu

c. Ý nghĩa: Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp, tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho kháng chiến lâu dài..

2.2. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1954)

a. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)

*** Nguyên nhân bùng nổ của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Thực dân Pháp:**

- Đầu năm 1946, Pháp và Trung Hoa Dân quốc cấu kết cùng chống phá cách mạng bằng việc kí Hiệp ước Hoa – Pháp (28/2/1946)
- Đứng trước tình hình đó, Đảng chủ trương tạm thời hoà hoãn, nhân nhượng Pháp bằng việc kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Bản Tạm ước (14/9/1946)
- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước, Pháp bội ước, ra sức phá hoại những điều đã kí kết, đẩy mạnh xâm lược toàn bộ Việt Nam.

- Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

*** Đường lối kháng chiến:** toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

*** Những thắng lợi tiêu biểu những ngày đầu toàn quốc kháng chiến:**

- Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (12/1946- 2/1947).
- + Diễn biến chính: diễn ra từ 19/12/1946 đến 17/2/1947 ở các đô thị lớn: Hà Nội, Nam Định, Nghệ An, Huế, Đà Nẵng,... tiêu biểu nhất là ở Hà Nội.
- + Kết quả: giam chân địch trong các thành phố, thị xã; lực lượng chủ lực của ta rút ra căn cứ một cách an toàn.
- + Ý nghĩa:
 - Làm phá sản một bước kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.
 - Có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng, tạo điều kiện cho cả nước đi vào kháng chiến lâu dài.

- Cùng cố niềm tin của quân dân cả nước vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.
- Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947:
 - + Diễn biến chính:
 - Tháng 10-1947, quân Pháp tấn công lên Việt Bắc.
 - Quân dân Việt Nam đã chủ động phản công và giành thắng lợi lớn ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Đoan Hùng, Khe Lau,...
 - Sau hơn hai tháng, quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc.
 - + Kết quả:
 - Pháp rút khỏi Việt Bắc;
 - Cơ quan đầu não của ta được bảo toàn;
 - Bộ đội ta thu được nhiều vũ khí và ngày càng trưởng thành.
 - + Ý nghĩa:
 - Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp. Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài, thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".
 - Chuyển cuộc kháng chiến của ta sang một giai đoạn mới.
- Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950:
 - + Diễn biến chính:
 - Năm 1949, Pháp - Mỹ đề ra kế hoạch Rơ-ve với âm mưu khoá chặt biên giới Việt – Trung, ngăn chặn con đường liên lạc quốc tế của ta và chuẩn bị tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc lần thứ hai.
 - Tháng 6-1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
 - Diễn ra từ 9-10/1950, ở khu vực biên giới Việt – Trung với nhiều trận đánh lớn trên đường số 4, tiêu biểu là trận Đông Khê. Sau hơn một tháng, chiến dịch kết thúc thắng lợi
 - + Kết quả:
 - Quân Pháp buộc phải rút khỏi các vị trí trên đường số 4.
 - Quân ta giải phóng 1 vùng biên giới rộng lớn, mở rộng con đường liên lạc quốc tế, bảo vệ và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.
 - Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Rơ-ve.
 - + Ý nghĩa:
 - Là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên của chủ lực Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.
 - Lực lượng kháng chiến giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).
 - Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.
- b. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)**

Trong những năm 1951-1953, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp có những bước phát triển mới trên các lĩnh vực:

 - * **Chính trị:**
 - Tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội II, quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam và khẳng định, bổ sung đường lối kháng chiến.
 - Tháng 3-1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.
 - Tháng 3-1951, Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập, tăng cường đoàn kết ba nước Đông Dương trong đấu tranh chống kẻ thù chung.
 - Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm được phát động lôi cuốn đông đảo mọi ngành, mọi giới tham gia.
 - Tháng 12/1953, Luật cải cách ruộng đất được thông qua, thí điểm cải cách ruộng đất ở một số vùng tự do.
 - * **Quân sự:** Quân đội nhân dân Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công trên chiến trường chính Bắc Bộ: CD Trần Hưng Đạo, CD Hoàng Hoa Thám, CD Quan Trung, CD Hoà Bình, CD Tây Bắc....
 - * **Kinh tế:** Thủ công nghiệp và công nghiệp, nông nghiệp có bước phát triển mới. Các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến.
 - * **Văn hoá:** Tiếp tục triển khai thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất.
- c. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)**
 - Tháng 7/1953, Pháp - Mỹ đề ra kế hoạch Nava với hi vọng trong vòng 18 tháng giành một thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

- Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra kế hoạch tác chiến trong Đông - Xuân 1953 - 1954. Phương châm chiến lược là tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công vào những hướng quan trọng mà địch không thể bỏ, buộc chúng bị động phân tán lực lượng, từ đó tạo điều kiện cho ta tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng.

- Thực hiện kế hoạch tác chiến trong Đông - Xuân 1953-1954, bộ đội chủ lực mở một loạt chiến dịch tấn công quân Pháp, làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, đồng thời chuẩn bị về vật chất và tinh thần để mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch trải qua 56 ngày đêm, qua 3 đợt, từ ngày 13/3/1954 đến ngày 7/5/1954. Chiều ngày 7/5/1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của quân Pháp đầu hàng.

=> Thắng lợi Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Đông Dương. Với Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954), cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi.

3. Kết quả, nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

a. Kết quả

- Pháp phải rút quân về nước.
- Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chuyển sang thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b. Nguyên nhân thắng lợi

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, được vận dụng linh hoạt, sáng tạo.
- Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường trong đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.
- Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước và mặt trận dân tộc thống nhất không ngừng được củng cố, mở rộng; lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- Sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô.
- Sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.
- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, tăng cường sức mạnh của các lực lượng cách mạng thế giới

II. BÀI TẬP

PHẦN- 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế nào sau đây?

- A.** hệ thống xã hội chủ nghĩa đang chủ nghĩa đang hình thành
- B.** cách mạng CuBa đã giành được thắng lợi.
- C.** xu thế hòa hoãn Đông-Tây đã xuất hiện
- D.** chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại,

Câu 2. Trong năm đầu sau khi được thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối mặt với khó khăn nào sau đây?

- A.** Chủ nghĩa phát xít xuất hiện.
- B.** Nguy cơ chiến tranh thế giới.
- C.** Giặc ngoại xâm và nội phản.
- D.** Phát xít Nhật còn mạnh.

Câu 3. Rạng ngày 23-9-1945 thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cho âm mưu nào sau đây?

- A.** Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ.
B. Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
C. Pháp đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Nam bộ.
D. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày Độc lập ở Sài Gòn.
- Câu 4.** Một trong những bối cảnh quốc tế thuận lợi tác động đến nước VNDCCH sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. quân Đồng minh đánh bại phát xít.
B. lực lượng quân Đồng minh các nước vào Việt Nam.
C. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh
D. các nước tư bản phải đối phó khắc phục khó khăn.
- Câu 5.** Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp trong những năm (1945-1954) của nhân dân Việt Nam là
A. đoàn kết kháng chiến.
B. vườn không nhà trống
C. toàn dân kháng chiến.
D. đánh nhanh thắng nhanh
- Câu 6.** Một trong những kết quả mà quân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 là
A. phá cơ quan đầu não của địch
B. giam chân địch ở các đô thị
C. phá hoại cơ sở vật chất của địch
D. đập tan âm mưu đánh nhanh thắng nhanh
- Câu 7.** Trong chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947, quân dân Việt Nam đã có hoạt động nào sau đây?
A. Giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ
B. Chủ động bao vây, tiến công, đẩy lùi quân Pháp
C. Bao vây cô lập chia cắt hàng ngũ địch
D. Ép Pháp kết thúc nhanh chiến tranh,
- Câu 8.** Văn kiện lịch sử quan trọng nói về đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1945- 1954) do chủ tịch Hồ Chí Minh viết là
A. Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam.
B. Đề cương văn hoá Việt Nam.
C. Vấn đề dân cày
D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- Câu 9.** Trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, quân đội Việt Nam mở cuộc tấn công vào cứ điểm nào dưới đây?
A. Đông Khê.
B. Thất Khê.
C. đường số 4.
D. Cao Bằng
- Câu 10.** Mục tiêu phương hướng tiến công chiến lược trong Đông – Xuân 1953-1954 của của Bộ Chính trị Trung ương Đảng là buộc Pháp
A. tập trung lực lượng.
B. phân tán lực lượng.
C. thất bại trong kế hoạch Rơ ve)
D. đánh nhanh rút gọn.
- Câu 11.** Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) của nhân dân Việt Nam có nội dung nào sau đây?
A. Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì
B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài
C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.
D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh.
- Câu 12.** Một trong những mục tiêu của Việt Nam khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là
A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Tây Bắc.
B. kết thúc chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân
C. mở rộng căn cứ địa.
D. liên lạc với bên ngoài.
- Câu 13.** Bước vào thu-đông 1953, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch quân sự nào sau đây ở Đông Dương?
A. Kế hoạch Bôlae.
B. Kế hoạch Nava.
C. Kế hoạch Rove.
D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- Câu 14.** Chiến dịch Biên giới 1950 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch quân sự nào của thực dân Pháp?

A. Kế hoạch quân sự Rove.

B. Kế hoạch quân sự Nava.

C. Kế hoạch quân sự Đờ Lát đơ Tátxinhi.

D. Kế hoạch “hành quân kép”.

Câu 15. Ngày 6-3-1946, đại diện chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã kí với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ vì lý do nào sau đây?

A. Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Pháp đang phát huy thế chủ động.

C. Pháp và Tưởng kí hiệp ước Hoa Pháp

D. Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 16. Ý nghĩa cơ bản của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.

B. buộc Pháp phải thực hiện kế hoạch Đơ-lat- Đơ- tát -xi -nhi

C. Pháp buộc phải tăng cường điều động quân Âu -Phi lên Việt Bắc.

D. làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

Câu 17. Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

A. Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Tây Bắc thu – đông năm 1952. D. Hòa Bình đông - xuân 1951-1952.

Câu 18. Chiến dịch Biên Giới thu- đông năm 1950 giành thắng lợi đã có ý nghĩa lớn đối với quân dân Việt Nam như thế nào?

A. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giam chân Pháp)

B. Đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam sang giai đoạn mới)

C. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, xoay chuyển cục diện chiến tranh)

D. Lực lượng kháng chiến giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 19. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam đã

A. đánh dấu mốc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

C. buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

D. bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của thực dân Pháp.

Câu 20. Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954 của quân dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

A. Làm phá sản kế hoạch Nava, đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới

B. Khai thông con đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Chuẩn bị vật chất và tinh thần để ta mở chiến dịch vào Điện Biên Phủ.

D. Tạo điều kiện để quân ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ

Câu 21. Pháp chấp nhận đàm phán và kí Hiệp định Giơ ne vơ 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương vì lý do nào sau đây?

A. Do sức ép của Liên Xô.

B. Pháp sợ Trung Quốc đưa quân sang.

C. Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ.

D. Dư luận nhân dân thế giới phản đối.

Câu 22. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, sự đấu tranh anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 23. Một trong những điểm tương đồng về mục tiêu mở các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của quân và dân Việt Nam là

A. củng cố căn cứ địa Việt Bắc

B. tiêu diệt bộ phận sinh lực địch.

C. giải phóng Tây Bắc, Trung Lào.

D. để đánh bại kế hoạch bình định.

Câu 24. Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi giữa Cách mạng tháng Tám (1945) với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG – SAI

Câu 1 Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Ngày 23/12/1946, chiến sĩ “Quyết tử quân” Nguyễn Văn Thiêng đã dùng bom ba càng đánh hỏng một xe tăng của quân Pháp ở ngã tư Bà Triệu - Trần Quốc Toàn (Hà Nội). Đêm trận đánh buổi chiều, Nguyễn Văn Thiêng lại một lần nữa cầm bom ba càng lao vào xe tăng địch và hy sinh, khoảnh khắc đó đã được nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Bá Khoản ghi lại. Bức ảnh trở thành biểu tượng của tinh thần “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” trong kháng chiến chống Pháp.”

(Sách giáo khoa *Lịch sử 12, Cánh diều*, trang 36.) a. Tư liệu trên nói về cuộc chiến đấu toàn quốc kháng chiến tại thủ đô Hà Nội năm 1946.

b. Quyết tử quân là những chiến sĩ cầm tử có nhiệm vụ chặn đánh quân Pháp tại Hà Nội.

c. Sau cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16, thực dân Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với Việt Nam.

d. Tư liệu trên là 1 minh chứng cho ý chí quật cường, “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” của đồng bào và chiến sĩ cả nước nói chung và quân, dân thủ đô Hà Nội nói riêng trong 60 ngày đêm.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa... Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t 4, tr 480 - 481)

a. Tư liệu trên nói về thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam và dã tâm cướp nước ta của thực dân Pháp.

b. Tư liệu trên là lời khẳng định tinh thần chỉ đạo toàn dân phải tiến hành kháng chiến toàn diện.

c. Lời khẳng định ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam quyết tâm đấu tranh chống Pháp đi đến thắng lợi cuối cùng.

d. Khả năng hòa hoãn đã hết, chúng ta không còn con đường nào khác ngoài việc quyết định phát động Toàn quốc kháng chiến.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Trong bức thư gửi cán bộ, chiến sĩ trước ngày nổ súng (10/3/1954), Đại tướng kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, các đơn vị trên mặt trận Điện Biên Phủ nhận rõ vinh dự được tham gia vào chiến dịch lịch sử này: "... mong các đồng chí giữ vững và nâng cao quyết tâm diệt địch, quán triệt phương châm "đánh chắc, tiến chắc" của Trung ương, giữ vững và nâng cao tinh thần chiến đấu liên tục, dẻo dai, chiến đấu thật dũng cảm, tiêu diệt thật nhiều địch"

Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh (Từ Việt Bắc đến Điện Biên Phủ), Tập VI, Bộ Tổng Tham mưu xuất bản, 1963, tr.128-129.

a. Tư liệu trên nói về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

b. Là tinh thần chỉ đạo cho quân dân Việt Nam trước khi bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ.

c. Là lời kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, các đơn vị trên Mặt trận Điện Biên Phủ nhận rõ vinh dự, trách nhiệm khi được tham gia vào chiến dịch Điện Biên Phủ.

d. Tư liệu nói đến sự động viên, khích lệ, ngợi khen của Đại tướng Võ Nguyên Giáp về những cố gắng, những chiến công của cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận đã tạo nên sự đoàn kết, thống nhất, tạo ra sức mạnh tổng hợp để tiến lên tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Câu 4. Cho bảng dữ kiện sau đây về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, trong mỗi ý a,b,c,d học sinh chọn đúng hoặc sai.

Thời gian	Sự kiện
Đợt 1: từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954	Quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.
Đợt 2: từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954	Quân ta tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.
Đợt 3: từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954	Quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 – 5, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp phải đầu hàng.

(Nguồn : *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 3, tr.938-943, NXB Chính trị Quốc gia, năm 2008*)

- a. Bảng dữ liệu trên đề cập đến cuộc phản công đầu tiên của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- b. Bảng dữ liệu cho thấy quân và dân ta từng bước tiến công tiêu diệt làm chủ các cứ điểm của quân Pháp.
- c. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na Va, tác động mạnh đến cuộc đấu tranh trên bàn ngoại giao của ta ở Hội nghị Giơ-ne-vơ
- d. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cơ sở để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

BÀI 8: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) I.KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Bối cảnh lịch sử

a. Thế giới:

- Chiến tranh lạnh và cục diện đối đầu Đông - Tây tiếp tục diễn ra ngày càng căng thẳng. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp.
- Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.
- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

b. Trong nước: Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, Việt Nam tạm thời bị phân chia thành hai miền:

- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên CNXH;
- Miền Nam: Mỹ thay thế Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á => miền Nam phải tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

2. Các giai đoạn phát triển chính

a. Giai đoạn 1954 - 1960:

* **Miền Bắc:** hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1957); cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội (1958-1960) => cơ cấu kinh tế - xã hội miền Bắc thay đổi, tạo cơ sở cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn tiếp theo nhằm xây dựng miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, là hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến.

* **Miền Nam:**

- Từ 1954-1959: Đấu tranh chính trị chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- Từ tháng 1/1959, Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam quyết định sử dụng để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm => thổi bùng lên phong trào “Đồng khởi”.

- Ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi”:

- + Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm;
- + Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công;

+ Mở rộng vùng giải phóng;

+ Đưa đến việc thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960);

+ Thúc đẩy lực lượng vũ trang cách mạng phát triển.

b. Giai đoạn 1961-1965:

* **Miền Bắc:**

- Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) được Đại hội III đề ra với trọng tâm là xây dựng CNXH. Nhiệm vụ cơ bản là phát triển công nghiệp, nông nghiệp, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh chi viện cho miền Nam.

* **Miền Nam:** chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ:

- Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”:

+ Khái niệm: là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào tranh bị vũ khí và phương tiện kỹ thuật của Mỹ.

+ Âm mưu cơ bản: “dùng người Việt đánh người Việt”.

+ Thủ đoạn:

- Đề ra 2 kế hoạch Xtlay- Taylo và Giôn xơn – Macnamara với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam;
- Tăng cường viện trợ cho chính quyền Sài Gòn;

- Tiến hành dồn dân, lập “ấp chiến lược” – xương sống của “Chiến tranh đặc biệt”.
- Sử dụng phổ biến hai chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”.
- Miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt”: quân dân miền Nam đã chiến đấu chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị), tiến công địch bằng cả ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) và giành được nhiều thắng lợi quan trọng:
 - + Phong trào phá “ấp chiến lược” ở nông thôn diễn ra mạnh mẽ. Đến giữa năm 1965, “ấp chiến lược” - xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản.
 - + Chính trị: Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, tiêu biểu là của các tín đồ Phật giáo và “Đội quân tóc dài” => góp phần đưa đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.
 - + Quân sự:
 - Thắng lợi mở đầu: Chiến thắng Ấp Bắc (1963) => mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, làm dấy lên cao trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.
 - Các chiến thắng: Bình Giã (1964), An Lão (1964), Ba Gia, Đồng Xoài (1965),... từng bước làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

c. Giai đoạn 1965-1968:

- * **Miền Bắc:** vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương.
- * **Miền Nam:** chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (CTCB) của Mỹ:
 - Chiến lược CTCB:
 - + Khái niệm: là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
 - + Âm mưu: giành lại quyền chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng của ta về thế phòng ngự, bị động.
 - + Thủ đoạn:
 - Mở hàng loạt các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” ở miền Nam, đánh vào “đất thánh Việt cộng”.
 - Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
 - Nhân dân miền Nam chiến đấu chống CTCB:
 - + Chính trị - ngoại giao:
 - Phong trào đấu tranh chính trị của công nhân, học sinh, sinh viên,... đòi Mỹ rút quân về nước, đòi tự do, dân chủ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.
 - Vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.
 - Từ năm 1967, đấu tranh ngoại giao được nâng lên thành một mặt trận từ đầu năm 1967. Từ năm 1968, đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Mỹ diễn ra tại Pari.
 - + Quân sự:
 - Thắng lợi mở đầu: Núi Thành - Quảng Nam (5/1965), Vạn Tường - Quảng Ngãi (8/1965).
 - Thắng lợi trong hai mùa khô: 1965-1966 và 1966-1967 => CTCB bị phá sản cơ bản.
 - Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 => CTCB phá sản hoàn toàn, Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

d. Giai đoạn 1969 - 1973:

- * **Miền Bắc:** chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương:
 - Từ tháng 4-12/1972, Mỹ tiếp tục gây chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
 - Từ ngày 18-29/12/1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố ở miền Bắc nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc Việt Nam phải kí hiệp định có lợi cho Mỹ.
 - Quân và dân miền Bắc chiến đấu, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí Hiệp định Pari (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.
 - Từ 1969-1972, miền Bắc tiếp tục chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam và chiến trường Lào, Campuchia.
- * **Miền Nam:** chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” của Mỹ:
 - Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”:

- + Khái niệm: là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hải quân, hậu cần Mỹ và cố vấn Mỹ chỉ huy.
- + Âm mưu cơ bản: dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

+ Thủ đoạn:

- Rút dần quân viễn chinh về nước, giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường.
- Tiếp tục viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.
- Hỗ trợ quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân sang Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971).
- Thực hiện các chính sách ngoại giao để hạn chế sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam;
- Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
- Miền Nam chiến đấu chống “VN hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh”:

+ Chính trị:

- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam thành lập (6/6/1969).
- Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương: biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ (4/1970).

+ Quân sự:

- Đánh bại cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia (1970).
- Đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở Đường 9 - Nam Lào (1971)
- Chiến dịch Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng thắng lợi (1972).
- Cuộc Tiến công chiến lược (1972): chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch: Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ => buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận thất bại của “Việt Nam hoá chiến tranh”.

e. Giai đoạn 1973 - 1975:

* **Miền Bắc:** khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương.

* **Miền Nam:** đấu tranh chống “bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn:

- Từ tháng 3-1973, chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở các cuộc hành quân “bình định -lấn chiếm” vùng giải phóng.
- Tháng 7/1973, Hội nghị 21 của Đảng nhấn mạnh: phải tiếp tục con đường bạo lực, nắm vững thế chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao => quân và dân miền Nam tiến hành các cuộc đấu tranh chống “bình định - lấn chiếm”, đồng thời chủ động mở một số cuộc tiến công, mở rộng vùng giải phóng.
- Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở đợt hoạt động quân sự ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi quan trọng ở Đường 14 - Phước Long (6/1/1975) => ý nghĩa:

+ cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của quân ta, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn và khả năng can thiệp trở lại của Mỹ là rất hạn chế.

+ Là cơ sở để Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua ba chiến dịch lớn: CD Tây Nguyên (10/3-24/3/1975), CD Huế - Đà Nẵng (26-29/3/1975), CD Hồ Chí Minh (26-30/4/1975).
- 11 giờ 30 phút, ngày 30/4/1975, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Nguyên nhân thắng lợi

a. Nguyên nhân chủ quan:

- Sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Truyền thống yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân Việt Nam.
- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

b. Nguyên nhân khách quan:

- Sự phối hợp, đoàn kết giữa 3 nước Đông Dương.
- Sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng tiến bộ, hoà bình, dân chủ và các nước xã hội chủ nghĩa; sự đồng tình của nhân dân tiến bộ Mỹ.

4. Ý nghĩa lịch sử

a. Đối với Việt Nam:

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau

Cách mạng tháng Tám năm 1945, chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - đế quốc ở Việt Nam.

- Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.
- Mở ra kỉ nguyên mới: kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

b. Đối với thế giới:

- Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới: góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới, ảnh hưởng sâu sắc đến nội tình nước Mỹ
- Là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới nửa sau thế kỉ XX, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc.

II. BÀI TẬP

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam đã dẫn tới sự ra đời của mặt trận nào sau đây?

- A. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 2: Một trong những cuộc hành quân của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) thực hiện ở miền Nam Việt Nam là đánh vào

- A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).
- B. An Lão (Bình Định).
- C. Ba Gia (Quảng Ngãi).
- D. Đồng Xoài (Bình Phước).

Câu 3: Lực lượng không ngừng tăng nhanh về số lượng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. quân đội tay sai Sài Gòn.
- B. cố vấn Mỹ.
- C. quân đồng minh Mỹ.
- D. Quân viễn chinh Mỹ.

Câu 4: Mỹ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khi đang thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến tranh cục bộ.
- B. Chiến tranh đơn phương.
- C. Việt Nam hóa chiến tranh.
- D. Chiến tranh đặc biệt.

Câu 5: Trong chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh (1969-1973) của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam,

- A. quân đội Sài Gòn là chủ yếu
- B. quân Mỹ là chủ yếu
- C. chỉ quân đội Sài Gòn
- D. quân Mỹ đóng vai trò quan trọng.

Câu 6: Việc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh nào sau đây?

- A. Việt Nam hóa chiến tranh.
- B. Chiến tranh đơn phương.
- C. Chiến tranh đặc biệt.
- D. Chiến tranh cục bộ.

Câu 7: Thắng lợi nào sau đây của 3 nước Đông Dương góp phần đánh bại âm mưu chia rẽ 3 nước Đông Dương của Mỹ trong thời kì 1954 – 1975?

- A. Ngày 6-6-1969, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập.
- B. Từ 24-25/4/1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia.
- C. Cuộc chiến đấu của quân đội Việt Nam và Cam-pu-chia từ 30/4-30/6/1970.
- D. Cuộc chiến đấu của quân đội Việt Nam và Lào từ ngày 12/2-23/3/1970.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** thuộc Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa

bình ở Việt Nam?

- A. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.
- B. Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- C. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.
- B. hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “Ngụy nhào”.
- C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam đánh cho “Ngụy nhào”
- D. kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Câu 10. Thái độ và hành động của Mĩ sau thất bại của quân đội Sài Gòn ở Đường 14 - Phước Long (6/1/1975) là

- A. tăng viện trợ quân sự khẩn cấp cho chính quyền Sài Gòn.
- B. tấn công quân sự và ngoại giao đe dọa ta.
- C. phối hợp với chính quyền Sài Gòn đưa quân đánh chiếm lại.
- D. phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe dọa ta từ xa.

Câu 11. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở Việt Nam trải qua 3 chiến dịch lớn theo trình tự là

- A. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.
- B. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.
- D. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

Câu 12. Thủ phủ của chính quyền Sài Gòn đặt ở

- A. Dinh Độc Lập.
- B. Điện Biên Phủ.
- C. Cố đô Huế.
- D. Quảng Trị.

Câu 13. Nguyên nhân khách quan nào sau đây đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) ở Việt Nam?

- A. Sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.
- C. Sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ, hòa bình, dân chủ trên thế giới.
- D. Sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Câu 14. Ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam là

- A. kết thúc hoàn toàn cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của ba nước Đông Dương.
- B. làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới.
- C. mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- D. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới trên phạm vi toàn thế giới.

Câu 15: Phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960) ở miền Nam Việt Nam **không**

- A. giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- B. làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.
- C. dẫn đến Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).
- D. đưa cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 16: Trong thời kì 1954 – 1975, thắng lợi nào của quân dân miền Nam Việt Nam buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược?

- A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Câu 17: Nội dung nào sau đây **không** là ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968?

- A. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.
- B. Mĩ tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.
- C. Chấm dứt phá hoại Miền Bắc.
- D. Buộc Mĩ ký hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Câu 18: Những thắng lợi nào sau đây buộc Mĩ phải ký Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Vạn Tường và cuộc tiến công chiến lược 1972.

- B.** Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và trận Điện Biên Phủ trên không.
- C.** Tổng tiến công, nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và trận Điện Biên Phủ trên không.
- D.** Tổng tiến công, nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- Câu 19.** Nội dung nào sau đây tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam Việt Nam kể từ đầu năm 1973?
- A.** Mỹ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá hoàn toàn miền Bắc.
- B.** Mỹ kí Hiệp định Pari và rút quân đội về nước.
- C.** Mỹ kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình, hòa hợp dân tộc ở Lào.
- D.** Vùng giải phóng của ta được mở rộng và lớn mạnh.
- Câu 20.** Chiến dịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 vì
- A.** đánh bại hoàn toàn chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” của quân đội Sài Gòn.
- B.** đập tan đầu não và sào huyệt cuối cùng của chính quyền và quân đội Sài Gòn.
- C.** mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của chính quyền và quân đội Sài Gòn.
- D.** làm cho chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.
- Câu 21.** Nhận định nào sau đây đúng về chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?
- A.** Được tiến hành bằng những biện pháp thông minh nhất.
- B.** Là thời kì chiến tranh ác liệt nhất ở Việt Nam.
- C.** Là chiến lược khiến quân Mỹ bị tiêu diệt nhiều nhất.
- D.** Là chiến lược được tiến hành trên phạm vi rộng nhất.
- Câu 22:** Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) của Mỹ?
- A.** Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- B.** Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
- C.** Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Mỹ là chủ yếu.
- D.** Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
- Câu 23:** Một trong những điểm mới về thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969- 1973) so với “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) là gì?
- A.** Dùng người Việt đánh người Việt.
- B.** Trực tiếp đưa quân viễn chinh Mỹ vào Đông Dương.
- C.** Sử dụng cố vấn quân sự, phương tiện chiến tranh của Mỹ.
- D.** Quân đội Sài Gòn được sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương.
- Câu 24.** Điểm khác biệt về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) so với cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) của nhân dân Việt Nam là
- A.** sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B.** truyền thống yêu nước đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.
- C.** sự ủng hộ của phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ tiến bộ.
- D.** sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.
- PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:
- “Với sự giúp đỡ của Mỹ, Diệm giành được sự ủng hộ của tổng thống Ai-xen-hao và có thể bắt chắp cả Bảo Đại lẫn hiệp định Giơ-ne-vơ. Diệm không làm theo điều khoản về một cuộc tổng tuyển cử tự do có sự giám sát năm 1956 trên cả Việt Nam để có một chính phủ trên toàn đất nước. Thay vào đó, Diệm tạo ra một cuộc tổng tuyển cử rõ ràng gian lận chỉ ở Nam Việt Nam để chống lại Bảo Đại và đã giành được 98.6% số phiếu bầu”.
- (Giô-dep A.am-tơ, Lời phán quyết về Việt Nam. NXB Quân đội nhân dân, 1985, tr. 46, Nguyễn Tấn Cưu dịch)
- a. Đoạn trích cho thấy Ngô Đình Diệm đã tiến hành tổng tuyển cử tự do trên cả Việt Nam.
- b. Giô-dep A.am-tơ khẳng định Mỹ đã dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm.
- c. Đoạn trích nói lên những hành động phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ của Mỹ và Ngô Đình Diệm.
- d. Đoạn trích cung cấp đầy đủ bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).
- Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:
- “Ngày 7-4-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh ra mệnh lệnh cho các cánh quân: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa; táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ, từng phút xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam, Quyết chiến và toàn thắng”...

(Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*, NXB Chính trị quốc gia, tr. 278, 280)

- Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng* là tác phẩm lịch sử của Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết về chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Đại tướng Võ Nguyên Giáp đưa ra mệnh lệnh, khẩu hiệu, phương châm của cuộc tổng tiến công giải phóng miền Nam năm 1975.
- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân năm 1975 chỉ được khôi phục qua tác phẩm *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*.
- Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng* là tác phẩm có giá trị trên nhiều lĩnh vực.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“...cuộc chiến tranh của Mỹ dưới thời Nixon cũng được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương. Có điều khác với Giôn-xơn, là Nixon đã tận dụng triệt để xương máu của người bản xứ vào những mục tiêu chiến lược ở Việt Nam và Đông Dương. Với “Việt Nam hóa” chiến tranh, xương máu của người Mỹ có giảm, nhưng vai trò “cố vấn” của Mỹ ngày càng quan trọng, những điều kiện vật chất của Mỹ để thực hiện chương trình “Việt Nam hóa” chiến tranh ngày càng lớn.

(Lê Mậu Hãn (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 3, NXB Giáo dục, 2002, tr. 222, 223)

- Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam dưới thời Nixon được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Nam Á.
- Chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh sử dụng quân Mỹ, quân đồng minh, cố vấn Mỹ, quân Ngụy, Việt cộng, trong đó quân Ngụy là chủ yếu.
- Chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh ngày càng mở rộng phạm vi và ác liệt so với các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam trước đó.
- Mỹ đầu tư điều kiện vật chất ngày càng lớn và sử dụng nhiều biện pháp mới vào chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng và nhân dân Việt Nam.

Câu 4. Cho bảng dữ kiện về các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1961-1973):

Nội dung	Chiến lược chiến tranh đặc biệt	Chiến lược chiến tranh cục bộ	Chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh
Thời gian	1961-1965	1965-1968	1969-1973
Khái niệm	Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào bị vũ khí và phương tiện kỹ thuật của Mỹ.	Là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.	Là loại hình chiến tranh được tiến hành chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp đáng kể về hỏa lực, không quân, hải quân, hậu cần Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy.
Biện pháp tiến hành	Mỹ tăng cường viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm, dồn dân lập “ấp chiến lược” sử dụng chiến thuật mới “thiết giáp đánh vận”, “thiết giáp đánh vận”.	Quân Mỹ mở hàng loạt các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” ở miền Nam, chiến tranh phá hoại miền Bắc.	Quân Mỹ và quân đồng minh rút dần khỏi chiến trường, tăng cường lực lượng cho quân đội Sài Gòn, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

- Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” được tiến hành bằng quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa” chiến tranh đều có sự tham gia của quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ.
- Cả ba chiến lược chiến tranh của Mỹ đều tiến hành các cuộc hành quân càn quét lực lượng cách mạng Việt Nam.
- Trong các năm từ 1961 -1973, Mỹ ngày càng tăng cường chiến tranh xâm lược Việt Nam.

BÀI 9: Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay I.KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Bối cảnh lịch sử:

a. Thế giới: Từ đầu những năm 70, xu thế hoà hoãn Đông - Tây xuất hiện nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi.

b. Trong nước:

- Đất nước hoà bình, thống nhất về mặt lãnh thổ, nhà nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và Campuchia có nhiều dấu hiệu bất ổn.

2. Diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975

a. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975-1979)

- Từ đầu tháng 5/1975 đến năm 1978, tập đoàn Pôn Pốt đã xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ dọc biên giới của Việt Nam.
- Tháng 12/1978, Pôn Pốt tấn công quy mô lớn vào lãnh thổ Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam đã tổ chức phản công, truy kích.
- Đầu tháng 1/1979, quân tình nguyện Việt Nam cùng nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khmer Đỏ.

b. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989)

- Ngày 17/2/1979, Trung Quốc đồng loạt mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).
- Quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.
- Tháng 3-1979, Trung Quốc rút quân về nước. Tuy nhiên, tình hình tiếp tục căng thẳng tới cuối năm 1989, đặc biệt ở Vị Xuyên (Hà Giang).

c. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông

- Năm 1988, Trung Quốc đưa quân đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam => Lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.
- Năm 2012, Trung Quốc ngang nhiên thành lập thành phố Tam Sa, tự cho mình quyền quản lý quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa => Chính phủ Việt Nam đã lên án hành động của Trung Quốc, đồng thời khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo này.
- Năm 2014, Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam ở Biển Đông => Việt Nam đã tăng cường lực lượng tại khu vực, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan.
- Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với 2 quần đảo và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.

3. Ý nghĩa lịch sử

a. Ý nghĩa lịch sử

- Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch.
- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.
- Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân VN.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.
- Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở châu Á và trên thế giới.

Bài học lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

- Không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân để tạo nên sức mạnh tổng hợp.
- Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong đó sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- Phát triển, sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, có chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

II. BÀI TẬP

1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh trong nước thuận lợi để tiến hành các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

- A. Đất nước đã hoàn thành công nghiệp hóa hiện đại hóa.
- B. Đất nước đã đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.

- C. Đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.
- D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

Câu 2: Điều kiện cơ bản phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4-1975 là

- A. độc lập và thống nhất.
- B. xóa bỏ được cầm vận.
- C. nhận giúp đỡ bên ngoài.
- D. chính trị được ổn định.

Câu 3: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh thế giới thuận lợi để tiến hành các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

- A. Đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.
- B. Đất nước đã đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.
- C. Đã hoàn thành triệt để khẩu hiệu "người cày có ruộng".
- D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.

Câu 4: Đầu không phải là khó khăn về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975?

- A. Xu thế hợp tác giữa các quốc gia.
- B. Hậu quả chiến tranh vẫn còn nặng nề.
- C. Đất nước bị Mĩ bao vây và cầm vận.
- D. Mọi quan hệ với Trung Quốc phức tạp.

Câu 5: Một trong những khó khăn về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975 là

- A. xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.
- B. xu thế liên kết hợp tác giữa các quốc gia và khu vực.
- C. tình trạng bất ổn và xung đột xảy ra ở nhiều nơi.
- D. đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.

Câu 6: Đầu không phải là một trong những cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 ở Việt Nam?

- A. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975 - 1979).
- B. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 - 1989).
- C. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ để thống nhất đất nước.
- D. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biên Đông.

Câu 7: Sau khi lên nắm chính quyền, tập đoàn Pôn Pốt đại diện cho phái "Khor-me Đỏ" ở Campuchia đã có hoạt động nào đối với Việt Nam?

- A. Tiến hành khiêu khích và lấn chiếm lãnh thổ.
- B. Giúp Việt Nam hàn gắn vết thương chiến tranh.
- C. Giúp Việt Nam đánh bại quân Trung Quốc.
- D. Tiến hành cấm vận nền kinh tế của Việt Nam.

Câu 8: Trong giai đoạn 1977 - 1978 quân Pôn Pốt có hành động nào sau đây đối với Việt Nam?

- A. Tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam.
- B. Tấn công một số tuyến biên giới Tây Nam và tàn sát dân.
- C. Huy động 19 sư đoàn bộ binh tiến đánh tỉnh Tây Ninh.
- D. Điều 32 sư đoàn đồng loạt tấn công biên giới phía Bắc.

Câu 9: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam trong giai đoạn 1977 - 1978.

- A. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
- B. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh kinh tế.
- C. Chỉ đấu tranh quân sự để đánh lui quân Pôn Pốt.
- D. Chỉ đấu tranh ngoại giao để đánh lui quân Pôn Pốt.

Câu 10: Trong giai đoạn 1978 - 1979 quân Pôn Pốt có hành động nào say đây đối với Việt Nam?

- A. Tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam.
- B. Tấn công một số tuyến biên giới Tây Nam và tàn sát dân.
- C. Huy động 19 sư đoàn bộ binh tiến đánh tỉnh Tây Ninh.
- D. Điều 32 sư đoàn đồng loạt tấn công biên giới phía Bắc.

Câu 11: Tính chất của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam (1975 - 1979)

là

A. giải phóng. **B.** tự vệ. **C.** nội chiến. **D.** cải cách.

Câu 12: Năm 1979, Trung Quốc đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Việt Nam dọc biên giới phía Bắc từ

- A. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).
- B. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Mường Nhé (Điện Biên).
- C. Trùng Khánh (Cao Bằng) đến Phong Thổ (Lai Châu).
- D. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Đồng Văn (Hà Giang).

Câu 13: Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc của quân dân Việt Nam (1979 - 1989) diễn ra ác liệt và kéo dài nhất ở

- A. Vị Xuyên (Hà Giang).
- B. Móng Cái (Quảng Ninh).
- C. Trùng Khánh (Cao Bằng).
- D. Đồng Văn (Hà Giang).

Câu 14: Tính chất của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc của quân dân Việt Nam (1979 - 1989) là

A. giải phóng. **B.** cải lương. **C.** nội chiến. **D.** tự vệ.

Câu 15: Về quản lý hành chính trên Biển Đông, Chính phủ Việt Nam có hành động nào sau đây vào năm 1982?

- A. Thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- B. Tiến hành tổng tuyển cử trên cả nước và ở đảo.
- C. Tiến hành vận chuyển lương thực ra Hoàng Sa.
- D. Tiến hành vận chuyển lương thực ra Trường Sa.

Câu 16: Để thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Nhà nước Việt Nam đã

- A. tăng cường tuần tra, chốt giữ và xây dựng bia chủ quyền.
- B. nghiêm cấm nhân dân ra biển để đánh bắt thủy hải sản.
- C. tiến hành tổng tuyển cử tự do trên cả nước và các đảo lớn.
- D. ngăn cản ngư dân đóng tàu lớn để đánh bắt hải sản ở biển.

Câu 17: Trung Quốc có hành động nào sau đây xâm phạm chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở Biển Đông?

A. Cho phép ngư dân Trung Quốc tiến hành ra biển khai thác thủy hải sản. Đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa (90)

- C. Xây dựng các chiến lược để phát triển kinh tế, trong đó có kinh tế biển
- D. Tham gia các diễn đàn quốc tế lớn để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông

Câu 18: Trung Quốc có hành động nào sau đây xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam ở Biển Đông?

- A. Đưa giàn khoan Hải Dương - 981 đến hoạt động trong vùng biển Việt Nam.
- B. Xây dựng các chiến lược để phát triển kinh tế, trong đó có kinh tế biển
- C. Tham gia các diễn đàn quốc tế lớn để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông
- D. Tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế của Trung Quốc.

Câu 19: Nhằm thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam đã có hành động gì để quét sạch quân xâm lược của tập đoàn Kho-me Đỏ?

- A. Tổ chức cuộc tiến công chiến lược.
- B. Đánh phá vùng bình định lần chiếm.
- C. Tổ chức cuộc phản công tiêu diệt.
- D. Đánh phá vùng sau lưng của địch.

Câu 20: Ngày 22-12-1978, tập đoàn Kho-me Đỏ đã huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng với nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Tây Ninh của Việt Nam đã

- A. kết thúc cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam.
- B. mở đầu cuộc hành quân tìm diệt và bình định Tây Nam.
- C. mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam.
- D. kết thúc cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Bắc.

Câu 21: Trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến năm 1979, cuộc chiến đấu ở biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Đánh đổ phát xít.
- B. Giải phóng dân tộc.
- C. Đánh đổ tư sản.
- D. Bảo vệ Tổ quốc.

Câu 22: Từ sau 30-4-1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

- A. Quân xâm lược Mĩ và quân đội Sài Gòn.
- B. Quân Khe-me Do và quân Trung Quốc.
- C. Quân viễn chinh Mĩ và quân Trung Quốc.
- D. Quân đội Sài Gòn và quân Khe-me Đỏ.

Câu 23: Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Campuchia giành thắng lợi.
- B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn Pốt diệt chủng ở Campuchia.
- C. Tăng cường tình đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.
- D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của Việt Nam và Campuchia.

Câu 24: Nguyên tắc của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo hiện nay là

- A. bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia.
- B. sử dụng bạo lực vũ trang để chống lại mọi hành vi xâm lược.
- C. chỉ sử dụng biện pháp ngoại giao trong giải quyết tranh chấp.
- D. kêu gọi các nước trên thế giới tiến hành tẩy chay Trung Quốc.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

về mặt khó khăn, do thắng lợi nhanh chóng của quân và dân ta, ở miền Nam nguy hiểm, nguy quyền tan rã tại chỗ; một phần lớn đang được cải tạo, nhưng một phần nhỏ vẫn lén lút hoạt động phá hoại dưới nhiều hình thức, kể cả hình thức quân sự. Các giai cấp bóc lột, tư sản, địa chủ và tầng lớp trí thức tự sản ở miền Nam chưa được cải tạo theo chủ nghĩa xã hội. Bọn tay sai của đế quốc bên ngoài đang câu kết với bọn phản cách mạng trong nước, kể cả bọn phản động đội lốt tôn giáo và bọn trùm phong kiến phản động trong các dân tộc thiểu

số, nhằm chống lại ta. Nếu chúng ta không cảnh giác đề phòng, thì chúng có thể tập hợp lại để phá hoại cuộc tổng tuyển cử hoặc ít nhất cũng nhân cơ hội tổng tuyển cử mà phản tuyên truyền ta".

(Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 37), Chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 3-1-1976 về lãnh đạo cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước, NXB Chính trị Quốc gia, 2001, tr.5).

- a. Sau năm 1975, đất nước Việt Nam gặp nhiều khó khăn và thử thách.
- b. Sau năm 1975, thù trong giặc ngoài tăng cường các hoạt động phá hoại.
- c. Sau năm 1975, đất nước sạch bóng kẻ thù, nhân dân phấn khởi sản xuất.
- d. Sau năm 1975, các thế lực chống phá cách mạng đã gục ngã hoàn toàn.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Về phía Quân đội nhân dân Việt Nam, có một thực tế là từ sau năm 1975, hàng loạt đơn vị quân đội đã được cho giải thể. Ở vùng biên giới Tây Nam, hầu như ta không có bộ binh thường trực, nên những tháng đầu năm 1977, khi bị quân Pôn Pốt tấn công bất ngờ, ta rơi vào thế bị động và chịu tổn thất thật lớn. Bên cạnh đó, phía Việt Nam vẫn hi vọng về một phương pháp đàm phán hòa bình để giải quyết các xung đột. Tuy nhiên, tập đoàn Pôn Pốt tiến công ngày một mạnh mẽ hơn buộc quân đội Việt Nam phải mở cuộc phản công vào cuối năm 1977".

(Viện Sử học, Lịch sử Việt Nam thường thức, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2014).

- a. Sau năm 1975, vùng biên giới Tây Nam Việt Nam bị tập đoàn Tưởng Giới Thạch tấn công.
- b. Sau năm 1975, quân dân Việt Nam tiếp tục thực hiện cuộc đấu tranh tự vệ để bảo vệ Tổ quốc.
- c. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam chống lại Pôn Pốt là cuộc đấu tranh giải phóng.
- d. Hành động tấn công Việt Nam của Pôn Pốt vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chiến sự xảy ra ác liệt ở xã Thanh Thủy, Minh Tân, Thanh Đức,... Tại mặt trận Vị Xuyên đã có hơn một chục sư đoàn bộ binh luân phiên tham gia chiến đấu. Các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ và Quân khu cùng với bộ đội địa phương, dân quân tự vệ của tỉnh và nhân dân đã quyết tâm chiến đấu giành giật với địch từng chiến hào, từng điểm cao để giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia,... gần chục năm ròng, chưa khi nào Vị Xuyên ngớt tiếng pháo, đạn súng cối từ bên kia biên giới rót sang".

(Nguyễn Đức Huy, Hồi ức chiến tranh Vị Xuyên, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2019, tr.66 - 67).

- a. Đoạn trích cho thấy cuộc đấu tranh ác liệt của quân dân Việt Nam trong bảo vệ biên giới phía Bắc.
- b. Đoạn trích cho thấy cuộc đấu tranh ác liệt của quân dân Việt Nam trong bảo vệ biên giới Tây Nam.
- c. Đoạn trích cho thấy cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc là cuộc đấu tranh quyết liệt và triệt để.
- d. Đoạn trích cho thấy Vị Xuyên là chiến trường ác liệt giữa hai bên trong cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bốn phận của chúng ta là làm cho những thứ của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến".

(Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 38 - 39).

- Đoạn trích cho thấy tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam luôn tồn tại ở nhiều biểu hiện khác nhau.
- Đoạn trích cho thấy tinh thần yêu nước chỉ được phát huy hiệu quả khi có chiến tranh xảy ra.
- Đoạn trích cho thấy tinh thần yêu nước nếu được tổ chức, lãnh đạo sẽ được phát huy hiệu quả.
- Đoạn trích cho thấy tinh thần yêu nước chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định của lịch sử.

ĐÁP ÁN BÀI 6
PHẦN I

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	13	D
2	C	14	A
3	C	15	B
4	A	16	C
5	C	17	B
6	C	18	A
7	B	19	C
8	A	20	C
9	D	21	B
10	B	22	D
11	B	23	D
12	C	24	B

PHẦN II.

Đáp án	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	S	Đ	Đ	Đ
b	Đ	Đ	S	S
c	Đ	S	S	Đ
d	S	Đ	Đ	S

ĐÁP ÁN BÀI 7
PHẦN I

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	13	B
2	C	14	A
3	B	15	C
4	C	16	D
5	C	17	B
6	B	18	D
7	B	19	B
8	D	20	C
9	A	21	C
10	B	22	A
11	D	23	B

12	A	24	D
----	---	----	---

PHẦN II.

Đáp án	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	Đ	Đ	S	S
b	Đ	S	Đ	Đ
c	S	Đ	Đ	Đ
d	Đ	Đ	Đ	S

**ĐÁP ÁN BÀI 8
PHẦN I**

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	b	13	c
2	a	14	c
3	d	15	b
4	a	16	b
5	a	17	d
6	a	18	b
7	b	19	b
8	c	20	b
9	c	21	c
10	d	22	a
11	b	23	d
12	a	24	c

PHẦN II.

Đáp án	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	S	S	S	S
b	Đ	Đ	S	Đ
c	Đ	S	Đ	Đ
d	S	Đ	Đ	Đ

**ĐÁP ÁN BÀI 9
TRẮC NGHIỆM**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	A	D	AC		C	AB		A	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
BA		A	D	A	A	BA		CC	
21	22	23	24						
D	B	A	A						

ĐÚNG SAI

Đáp án	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	Đ	S	Đ	Đ
b	Đ	Đ	S	S
c	S	S	Đ	Đ
d	S	Đ	Đ	S

CHỦ ĐỀ 4: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY I.KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

A. Những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.

1. Giai đoạn khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986 – 1995)

Đường lối đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), tiếp tục được bổ sung tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng.

– Trọng tâm là đổi mới kinh tế:

+ Kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

+ Phát triển kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn gồm: Lương thực – Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu.

+ Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế – xã hội, phấn đấu bắt đầu có tích lũy nội bộ từ nền kinh tế, từng bước đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

– Đổi mới toàn diện và đồng bộ:

+ Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, văn hoá – xã hội, chú trọng nhân tố con người. Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu

+ Đổi mới chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc. Tiến hành đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng vừa phát huy quyền làm chủ của người dân, vừa phát huy quyền lực của cơ quan Nhà nước.

2. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kì mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Các đại hội tiếp theo trong giai đoạn 1996 – 2006 tiếp tục đề ra đường lối đổi mới trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng và đối ngoại nhằm phù hợp với tình hình đất nước.

+ Về kinh tế: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng, tăng cường tiềm lực về cơ sở – vật chất, công nghệ cho nền kinh tế. Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

+ Về chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng: Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Nhân mạnh phát triển giáo dục

– đào tạo và khoa học – công nghệ là quốc sách hàng đầu. Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo,... Xây dựng và tăng cường an ninh – quốc phòng.

+ Về đối ngoại: Đặt trọng tâm chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực”, nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

3. Giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (2006 – nay)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) đã chủ trương: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Từ năm 2006 đến nay, Việt Nam thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay:

+ Về kinh tế: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

+ Về chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng: Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.

+ Về đối ngoại: Chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”, mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.

B. Thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.

Công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước (từ năm 1986 đến nay) đã đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

1. Kinh tế:

+ Có sự chuyển đổi từ mô hình quản lý kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

+ Trong suốt quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lý kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã vươn lên thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực và trên thế giới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Nền kinh tế không chỉ tăng trưởng về quy mô mà chất lượng tăng trưởng cũng được cải thiện, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng.

2. Chính trị, an ninh – quốc phòng:

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường.

+ Những thành tựu đó đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị và môi trường hoà bình cho công cuộc xây dựng, công cuộc Đổi mới của Việt Nam.

3. Văn hoá – xã hội: Công cuộc xoá đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công, đất nước đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao.

4. Hội nhập quốc tế: Quá trình hội nhập quốc tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng về hội nhập chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng, văn hoá và các lĩnh vực khác

+ Hội nhập về chính trị, an ninh – quốc phòng: Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần củng cố và phát triển nền tảng vững chắc cho hội nhập trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục.

+ Việt Nam tăng cường tin cậy chính trị và đan xen lợi ích giữa Việt Nam với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Các đối tác đều coi trọng, tín nhiệm và mong muốn tăng cường quan hệ với Việt Nam.

+ Việt Nam đã chủ động đảm đương và tích cực đóng góp cho hoà bình, ổn định, phát triển ở khu vực và toàn cầu. Điểm rất mới trong thời gian qua là những đóng góp của Việt Nam cho Lực lượng Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc. Từ đó, Việt Nam đã khẳng định được vai trò rất quan trọng của đối ngoại quốc phòng, an ninh của Việt Nam và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, đóng góp tích cực vào việc duy trì hoà bình, ổn định, an ninh khu vực và quốc tế, đồng thời góp phần tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Hội nhập về kinh tế: Hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng, trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Việt Nam đã và đang trở thành một trong những nền kinh tế hội nhập toàn diện nhất thế giới qua các cấp độ (song phương, đa phương, khu vực) và theo các hình thức, khuôn khổ khác nhau, đối tác chiến lược, hiệp định (thương mại, đầu tư, môi trường), diễn đàn (APEC, ASEM,...), tổ chức quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế,...), trong đó, việc trở thành thành viên WTO là sự kiện quan trọng nhất đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, mở ra một giai đoạn mới: nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và toàn diện hơn vào

nền kinh tế thế giới.

+ Hội nhập về văn hoá và các lĩnh vực khác:

Thành tựu nổi bật của hợp tác quốc tế về văn hoá là đã triển khai toàn diện các lĩnh vực hợp tác, giao lưu văn hoá, thông tin đối ngoại, mở rộng quan hệ ở nhiều địa bàn, từng bước phát triển sang tất cả các châu lục. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, con người và cuộc sống Việt Nam được bạn bè thế giới hiểu biết rõ hơn.

Trong giáo dục, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục với các quốc gia trên thế giới và vùng lãnh thổ, đồng thời là thành viên tích cực của các tổ chức giáo dục quốc tế.

Trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, việc hợp tác nghiên cứu diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Tính đến năm 2020, Việt Nam là thành viên của gần 100 tổ chức quốc tế về khoa học – công nghệ; có quan hệ về hợp tác khoa học – công nghệ với hơn 90 quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế; hơn 80 điều ước, thỏa thuận quốc tế về hợp tác khoa học – công nghệ cấp Chính phủ, cấp Bộ đã được kí kết và thực hiện.

Hợp tác trong y tế, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,... cũng ngày càng rộng mở và đạt nhiều thành tựu.

C. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Từ thực tiễn của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay), có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

– Thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

– Thứ ba: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

– Thứ tư: Kết hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

II. BÀI TẬP

BÀI 10: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Nhân tố quan trọng nhất quyết định vì sao Đảng ta phải tiến hành công cuộc đổi mới?

A. Sự phát triển của cách mạng khoa học- kỹ thuật.

B. Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước.

C. Cuộc khủng hoảng toàn diện và trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Đất nước lâm vào khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng về kinh tế- xã hội.

Câu 2: Quan điểm đổi mới đúng nhất của Đảng ta từ năm 1986 là

A. đổi mới về chính trị, kinh tế, văn hóa.

B. đổi mới phải toàn diện và đồng bộ.

C. đổi mới khắc phục những khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khó khăn.

D. đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới về kinh tế phải gắn liền với đổi mới về chính trị, trọng tâm là đổi mới về kinh tế.

Câu 3: Trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?

A. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

B. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 4: Từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986), Việt Nam

A. đẩy mạnh thực hiện cuộc cải cách ruộng đất.

B. bắt đầu thực hiện cơ chế tập trung, bao cấp.

C. bắt đầu ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

D. chuyển sang thực hiện đường lối đổi mới.

Câu 5: Một trong những mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam được đề ra từ tháng 12 - 1986 là

A. bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh.

B. hoàn thiện cơ chế quản lý đất nước.

C. đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

D. hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.

Câu 6: Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng cộng sản Việt Nam xác định trọng tâm của công cuộc đổi mới là

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. văn hóa.

D. tư tưởng.

Câu 7: Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương hình thành cơ chế kinh tế nào?

A. Thị trường.

B. Tập trung.

C. Bao cấp.

D. Kế hoạch hóa.

Câu 8: Trong đường lối Đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế

A. thị trường tư bản chủ nghĩa. **B.** hàng hóa có sự quản lý của nhà nước.

C. thị trường có sự quản lý của nhà nước. **D.** tập trung, quan liêu, bao cấp.

Câu 9: Trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?

A. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

B. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

D. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Câu 10: Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam là đại hội hội của

A. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Xây dựng và phát triển kinh tế.

C. Công cuộc đổi mới đất nước. **D.** Xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Câu 11: Trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?

A. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

B. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

C. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

D. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Câu 12: Trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?

A. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

B. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp.

D. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Câu 13: Trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?

A. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

B. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 14: Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986) có nội dung nào sau đây?

A. Đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị.

B. Chỉ tập trung đổi mới về chính trị.

C. Chỉ tập trung đổi mới về văn hóa.

D. Chỉ đổi mới về tổ chức và tư tưởng.

Câu 15: Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986) có nội dung nào sau đây?

A. Chỉ tập trung đổi mới về văn hóa. **B.** Chỉ tập trung đổi mới về chính trị.

C. Chỉ đổi mới về tổ chức và tư tưởng.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 16: Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), về chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương

A. duy trì cơ chế quản lý kinh tế bao cấp.

B. duy trì cơ chế quản lý kinh tế tập trung.

C. xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

D. chưa mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 17: Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì

dân là nội dung trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12 - 1986) về
A. chính trị. B. văn hóa. C. pháp luật. D. đối ngoại.

Câu 18: Quan điểm đổi mới đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986) **không** có nội dung nào dưới đây?

- A.** Lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.
- B.** Đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những biện pháp phù hợp.
- C.** Không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.
- D.** Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 19: Quan điểm đổi mới đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986) **không** có nội dung nào dưới đây?

- A.** Chỉ đổi mới về kinh tế.
- B.** Đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những biện pháp phù hợp.
- C.** Không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.
- D.** Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 20: Nước ta bắt đầu công cuộc Đổi mới đất nước từ khi nào?

- A.** 1986. **B.** 1996. **C.** 2016. **D.** 2006.

Câu 21: Sau năm 1985, vấn đề nào trở nên cấp bách nhất đối với nước ta?

- A.** Thống nhất đất nước về mặt nhà nước. **B.** Bảo vệ biên giới
- C.** Bắt kịp xu thế toàn cầu hóa **D.** Đổi mới đất nước.

Câu 22: Một trong những yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới đất nước (từ 12/1986) là

- A.** tình trạng lạc hậu của các nước Đông Nam Á.
- B.** cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô.
- C.** sự phát triển nhanh chóng của tổ chức ASEAN.
- D.** cuộc khủng hoảng trầm trọng của nền kinh tế thế giới.

Câu 23: Nội dung nào sau đây quyết định sự thay đổi tính chất kinh tế VN trong công cuộc đổi mới đất nước?

- A.** Thực hiện khoán sản phẩm nông nghiệp. **B.** Phát triển công nghiệp nặng.
- C.** Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. **D.** Mở rộng kinh tế đối ngoại.

Câu 24: Điểm tương đồng trong đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc với công cuộc Đổi mới của Việt Nam là

- A.** lấy chính trị làm nền tảng. **B.** xây dựng xã hội màu sắc riêng.
- C.** giữ bản sắc văn hóa **D.** lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

PHẦN 2: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Trong mỗi ý **a), b), c), d)**, ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Những năm cuối thập kỉ 70, đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX, Việt Nam đứng trước những thách thức chưa từng có. Chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc chưa kết thúc; cuộc bao vây cấm vận của Mỹ là một thách thức khắc nghiệt, càng đẩy nền kinh tế nước ta vào tình thế vô cùng khó khăn.

Thời gian này ở nước ta, tư tưởng nôn nóng muốn tiến nhanh lên CNXH dẫn đến việc bố trí sai cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cộng với những khuyết điểm của mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp bộc lộ ngày càng rõ, làm cho kinh tế - xã hội rơi vào trì trệ, khủng hoảng, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Cuối năm 1985 đầu năm 1986, nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn do những khuyết điểm trong cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền. Đất nước chìm sâu trong khủng hoảng...

Trước tình hình đó, ĐCS Việt Nam và Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đều nhận thấy đổi mới thì sống, không đổi mới thì chết...”

(Bài 1: Quyết định lịch sử: Đường lối đổi mới, Báo Công an thành phố Hồ Chí Minh)

- a. Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và thời đại.
- b. Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, trước những thay đổi của tình hình Thế giới và thực trạng kinh tế - xã hội trong nước đang lâm vào khủng hoảng, trì trệ, nước ta đã tiến hành công cuộc cải tổ đất nước.
- c. Một trong những mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam được đề ra từ tháng 12 - 1986 là đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng.
- d. Đổi mới đất nước là xây dựng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chúng ta không thể né tránh, kiêng kỵ cơ chế thị trường, vì đó là sự vận động của quy luật khách quan ngoài ý muốn của ta. Trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chúng ta đã bác bỏ cơ chế thị trường, làm trái quy luật khách quan, gây ra những hậu quả nghiêm trọng kéo dài, rồi cuộc vẫn phải bị động chạy theo tình tự phát của thị trường tự do. Đó là sai lầm cần phải khắc phục”.

(Trường Chinh, *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1988, tr65)

- Trước khi đổi mới đất nước, cơ chế quản lý kinh tế của nước ta là tập trung, quan liêu, bao cấp.
- Cơ chế quản lý kinh tế của nước ta là tập trung, quan liêu, bao cấp đã trái với quy luật khách quan, gây ra những hậu quả nghiêm trọng kéo dài, đất nước khủng hoảng trầm trọng.
- Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) Đảng chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- Đổi mới kinh tế chỉ là chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong giai đoạn 1986 - 1995, những nhiệm vụ chủ yếu được tập trung thực hiện là: đẩy mạnh ba chương trình kinh tế lớn, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, cải cách hệ thống giá, chống lạm phát, phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, ... nhằm mục tiêu ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng”.

(Sách giáo khoa Lịch Sử 12 Cánh Diều, tr61)

- Trọng tâm của đường lối đổi mới đất nước là đổi mới về kinh tế.
- Đổi mới nhằm mục tiêu ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng.
- Đổi mới đất nước là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
- Đổi mới về kinh tế là chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, ...

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (12/1986) đã đánh dấu bước ngoặt rất cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đây Việt Nam bước vào thời kì đổi mới toàn diện đất nước”.

(Sách giáo khoa Lịch Sử 12 Kết nối tri thức và cuộc sống, tr61)

- Việt Nam bước vào thời kì đổi mới toàn diện đất nước từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (12/1986).
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (12/1986) đã đánh dấu bước ngoặt rất cơ bản trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vì đã đưa nước ta tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (12/1986) có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vì đại hội đã đưa nước ta hoàn toàn thoát khỏi khủng hoảng.
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (12/1986) có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vì đại hội đã đưa Việt Nam bước vào thời kì đổi mới toàn diện đất nước, từng bước đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng, dần ổn định, phát triển.

BÀI 11: THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Ý nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa thành tựu của công cuộc Đổi mới ở nước ta từ 1986 đến nay?

- Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.
- Nội dung trọng tâm của công cuộc đổi mới là đổi mới về kinh tế.
- Thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

Câu 2. Những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng từ công cuộc Đổi mới đã góp phần

- giúp nước ta giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật từ nước ngoài.
- góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hơn.

D. tạo môi trường hòa bình cho công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 3. Nhận xét nào sau đây là đúng khi đánh giá về công cuộc Đổi mới của nước ta từ 1986 đến nay?

A. Đã giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra.

B. Chỉ mới đạt được những thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế.

C. Giúp nước ta hoàn thành công cuộc công nghiệp hóa đất nước.

D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về công cuộc bảo vệ tổ quốc.

Câu 4. Từ sau 1986 đến nay, kinh tế Việt Nam có sự chuyển đổi từ mô hình quản lý kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình

A. kinh tế vận hành theo qui luật cung cầu.

B. kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

C. nhà nước can thiệp tích cực vào nền kinh tế.

D. kinh tế thị trường cạnh tranh tự do.

Câu 5. Một trong những thành tựu về chính trị, an ninh – quốc phòng mà Việt Nam đã đạt được từ 1986 đến nay?

A. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh.

B. Đời sống của nhân dân được cải thiện và ngày càng nâng cao.

C. Xây dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược với nhiều nước.

D. Các ngành công nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ lệ ngày càng cao.

Câu 6. Ý nào sau đây không phải là thành tựu về lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng đã đạt được từ 1986 đến nay?

A. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc.

C. Tăng cường, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Câu 7. Ý nào sau đây không phải là bài học kinh nghiệm được rút ra từ công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam từ 1986 đến nay?

A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. Luôn tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn.

C. Lấy lợi ích của nhân dân là chuẩn mực cho các hoạt động.

D. Phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

Câu 8. Cho các đoạn tư liệu sau:

Tư liệu 1: “Công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước (từ năm 1986 đến nay), đã đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

Tư liệu 2: “Công trình đường dây 500 kV Bắc - Nam (mạch 1) được khởi công thiết kế và xây dựng chỉ trong hai năm (1992 - 1993) từ khi khởi công đến khi đóng điện thành công. Công trình có tổng chiều dài 1487 km, đánh dấu hệ thống điện Việt Nam có trục xương sống 500 kV chạy suốt từ Bắc vào Nam lần đầu tiên trong lịch sử.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 65,67). Các đoạn tư liệu trên phản ánh thành tựu trên lĩnh vực nào của công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ 1986 đến nay?

A. Kinh tế.

B. Chính trị.

C. Văn hóa.

D. Hội nhập quốc tế.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tính đến năm 2022, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng với hơn 100 quốc gia, cử 33 Cơ quan Tùy viên Quốc phòng thường trú tại các nước và Liên hợp quốc. Mặt khác, 52 quốc gia đã đặt Cơ quan Tùy viên Quốc phòng, Tùy viên Quân sự tại Việt Nam.

Trên bình diện đa phương, Việt Nam chủ động tham gia và đề xuất sáng kiến tại các diễn đàn hợp tác quốc phòng đa phương trong khu vực và trên thế giới. Trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình và hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, Việt Nam cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 70). Đoạn tư liệu trên phản ánh thành tựu trên lĩnh vực nào của công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ 1986 đến nay?

A. Hội nhập về an ninh – quốc phòng.

B. Văn hóa – xã hội.

C. Chính trị, an ninh – quốc phòng.

D. Hội nhập về chính trị

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đến năm 2015, Việt Nam đã hoàn tất việc thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDGs) của Liên hợp quốc như: xóa đói, giảm nghèo, đạt phổ cập giáo dục tiểu học, thúc đẩy bình đẳng giới và đạt nhiều tiến bộ trong chỉ tiêu về y tế.

Công cuộc xóa đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công, đất nước đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 68). Đoạn tư liệu trên phản ánh thành tựu trên lĩnh vực nào của công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ 1986 đến nay?

- A. Hội nhập kinh tế
B. Văn hóa – xã hội.
C. An ninh – quốc phòng.
D. Hội nhập về chính trị

Câu 11. Công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986) không có sự kết hợp giữa

- A. kế thừa và phát triển.
C. độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế.
B. đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.
D. đa nguyên và đa đảng.

Câu 12. Cho đoạn tư liệu:

“Tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ trong cơ cấu GDP năm 1986 lần lượt là 28,88% và 33,06%; đến năm 2022 đã tăng lên 38,26% và 41,33%. Tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản từ 38,06% năm 1986 giảm xuống còn 11,88% năm 2022”.

Đoạn tư liệu trên phản ánh nội dung nào dưới đây?

- A. Kinh tế có sự chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
B. Cơ cấu kinh tế theo thành phần có sự thay đổi theo hướng đa dạng hóa
C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và tương đối bền vững.
D. Tỉ trọng các ngành kinh tế nông nghiệp, lâm – thủy sản ngày càng tăng.

Câu 13. Công cuộc Đổi mới tác động như thế nào đến sự nghiệp giáo dục của nước ta?

- A. Có bước phát triển về quy mô, có sự đa dạng hóa về loại hình trường lớp của các bậc học.
B. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và các vùng lãnh thổ trong lĩnh vực khoa học công nghệ.
C. Tăng cường chuyển giao khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.
D. Hội nhập nền giáo dục tiên tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình đào tạo nhân lực.

Câu 14. Một trong những yếu tố Việt Nam cần tiếp tục phát huy để phát triển đất nước hiện nay là

- A. Xu thế toàn cầu hóa. B. Cách mạng khoa học kỹ thuật.
C. Đại đoàn kết dân tộc. D. Kinh nghiệm quản lí.

Câu 15. Đây là bài học kinh nghiệm xuyên suốt trong lịch sử đã đem lại thành công cho công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay?

- A. Kiên trì lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
B. Tận dụng các cơ hội đến từ bên ngoài.
C. Đặt lợi ích của Nhân dân lên hàng đầu.
D. Tiến hành đổi mới toàn diện, đồng bộ.

Câu 16. Một trong những nguyên tắc hàng đầu đặt ra cho công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là:

- A. không tiến hành mua các loại vũ khí.
B. tránh xung đột quân sự trên biển Đông.
C. gia nhập các tổ chức liên kết kinh tế.
D. kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.

Câu 17. Về chính trị, trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

- A. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
B. Xây dựng được mô hình Nhà nước chuyên chính vô sản.
C. Xoá bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ mới, dân chủ.
D. Thay đổi phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu đổi mới chính trị của Việt Nam (từ năm 1986)?

- A. Tăng cường chế độ chuyên chính vô sản.
B. Tăng cường thành phần kinh tế tư nhân.
C. Mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
D. Các vấn đề an sinh xã hội được cải thiện

Câu 19. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu kinh tế Việt Nam trong thời kì Đổi mới?

- A. Trở thành nước có thu nhập cao nhất Đông Nam Á.

B. Hoàn thành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. C. Trở thành một trong ba trung tâm tài chính của thế giới.

D. Đa phương hoá, đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu.

Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam?

A. Giải phóng sức sản xuất, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân.

B. Từng bước đưa Việt Nam ra khỏi nhóm quốc gia có thu nhập trung bình.

C. Ổn định chính trị – xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

D. Tạo điều kiện nội lực để đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện.

Câu 21. Thành tựu của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã ghi nhận

A. sự kết hợp giữa ý Đảng và lòng dân trong mọi hoàn cảnh.

B. nguồn vốn ngoại lực có vai trò quyết định đến thành công.

C. sự đúng đắn của chính sách tư nhân hoá toàn bộ nền kinh tế.

D. sự ủng hộ tuyệt đối của dư luận quốc tế có vai trò quan trọng.

Câu 22. Thực tiễn công cuộc Đổi mới kinh tế ở Việt Nam (từ năm 1986) để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây?

A. Cần hạn chế tiêu cực của kinh tế thị trường vì đó là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. B. Cần tiến hành tư nhân hoá, tự do hoá toàn bộ nền kinh tế để giải phóng sức sản xuất.

C. Cần phải xây dựng nền kinh tế thị trường với mục tiêu phục vụ lợi ích của nhân dân.

D. Cần đổi mới toàn bộ các ngành kinh tế với tốc độ nhanh nhất để thúc đẩy sản xuất

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng một bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công cuộc Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986?

A. Kiên định và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đổi mới toàn diện, đồng bộ nhưng phải có lộ trình, bước đi phù hợp.

C. Kết hợp yếu tố nội lực và yếu tố ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại.

D. Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, trong đó chính trị là quyết định.

Câu 24. Trọng tâm của đường lối Đổi mới mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra năm 1986 là

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. văn hóa. D. tư tưởng.

PHẦN 2: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Trong mỗi ý a), b), c), d), ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau:

“Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP trên 6%/năm (năm 2020, 2021 do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid – 19, mức tăng trưởng GDP lần lượt chỉ đạt 2,91 % và 2,59% nhưng vẫn là mức tăng trưởng dương và Việt Nam vẫn thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới). Năm 2022, GDP của Việt Nam tăng 8,02% so với năm trước. Qui mô nền kinh tế được mở rộng đáng kể”.

a. Từ khi tiến hành đổi mới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam luôn dương.

b. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các quốc gia không bị chi phối bởi hoàn cảnh quốc tế.

c. Đoạn tư liệu phản ánh thành tựu trong công cuộc đổi mới trong lĩnh vực kinh tế.

d. Do những đối sách hợp lý, kinh tế Việt Nam từ 2020-2021 không bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tính đến năm 2022, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng với hơn 100 quốc gia, cử 33 Cơ quan Tùy viên Quốc phòng thường trú tại các nước và Liên hợp quốc. Mặt khác, 52 quốc gia đã đặt Cơ quan Tùy viên Quốc phòng, Tùy viên Quân sự tại Việt Nam.

Trên bình diện đa phương, Việt Nam chủ động tham gia và đề xuất sáng kiến tại các diễn đàn hợp tác quốc phòng đa phương trong khu vực và trên thế giới. Trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình và hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, Việt Nam cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 70).

a. Tư liệu nói về thành tựu trong hoạt động đối ngoại quốc phòng của Việt Nam.

b. Việt Nam tham gia sáng lập và triển khai hoạt động giữ gìn hòa bình quốc tế.

c. Đến năm 2022, Việt Nam có quan hệ quốc phòng hơn 100 quốc gia.

d. Hoạt động đối ngoại quốc phòng góp phần quan trọng bảo vệ hòa bình khu vực.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ thực tiễn của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay), có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm

như sau:

Thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt và chủ đạo trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Mục tiêu này gắn liền với mọi thắng lợi về vang trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc và mãi là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hiện nay.

Thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Luôn tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát và coi trọng tổng kết thực tiễn; tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Thứ ba: Đổi mới phải vì lợi ích của Nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Nhân dân. Trong mọi công cuộc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, kiên trì thực hiện nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 71-72).

- Trong đổi mới, Việt Nam chú trọng đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản.
- Đổi mới phải tiến hành toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Quan điểm “dân là gốc” đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của dân với công cuộc đổi mới.
- Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, sách lược phát triển của Việt Nam.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ngày 01/4/1989, chế độ tem phiếu hoàn toàn được bãi bỏ ở Việt Nam. Đây là mốc kết thúc việc phát hành tem phiếu dùng để mua các mặt hàng thiết yếu của đời sống do Nhà nước phân phối. Tem phiếu đã trở thành một ký ức khó quên về thời kỳ bao cấp đối với nhiều thế hệ người dân Việt Nam.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 65).

- Tư liệu nói về việc bãi bỏ chế độ tem phiếu và kết thúc thời kỳ bao cấp ở Việt Nam.
- Thời kỳ bao cấp là biểu hiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Sau thời kỳ bao cấp, Việt Nam đã xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần có kiểm soát.
- Người dân Việt Nam mong muốn được quay lại thời kỳ bao cấp như trước khi đổi mới.

ĐÁP ÁN BÀI 10

PHẦN I

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	13	C
2	D	14	A
3	C	15	D
4	D	16	C
5	C	17	A
6	A	18	A
7	A	19	A
8	D	20	A
9	D	21	D
10	C	22	B
11	C	23	C
12	C	24	D

PHẦN II.

Đáp án	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	Đ	Đ	Đ	Đ
b	S	Đ	Đ	S
c	Đ	Đ	S	S
d	S	S	Đ	Đ

ĐÁP ÁN BÀI 11

PHẦN I

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	13	A
2	D	14	A
3	A	15	C
4	B	16	D
5	A	17	A
6	D	18	C
7	D	19	D
8	A	20	B
9	A	21	A
10	B	22	C
11	D	23	D
12	A	24	A

PHẦN II.

Đáp án	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	Đ	Đ	Đ	Đ
b	Đ	S	Đ	S
c	Đ	Đ	S	Đ
d	S	Đ	S	S

CHỦ ĐỀ 5

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI A KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975

a) Hoạt động đối ngoại của một số nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu đầu thế kỉ XX

* Phan Bội Châu

- Từ năm 1905 đến năm 1908: Sang Nhật Bản, tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du.

- Từ năm 1909 đến năm 1925: Hoạt động chủ yếu ở Trung Quốc, thành lập và triển khai - các hoạt động của Việt Nam Quang phục Hội; cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài.

* Phan Châu Trinh

- Năm 1906: Sang Nhật Bản, tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du.

- Từ năm 1911 đến năm 1925: Hoạt động tại Pháp, tìm cách thức tình dư luận Pháp về tình hình Việt Nam, tranh thủ sự giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam.

* Nguyễn Ái Quốc

- Từ năm 1918 đến năm 1920: Gia nhập Đảng Xã hội Pháp; gửi bản Yêu sách của nhà dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai; bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Từ năm 1921 đến năm 1930: Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản Liên Xô, Trung Quốc; tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

b) Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thời kì 1930 – 1945

Thời gian	Hoạt động
Giai đoạn 1930-1940	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản. - Thể hiện sự ủng hộ phong trào cách mạng thế giới. - Tìm kiếm sự giúp đỡ đối với công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam.
Giai đoạn 1941-1945	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Mặt trận Việt Minh, thể hiện chủ trương ủng hộ Liên Xô cùng lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít. - Tiến hành vận động ngoại giao để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của lực lượng Đồng minh.

c) Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

- Từ năm 1945: Tìm kiếm sự công nhận và giúp đỡ của quốc tế đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Trước ngày 6-3-1946: Thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng với quân đội Trung Hoa Dân Quốc, kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược.
- Từ ngày 6-3-1946: Ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946): kí với Pháp Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).
- 1947-1949: Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin tại một số nước; cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực.
- Năm 1950: Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và một số nước Đông Âu.
- Năm 1951: Tổ chức hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào
- Năm 1954: Cử phái đoàn ngoại giao tham dự hội nghị và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.

d) Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Đấu tranh yêu cầu thực hiện Hiệp định Giơ-ne- vơ	Từ năm 1954 đến năm 1958, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhiều lần gửi công hàm cho chính quyền Sài Gòn và các bên liên quan, yêu cầu thực hiện nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ.
Củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa	Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh đạo cấp cao của Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc với lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.
Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương	- Năm 1965, Hội nghị nhân dân ba nước Đông Dương diễn ra tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia). - Năm 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương ra tuyên bố chung.
Đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri	- Năm 1968, đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Mỹ diễn ra tại Pa-ri - Năm 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết.
Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước	Việt Nam thiết lập, mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước như: Cu- ba (1960), Ca-mo-run (1972), Hà Lan, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Pháp (1973), Nê-pan, Ni-giê-ri-a (1975)....
Đẩy mạnh đối ngoại nhân dân	Năm 1968, Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ được thành lập.

2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến nay

a) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa	- Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác - Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và kí nhiều hiệp ước với các nước xã hội chủ nghĩa.
Phát triển quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại với ASEAN	- Năm 1977, Việt Nam và Lào kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác - Năm 1979, Việt Nam giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.
Tham gia và đóng góp tích cực vào Phong trào Không liên kết	Năm 1976, nước Việt Nam thống nhất chính thức gia nhập Phong trào Không liên kết.
Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế	Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên Liên hợp quốc.
Bước đầu đàm phán bình thường hoá quan hệ với Mỹ	Từ năm 1977, nhiều cuộc hội đàm Việt - Mỹ đã diễn ra tại Pa-ri và Hà Nội.

b) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Phá thế bao vây, cô lập, cấm vận	- Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao. - Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.

Củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với Lào, Cam-pu-chia	Năm 2005, lãnh đạo cấp cao Việt Nam và Cam-pu-chia nhất trí phát triển quan hệ song phương theo phương châm: Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài.
Tham gia ASEAN, thúc đẩy hoạt động đối ngoại ở Đông Nam Á	Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN, Việt Nam đảm nhiệm vai trò nước Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010, 2020.
Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác	Từ năm 2008 đến năm 2023, Việt Nam lần lượt thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế	- Năm 2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). - Năm 2014, Việt Nam lần đầu tiên cử quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.
Đàm phán, thương lượng nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; giải quyết tranh chấp, bất đồng trong vấn đề biên giới.	- Năm 1997, Việt Nam và Thái Lan kí Hiệp định phân định ranh giới trên biển. - Năm 2000, Việt Nam và Trung Quốc kí Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ.
Mở rộng các hoạt động đối ngoại như hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm họa thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...	- Năm 1998, Việt Nam ký Nghị định thư Ky-ô-tô. - Năm 2023, Việt Nam hỗ trợ khẩn cấp về tài chính và cử lực lượng quân đội tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Phần II – CÂU HỎI ÔN TẬP PHẦN 1 TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Một trong những địa điểm diễn ra các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu là

A. Nhật. B. Anh. C. Đức. D. Ấn Độ.

Câu 2. Một trong những địa điểm diễn ra các hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh là A. Pháp. B. Ấn Độ. C. Liên Xô. D. Ba Lan.

Câu 3. Năm 1908, Phan Bội Châu đã tham gia thành lập tổ chức nào sau đây?

A. Hội liên hiệp thuộc địa.
B. Điện Quê Việt liên minh.
C. Mặt trận Việt Miên-Lào.
D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 4. Năm 1911, Phan Bội Châu đã trở về

A. Việt Nam. B. Liên Xô. C. Trung Quốc. D. Thái Lan.

Câu 5. Một trong những địa điểm mà Nguyễn Ái Quốc thực hiện các hoạt động đối ngoại từ năm 1911 đến năm 1920 là

A. Trung Quốc B. Liên Xô. C. Thái Lan. D. Pháp.

Câu 6. Một trong những tổ chức được Nguyễn Ái Quốc thành lập khi ở nước ngoài giai đoạn từ năm 1911- 1930 là

A. Hội liên hiệp thuộc địa.
B. Điện Quê Việt liên minh.
C. Mặt trận Việt - Miên - Lào.
D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 7. Trong giai đoạn từ năm 1923 đến năm 1927 Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện các hoạt động đối ngoại ở đâu?

A. Ấn Độ. B. Liên Xô. C. Thái Lan. D. Tây Âu.

Câu 8. Một trong những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1945 là

A. vận động giúp đỡ Nhân dân TG.

- B. đưa bộ đội tình nguyện đi chiến đấu.
 C. thành lập MTTQ các cấp.
 D. gửi đơn xin gia nhập Hội quốc liên.
- Câu 9. Một trong những tổ chức được Đảng Cộng sản Đông Dương tích cực củng cố quan hệ trong giai đoạn 1930 - 1945 là
 A. Hội liên hiệp thuộc địa.
 B. Đảng Cộng sản Trung Quốc.
 C. Hội đồng tương trợ kinh tế.
 D. Tổ chức phòng thủ Vác-sa-va.
- Câu 10. Đầu thế kỷ XX, nhân vật tiên phong tìm đến trào lưu dân chủ tư sản để cứu nước là. A. Phan Bội Châu.
 B. Nguyễn Ái Quốc. C. Nguyễn Đức Cảnh. D. Ngô Bội Phu.
- Câu 11. Phong trào nào sau đây được Phan Bội Châu tổ chức trong giai đoạn 1905 đến 1917?
 A. Tây học. B. Cải cách. C. Bạo động. D. Đông Du.
- Câu 12. Một trong những tổ chức mà Nguyễn Ái Quốc đã gia nhập trong quá trình tìm đường cứu nước (1911-1941) là
 A. Đảng xã hội Pháp.
 B. Đảng Bảo thủ Anh.
 C. Đảng Cộng sản Đức.
 D. Đảng Dân chủ Mỹ.
- Câu 13. Người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam là. A. Phan Bội Châu.
 B. Nguyễn Ái Quốc. C. Nguyễn Đức Cảnh. D. Ngô Bội Phu.
- Câu 14. Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động đối ngoại nào sau đây?
 A. Sang Liên Xô dự lễ tang Lênin, nghiên cứu chủ nghĩa Mác.
 B. Tham dự Đại hội Tua, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Ba.
 C. Gửi bản yêu sách của Nhân dân An Nam đến hội nghị Véc-xai.
 D. Tham gia đoàn cố vấn cao cấp của Liên Xô đến Trung Quốc.
- Câu 15. Ngày 9/3/1945, diễn ra sự kiện
 A. Nhật tiến hành đảo chính Pháp.
 B. Thời cơ của khởi nghĩa đã đến.
 C. Giành chính quyền ở Hà Nội.
 D. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- Câu 16. Mục đích thực hiện các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu là
 A. thiết lập chế độ quân chủ chuyên chế.
 B. giành độc lập cho dân tộc Việt Nam.
 C. cải cách kinh tế xã hội ở Việt Nam.
 D. nhằm liên kết với cách mạng các nước.
- Câu 17. Từ năm 1905 đến năm 1917, các tổ chức mà Phan Bội Châu thành lập có mục đích nào sau đây?
 A. Vận động cải cách và duy tân.
 B. Đề cải cách kinh tế, chính trị.
 C. Chống lại Pháp giành độc lập.
 D. Nhằm lật đổ chế độ phong kiến.
- Câu 18. Mục đích thực hiện các hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh là
 A. vận động cải cách và duy tân.
 B. tiến hành khởi nghĩa vũ trang.
 C. tập hợp lực lượng cách mạng.
 D. xin viện trợ các nước châu Âu.
- Câu 19. Một trong những nội dung là mục đích của Nguyễn Tất Thành khi quyết định sang Pháp năm 1911
 A. nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin tìm đường cứu nước.
 B. tạo mối liên kết giữa cách mạng Việt Nam và thế giới.
 C. tìm hiểu về nước Pháp, sau đó trở về giúp đồng bào.
 D. thành lập các tổ chức cách mạng, chuẩn bị khởi nghĩa.
- Câu 20. Vì sao năm 1924, Nguyễn Ái Quốc quyết định trở về Quảng Châu, Trung Quốc?
 A. Có nhiều người Việt Nam yêu nước.
 B. Chính quyền Tưởng ở đây rất mạnh.

C. Do sự chỉ đạo của QTCS

D. Thành lập Đcs Việt Nam

Câu 21. Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 đến 1927 có ý nghĩa như thế nào đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Sự đồng ý của Quốc tế cộng sản.

B. Chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức

C. Thống nhất các tổ chức cộng sản.

D. Chuẩn bị đợi thời cơ khởi nghĩa

Câu 22. Sự kiện nào sau đây đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng cho dân tộc Việt Nam?

A. Bộ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế ba (1920).

B. Gửi bản yêu sách của Nhân dân An Nam (1919).

C. Đọc được bản Luận cương của Lênin (1920).

D. Tham gia họp nhất các tổ chức cộng sản (1930).

Câu 23. Những hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh trong giai đoạn (1942-1945) có tác dụng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

A. Tranh thủ sự ủng hộ đối với cách mạng Việt Nam.

B. Tập hợp nông dân đứng dưới ngọn cờ của Đảng

C. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân.

D. Xu thế cách mạng vô sản đã thắng thế hoàn toàn.

Câu 24. Những cuộc tiếp xúc giữa đại diện của Mặt trận Việt Minh với Mỹ từ sau ngày 9-3-1945 có tác dụng đối với cách mạng Việt Nam là

A. Mỹ đã cung cấp một phần hậu cần.

B. nhận được sự công nhận từ bên ngoài.

C. đã chuẩn bị xây dựng khu giải phóng.

D. chính phủ tay sai Nhật hoang mang.

Câu 25. Một trong những nội dung thể hiện sự khác biệt về đối tượng của các hoạt động đối ngoại giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc là

A. Nguyễn Ái Quốc đi sang phương Tây.

B. Phan Bội Châu trông cậy vào Nhật Bản.

C. không có sự ảo tưởng vào thực dân Pháp.

D. khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản.

Câu 26. Một trong những điểm giống nhau về kết quả trong các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là

A. đã thúc đẩy phong trào công nhân.

B. Pháp cho thực hiện nhiều cải cách.

C. đã nhận ra được bản chất kẻ thù

D. chưa giành lại độc lập cho dân tộc.

Câu 27. Một trong những điểm tương đồng trong các hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu là ở

A. kết quả.

B. mục tiêu.

C. hướng đi.

D. nhận thức.

Câu 28. Một trong những điểm khác trong các hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh là

A. mục tiêu.

B. mục đích.

C. đối tượng.

D. kết quả.

Câu 29. Nguyễn Tất Thành nhận định về con đường cứu nước của Phan Bội Châu là "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau" là đúng hay sai? Vì sao?

A. Đúng, vì bản chất của các nước đế quốc là đi xâm lược thuộc địa.

B. Sai, vì Nhật Bản đã có sự giúp đỡ rất nhiều cho Phan Bội Châu.

C. Sai, Nhật Bản đã giúp đỡ Việt Nam giành lại độc lập năm 1945.

D. Đúng, vì năm 1939 Nhật đã tiến hành xâm lược Việt Nam.

Câu 30. "Thất bại của cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh là do chưa nhận ra được bản chất của các nước đế quốc, thực dân". Nhận định này đúng hay sai, vì sao?

A. Đúng, vì Pháp - Nhật đã câu kết với nhau chống lại cách mạng Việt Nam.

B. Đúng, vì năm 1945 Nhật đã gây nạn đói khiến hai triệu đồng bào ta chết.

C. Sai, vì hai Cụ Phan chưa chuẩn bị được lực lượng, tiềm lực kinh tế yếu.

D. Sai, vì khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản không nhận được ủng hộ.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tháng 7-1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, một đoàn thể có tính chất quốc tế bao gồm người Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, In-đô-nê-xi-a, Miến Điện, Tuyên ngôn của Hội khẳng định con đường duy nhất để xoá bỏ sự áp bức chỉ có thể là liên hiệp các dân tộc nhỏ yếu bị áp bức và giai cấp vô sản toàn thế giới, áp dụng những phương pháp cách mạng để lật đổ đế quốc thực dân"

(SGK-KNTT LỊCH SỬ 12, tr75)

- Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông khi đang hoạt động ở Trung Quốc.
- Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông là tổ chức đầu tiên Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập.
- Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông là một tổ chức quốc tế lớn tập hợp tất cả các dân tộc châu Á.
- Với Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, Nguyễn Ái Quốc gắn cách mạng Việt Nam với thế giới.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chúng ta có bốn phận ủng hộ Liên Xô kháng chiến! Hãy đoàn kết để tranh đấu kỷ niệm Cách mạng tháng Mười đã đẻ ra Liên Xô. Tranh đấu ủng hộ Liên Xô tức là tranh đấu chống phát xít Pháp - Nhật, chống chính sách lừa bịp và ăn cướp của chúng. Tranh đấu ủng hộ Liên Xô tức là tranh đấu chống sinh hoạt đất đỏ, đòi công ăn việc làm."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 75)

- Tư liệu trên nói về một trong những chủ trương của Đảng trong giai đoạn 1939-1945.
- Đảng chủ trương đưa lực lượng trong nước sang giúp đỡ Nhân dân Liên Xô chống Đức.
- Đảng coi việc đẩy mạnh cuộc đấu tranh trong nước là một biện pháp để giúp đỡ Liên Xô.
- Với chủ trương trên, cách mạng Việt Nam đã góp phần vào cuộc chiến chống phát xít

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Thông qua mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương hiện rõ chủ trương đứng về phía lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật Bản, đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam. Đại diện của Mặt trận Việt Minh tiếp xúc với đại diện của Trung Hoa Dân quốc, bàn về kế hoạch phối hợp chống quân phiệt Nhật Bản, cử đại biểu tham gia Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội - một tổ chức của người Việt Nam hoạt động ở phía nam Trung Quốc. Đối với phái bộ Mỹ ở phía nam Trung Quốc, đại diện của Mặt trận Việt Minh chủ động bắt liên lạc để thiết lập quan hệ và hợp tác chống quân phiệt Nhật Bản. Cuối tháng 4 - 1945, sự hợp tác giữa Việt Minh và Cơ quan Tình báo chiến lược Mỹ (OSS) tại châu Á được xác lập."

(SGK-KNTT LỊCH SỬ 12, tr76)

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Việt Minh đứng về phe Đồng minh chống phát xít.
- Việt Minh đã chủ động liên lạc với Mỹ, Trung Quốc và đề hợp tác chống phát xít Nhật.
- Từ giai đoạn này, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Mỹ đã chính thức được xác lập.
- Việt Minh đóng vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Đảng Cộng sản Đông Dương cũng tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc. Nhằm mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á, Đảng Cộng sản Đông Dương liên lạc với phong trào dân tộc chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước như: Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 75)

- Tư liệu trên nói về quan hệ giữa Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào chống Nhật ở châu Á.
- Mặt trận Việt Minh đã tổ chức các hội người Hoa cứu quốc nhằm giúp đỡ Trung Quốc chống Nhật.
- Hoạt động trên đã góp phần quan trọng tập hợp lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á.
- Đảng Cộng sản Đông Dương đã trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào đấu tranh chống Nhật ở châu Á.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trong khuôn viên ngôi chùa Giô-rin-gi (Thường Lâm Tự) ở U-mê-y-a-ma thuộc thành phố Phu-cư-rô (Nhật Bản), hiện đang bảo tồn bia tưởng niệm bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ra-tô, còn được gọi là bia Báo Ân.

Đây là bia đá được Phan Bội Châu đã bí mật đến Nhật Bản vào năm 1918 và cùng với dân làng xây dựng, nhằm thể hiện lòng biết ơn của Phan Bội Châu đối với sự giúp đỡ quý báu của bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ra-tô cho phong trào Đông Du. Bia tưởng niệm bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ra-tô được ghi danh là “Di sản văn hóa được chỉ định” của thành phố Phú- cư-rô-i.”

(SGK-CTST Lịch sử 12, tr81)

- Tư liệu trên nói về hoạt động trong phong trào Đông Du của Phan Bội Châu.
- Phong trào Đông Du nhằm đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật học nghề Y.
- Phong trào Đông Du đã nhận được sự ủng hộ giúp đỡ của nhiều người Nhật.
- Phong trào Đông Du đã bước đầu đặt nền móng cho quan hệ Việt Nam - Nhật.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ngày 13/8/1942, Hồ Chí Minh sang Trung Quốc để liên hệ với các lực lượng Đồng minh. Cuối năm 1944, Hồ Chí Minh đi Côn Minh (Trung Quốc) gặp tướng Sê-nôn - Tư lệnh không quân Mỹ đặt cơ sở phối hợp giữa Việt Minh với các lực lượng Đồng minh để kháng Nhật.” (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 80)

- Tư liệu nói về hoạt động đối ngoại của lãnh tụ Hồ Chí Minh giai đoạn tiền khởi nghĩa.
- Với hoạt động của Hồ Chí Minh, Việt Minh đã đứng về phe Đồng minh chống phát xít.
- Sau sự kiện trên, Mỹ và Việt Minh đã có sự hợp tác trong chống quân phiệt Nhật Bản.
- Sự kiện trên đã đặt cơ sở cho quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam sau chiến tranh.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Ngày 14 - 01 - 1926, khi được mời phát biểu tại một sự kiện lớn ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc (lúc này có bí danh là Vương Đạt Nhân) đã kêu gọi: “tất cả các dân tộc bị áp bức nào, hễ cùng bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, thì phải cùng nhau liên hiệp lại. Không phân biệt nước nào, dân tộc nào, tất cả hãy đứng lên chống kẻ thù chung của chúng ta!”.

(Theo Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội)

Tư liệu 2: - Ngày 13/8/1942, Hồ Chí Minh sang Trung Quốc để liên hệ với các lực lượng Đồng minh. Cuối năm 1944, Hồ Chí Minh đi Côn Minh (Trung Quốc) gặp tướng Sê- nôn - Tư lệnh không quân Mỹ đặt cơ sở phối hợp giữa Việt Minh với các lực lượng Đồng minh để kháng Nhật.

(Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002)

- Tư liệu 1 nói về quan điểm trong mối quan hệ giữa các dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.
- Tư liệu 2 nói về việc tạo dựng bước đầu mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Mỹ.
- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ và Việt Nam đã bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao.
- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trước 1945 đã đặt nền móng cho ngoại giao Việt Nam.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

-Giai đoạn 1919 - 1923, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; cùng với một số nhà cách mạng các thuộc địa của Pháp thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo “Người cùng khổ; xác lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, xây dựng mối quan hệ gần gũi giữa những người cộng sản và Nhân dân lao động Pháp với Nhân dân các thuộc địa trong đó có Việt Nam.

- Giai đoạn 1923 - 1930 Nguyễn Ái Quốc tham gia các hoạt động của Quốc tế Cộng sản tại Liên Xô, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á; tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông, liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng thế giới.”

(SGK-CTST LỊCH SỬ 12, tr79)

- Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu gắn cách mạng Việt Nam với thế giới.
- Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp nhằm giải phóng các dân tộc thuộc địa.
- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Quốc tế Ba đã đặt nền móng cho hoạt động đối ngoại của Đảng sau này.
- Giai đoạn 1923-1930, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước hoàn chỉnh lý luận cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tại Nhật Bản, Phan Bội Châu kết thân với một số nhà yêu nước, ủng hộ Việt Nam như Ô-ku-mu-ra Ca-si-qua- ba-ra Bun-ta-rô, bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ra-tô. Những nhà yêu nước Nhật Bản đã giúp đỡ tận tình cho Phan Bội

Châu và các học sinh Việt Nam tham gia phong trào Đông Du đang học trong các trường ở Nhật Bản cả về vật chất lẫn tinh thần.”

(SGK-CTST Lịch sử 12, tr78).

- Tư liệu trên nói về phong trào Đông Du của Phan Bội Châu đầu thế kỷ XX.
- Phong trào Đông Du đã nhận được sự giúp đỡ của nhiều người Nhật tiến bộ.
- Phong trào Đông Du đã bước đầu đặt nền móng cho quan hệ Việt Nam – Nhật.
- Từ phong trào Đông Du, Nhật đã hỗ trợ, giúp đỡ Việt Nam giải phóng dân tộc.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tàn sát người dân chịu sưu dịch, trấn áp nho sĩ, phá các trường học và các hội buôn được thành lập đúng theo lời chỉ dẫn của Chính phủ, đó là những biện pháp mà Nhà nước Đông Dương đã thực hiện sau các cuộc biểu tình khản nài của dân Nam chống lại sưu cao dịch nặng đã đẩy họ vào cảnh nghèo khổ và chết đói,.

Cần thực

hiện một cuộc ân xá toàn diện và hoàn toàn đối với những người sống sót sau vụ việc năm 1908". (Phan Châu Trinh, Điều trần gửi Hội nhân quyền (Pa-ri, 1912): Những cuộc biểu tình năm 1908 của dân Trung Kỳ, trích trong: Phan Châu Trinh, Toàn tập, Tập 2, Nxb. Đà Nẵng, 2005, tr.161)

- Tư liệu trên nói về sự đàn áp của Pháp với phong trào chống Thuế ở Trung Kỳ 1908.
- Phong trào chống Thuế ở Trung Kỳ đã vượt khỏi khuôn khổ cuộc vận động Duy Tân.
- Phan Châu Trinh đã gửi điều trần nhằm đòi độc lập dân tộc cho Nhân dân Việt Nam.
- Hoạt động của Phan Châu Trinh đã buộc thực dân Pháp phải nhượng bộ hoàn toàn.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1908, phong trào Đông Du tan rã. Trong hoàn cảnh khó khăn, Phan Bội Châu thay mặt những thành viên còn lại trên đất Nhật viết thư thỉnh cầu giúp đỡ đến bác sĩ A-sa- ba Sa-ki-taro, người từng cứu giúp một lưu học sinh người Việt. Ngay khi nhận được thư, bác sĩ Sa-ki-ta-ro đã gửi tặng 1,700 yên Nhật - một số tiền lớn lúc đó. Năm 1918, Phan Bội Châu trở lại Nhật, tìm thăm Sa-ki-ta-ro, nhưng ông đã qua đời trước đó. Để tưởng nhớ ân nhân. Phan Bội Châu với sự quyên góp, giúp đỡ của người dân thôn A-sa-ba đã lập bia đá tạ ơn trước mộ bác sĩ Sa-ki-ta-ro trong khuôn viên chùa Thường Lâm.”

(SGK-CD LỊCH SỬ 12, tr74)

- Tư liệu trên nói về hoạt động trong phong trào Đông Du của Phan Bội Châu.
- Phong trào Đông Du nhằm đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật học nghề Y.
- Phong trào Đông Du đã nhận được sự ủng hộ giúp đỡ của nhiều người Nhật.
- Phong trào Đông Du đã bước đầu đặt nền móng cho quan hệ Việt Nam - Nhật.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đầu thế kỷ XX, trong công cuộc đấu tranh vì mục tiêu giải phóng dân tộc, một số nhà yêu nước Việt Nam đã có những hoạt động đối ngoại bước đầu, tiêu biểu là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc. (SGK-CD LỊCH SỬ 12, tr73)

- Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào Đông Du, đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật.
- Phan Châu Trinh đã tổ chức phong trào Duy Tân, đưa thanh niên Việt Nam sang Pháp.
- Nguyễn Ái Quốc đã lập Hội Liên hiệp thuộc địa, gắn cách mạng Việt Nam với thế giới.
- Hoạt động của ba nhân vật trên đều hướng tới mục tiêu cao nhất là giải phóng dân tộc.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sang Nhật Bản, tiếp xúc với một số nhân vật như: Lương Khải Siêu, Khuyển Dương Nghi, Đại Ôi. ; tìm kiếm

sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du; tham

gia thành lập Đông Á Đồng minh Hội và Điền - Quế - Việt liên minh. Tiếp xúc với nhiều người yêu nước Trung Quốc; thành lập và triển khai các hoạt động của Việt Nam Quang phục Hội, tham gia sáng lập Hội Chấn Hoa Hưng Á, cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như: Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga nhằm

tranh thủ sự giúp đỡ đối với cách mạng Việt Nam.” (SGK-CD LỊCH SỬ 12, tr74)

- Tư liệu trên nói về những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đầu thế kỷ XX.
- Tư liệu trên khẳng định những hoạt động đối ngoại bước đầu của Phan Bội Châu.
- Mục tiêu cao nhất của các hoạt động trên là hướng tới nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
- Những hoạt động trên đã xây dựng quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sang Nhật Bản rồi về nước, gửi thư đề nghị Toàn quyền Đông Dương cải cách chế độ cai trị, mở mang kinh tế, giáo dục đối với Nhân dân Việt Nam.

Hoạt động tại Pháp, tiếp xúc với các lực lượng cấp tiến ở Pháp, gửi kiến nghị lên Chính phủ Pháp: lên án chính sách cai trị của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương, viết báo, diễn thuyết để thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam, nhằm tranh thủ sự giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 74).

- Tư liệu trên nói về những hoạt động của nhà yêu nước Phan Châu Trinh đầu thế kỷ XX.
- Phan Châu Trinh đấu tranh nhằm thay đổi chế độ cai trị, tiến tới nền độc lập ở Việt Nam.
- Hoạt động trên đã góp phần đặt nền móng cho mối quan hệ đối ngoại Việt Nam và Pháp.
- Chính phủ Pháp đã đáp ứng các yêu cầu của Phan Châu Trinh và cải cách chế độ cai trị.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau:

"Sáng ngày 27/1/1973, tại Trung tâm hội nghị quốc tế Cờ-lê-bê (Pa-ri, Pháp). Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được ký kết, khép lại hội nghị dài nhất trong lịch sử ngoại giao thế giới - một hội nghị mà chỉ riêng kiểu dáng chiếc bàn đàm phán cũng khiến các bên trải qua hơn một năm thảo luận, tranh cãi với hàng chục phiên họp. Hiệp định Pa-ri cũng kết thúc thắng lợi cuộc đấu tranh lâu dài nhất, khó khăn nhất trong lịch sử đối ngoại Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975." (SGK-CD Lịch sử 12, tr74).

- Tư liệu trên nói về cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam thời kỳ chống Mỹ.
- Hiệp định Pa-ri là Hiệp định quốc tế đầu tiên về Việt Nam được ký ở thế kỷ XX.
- Thắng lợi của Hiệp định Pa-ri đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ.
- Với Hiệp định Pa-ri, nền ngoại giao của Việt Nam đã đạt được thắng lợi to lớn.

Câu 16. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Từ năm 1911 đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Trong những năm ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Người tham gia và

đóng góp tích cực vào phong trào cộng sản, công nhân và phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc những năm 1920 - 1930 nhằm tìm kiếm sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế đã đặt nền móng cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các tổ chức chính trị cách mạng và các lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 79).

- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trước năm 1945 đã đặt nền móng cho ngoại giao Việt Nam.
- Nguyễn Ái Quốc đã đặt cơ sở cho mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam và thế giới.
- Giai đoạn này, Nguyễn Ái Quốc đã xác định đầy đủ chính sách đối ngoại của Việt Nam.
- Để tạo dựng mối quan hệ với thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Quốc tế cộng sản.

Câu 17. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Từ năm 1930, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10 - 1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) nhằm xác lập củng cố quan hệ với các đảng cộng sản và phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới, phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Nhân dân Việt Nam.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh liên lạc với phong trào chống quân phiệt Nhật ở các nước Đông Nam Á như Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, đứng về phe dân chủ chống phát xít xâm lược. Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua Mặt trận

Việt Minh chú trọng triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm thiết lập quan hệ với các nước Đồng minh chống phát xít, trước hết là Trung Quốc và Mỹ. (SGK-CTST LỊCH SỬ 12, tr80,81)

- Tư liệu trên nói về quan hệ giữa Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào chống Nhật ở châu Á.
- Mặt trận Việt Minh đã tổ chức các phong trào chống Nhật nhằm giúp đỡ các nước ở Đông Nam Á.
- Hoạt động trên đã góp phần quan trọng tập hợp lực lượng chống quân phiệt Nhật ở Đông Nam Á.
- Đảng Cộng sản Đông Dương đã thiết lập được quan hệ đối ngoại với các nước Đồng minh là Mỹ và Trung Quốc.

PHẦN II TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

- Ngày 03/10/1945, Bộ Ngoại giao Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Thông cáo về chính sách đối ngoại Việt Nam khẳng định mục tiêu phấn đấu cho nền độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn của Việt Nam. Từ tháng 9/1945 đến tháng 02/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thông điệp, thư, điện và công hàm cho Liên hợp quốc, những người đứng đầu chính phủ các nước lớn như Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc khẳng định tính hợp pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa." (SGK-CTST LỊCH SỬ 12, tr83)

- Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam đã đặt quan hệ với nhiều nước.
- Từ năm 1946, một số nước đã công nhận nền độc lập và hợp pháp của Việt Nam.

- c. Mục tiêu của chính sách đối ngoại Việt Nam sau năm 1945 là độc lập và hòa bình.
- d. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ mong muốn hòa bình của Việt Nam tới các nước.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Mặt trận số một chống đế quốc Mỹ là Việt Nam. Mặt trận số hai ở ngay tại nước Mỹ. Mặt trận số hai này gồm cuộc đấu tranh của người da đen chống phân biệt chủng tộc, chống chiến tranh xâm lược Việt Nam kết hợp với phong trào Nhân dân da trắng Mỹ chống chiến tranh.”(CTST,tr85)

- a. Mặt trận số một trong đoạn trích trên nói đến cuộc chiến đấu của Nhân dân Việt Nam.
- b. Mặt trận số hai trong đoạn trích trên nói đến cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam.
- c. Mặt trận ngoại giao đã góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ,
- d. Trong chống Mỹ, mặt trận ngoại giao có tính độc lập tương đối với mặt trận quân sự.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chính sách ngoại giao của ta biểu hiện bản chất hòa bình của chế độ ta... Chúng ta phải có kế hoạch thiết thực để chấp hành chính sách ngoại giao đó làm cho vị trí của nước ta càng được nâng cao hơn nữa trên thế giới, làm cho Nhân dân ta có thể hoàn thành nhanh chóng sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.”(CTST,tr85)

- a. Tư liệu trên nói về quan điểm nhất quán của chính sách ngoại giao Việt Nam.
- b. Chính sách ngoại giao của Việt Nam đã góp phần giành độc lập, thống nhất.
- c. Bản chất của ngoại giao Việt Nam là hòa bình, thống nhất và dân chủ tư sản.
- d. Hiện nay, quan điểm chính sách đối ngoại nhất quán của Việt Nam là hòa bình.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được hình thành. Từ tháng 9 - 1945 đến tháng 7 - 1954, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp. Hoạt động đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn này có nhiệm vụ trọng tâm là phục vụ cho kháng chiến. (SGK-CTST Lịch sử 12, tr83)

- a. Sau năm 1945, hoạt động đối ngoại của Việt Nam hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc
- b. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, Việt Nam chưa được thế giới công nhận.
- c. Để phá thế bị bao vây, Việt Nam chỉ chủ động liên lạc với các nước xã hội chủ nghĩa.
- d. Từ năm 1953, Việt Nam mở mặt trận ngoại giao để tấn công trực diện thực dân Pháp.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, hoạt động đối ngoại khẳng định tính hợp pháp của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chủ động triển khai hòa hoãn với Trung Hoa Dân quốc, thực hiện chủ trương “Hòa để tiến” ký Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946, bản Tạm ước ngày 14/9/1946 với Pháp để tranh thủ thời gian hòa hoãn chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến, thường xuyên giữ quan hệ với Chính phủ Mỹ.(SGK-CTST LỊCH SỬ 12,tr83)

- a. Đến trước tháng 12-1946, Việt Nam đã đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ Mỹ.
- b. Hiệp định Sơ bộ là văn bản ngoại giao có tính pháp lý quốc tế đầu tiên của Việt Nam.
- c. Chính sách với Pháp và Trung Hoa Dân quốc giai đoạn trên chỉ mang tính sách lược.
- d. Chính sách ngoại giao giai đoạn trên góp phần tạo điều kiện để chuẩn bị kháng chiến.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhân dân Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Liên hợp quốc trong việc xây dựng nền hòa bình thế giới bền vững, và vì đã chịu những đau thương quá dữ dội dưới sự thống trị trực tiếp của người Pháp và còn khốc liệt hơn nữa kể từ cuộc mặc cả giữa Pháp và Nhật vào năm 1941, nên kiên quyết không bao giờ cho phép người Pháp trở lại Đông Dương.” (SGK-CD Lịch sử 12, tr 77).

- a. Tư liệu khẳng định Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Liên Hợp quốc vì hòa bình thế giới.
- b. Sự kiện 1941 trong tư liệu nói về việc Pháp - Nhật cấu kết với nhau bóc lột Việt Nam.
- c. Tư liệu phản đối việc Liên hợp quốc cử Pháp quay lại Đông Dương để giải giáp Nhật
- d. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Pháp quay trở lại Việt Nam nhằm đánh phá xít Nhật.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương. Hiệp định đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân Việt Nam, Hiệp định này cũng tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước của Việt Nam sau đó. (SGK-CD Lịch sử 12, tr77)

- a. Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên của Việt Nam với nước ngoài.
- b. Với Hiệp định Giơ-ne-vơ, lần đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được công nhận.
- c. Hiệp định Giơ-ne-vơ đã tạo ra cơ sở pháp lý để Việt Nam đấu tranh thống nhất đất nước.

d. Hiệp định Giơ-ne-vơ là kết quả thắng lợi cuộc đấu tranh trên mặt trận quân sự, ngoại giao.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư, công hàm cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và chính phủ một số nước, khẳng định tính hợp pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đề nghị công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng với quân đội Trung Hoa Dân quốc, cương quyết chống thực dân Pháp xâm lược. Ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946). Tiến hành đàm phán ngoại giao tại Đà Lạt, Phong-tên nơ-bơ-lô (Pháp) và ký với Pháp bản Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946). Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin tại Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ, cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực tại châu Á và châu Âu."(SGK-CD LỊCH SỬ 12, tr76)

- Tư liệu đề cập những hoạt động của Hồ Chủ tịch về ngoại giao sau cách mạng.
- Với ký Hiệp định với Pháp là chiến lược ngoại giao khôn khéo của Hồ Chủ tịch.
- Sau năm 1945, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được một số tổ chức quốc tế công nhận.
- Giai đoạn này, Việt Nam đã nhân nhượng có nguyên tắc với các thế lực ngoại xâm.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), ngoại giao chính thức được coi là một mặt trận từ Hội nghị lần thứ 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 01-1967). Hội nghị chủ trương đẩy mạnh đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, trong đó "đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động". Tiếp đó, năm 1969, Bộ Chính trị ra nghị quyết nêu rõ: "Ngoại giao đã trở thành mặt trận quan trọng có ý nghĩa chiến lược".(SGK-CD Lịch sử 12 tr 78).

- Từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngoại giao đã trở thành mặt trận quan trọng.
- Sau trận Mậu Thân 1968, Mỹ đã phải chấp nhận đàm phán với ta tại hội nghị Pa-ri.
- Ngoại giao đã góp một phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- Mặt trận ngoại giao đã nêu cao tính chính nghĩa, tiêu diệt hoàn toàn quân đội Mỹ.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Đặt bút ký vào bản Hiệp định Pa-ri lịch sử, tôi vô cùng xúc động... Tôi như thay mặt Nhân dân và các chiến sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ đấu tranh trên tuyến tuyến và trong lao tù cấm ngục cờ chiến thắng chói lọi. Vinh dự đó đối với tôi thật quá to lớn. Tôi không có đủ lời để nói lên được lòng biết ơn vô tận đối với đồng bào và chiến sĩ ta từ Nam chí Bắc đã chấp nhận mọi hy sinh dũng cảm chiến đấu để có được thắng lợi to lớn hôm nay".(SGK-CD LỊCH SỬ 12 tr 78).

- Tư liệu trên nói về thời khắc lịch sử khi cuộc kháng chiến thắng lợi.
- Hiệp định Pa-ri đã chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.
- Với Hiệp định Pa-ri, cuộc đấu tranh ngoại giao đã giành thắng lợi to lớn.
- Thắng lợi ở Pa-ri là kết quả trực tiếp từ thắng lợi trên các chiến trường.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Với Trung Hoa Dân quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ động vừa đấu tranh chính trị, vừa vận động ngoại giao, thực hiện các hoạt động hữu nghị, thân thiện với Nhân dân Trung Quốc và hòa hoãn với quân

Trung Hoa Dân quốc ở Việt Nam để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng". (SGK-KNTT LỊCH SỬ 12, tr78)

- Tư liệu trên nói về quan điểm của Việt Nam đối với quân Trung Hoa Dân quốc.
- Sau 1945, Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam chỉ nhằm giải pháp phát xít Nhật.
- Chính sách của Việt Nam với Trung Hoa Dân quốc là nhân nhượng có nguyên tắc.
- Chính sách trên góp phần củng cố chính quyền, chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Với Pháp, Việt Nam ký Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) đồng ý để quân đội Pháp thay quân đội Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật Bản ở miền Bắc. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946) để kéo dài thời gian hòa bình, chuẩn bị kháng chiến".(SGK-KNTT LỊCH SỬ 12, tr78).

- Hiệp định Sơ bộ của Việt Nam ký với Pháp là một sách lược ngoại giao khôn khéo.
- Tạm ước Việt - Pháp đã nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hóa.
- Sơ bộ và Tạm ước là những văn bản ngoại giao chính thức đầu tiên của Việt Nam.
- Việc ký những hiệp ước trên chứng tỏ Việt Nam đã được Pháp chính thức công nhận.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trong cuốn sách Việt Nam. Nhà nước, chiến tranh và cách mạng (1945 - 1946), khi viết về hoạt động

đối ngoại của Việt Nam, Đa-vít Ma - nhà sử học người Mỹ đã nhận xét: "Việt Nam có kỹ năng xử lý các tình huống ngoại giao phức tạp, sẵn sàng nhượng bộ khi cần thiết để đạt được mục tiêu và sẵn sàng điều chỉnh chính sách cho phù hợp với hoàn cảnh thay đổi. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam đóng vai trò to lớn đối với kết quả của các cuộc kháng chiến mà Việt Nam đã đi qua - đó là một yếu tố hết sức quan trọng đóng góp vào chiến thắng cuối cùng của người Việt Nam. (SGK-KNTT LỊCH SỬ 12, tr77).

- a. Tư liệu trên đánh giá về chính sách ngoại giao khôn khéo của Việt Nam sau năm 1945.
- b. Tư liệu trên khẳng định Việt Nam sẵn sàng nhượng bộ khi cần để đạt được mục tiêu.
- c. Tư liệu khẳng định ngoại giao là yếu tố quyết định thắng lợi cuối cùng của Việt Nam.
- d. Chiến lược ngoại giao Việt Nam luôn điều chỉnh cho phù hợp khi hoàn cảnh thay đổi.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong Hội nghị Pa-ri, phía Mỹ đòi dùng chiếc bàn hình chữ nhật hoặc hình tròn chia đôi thể hiện cuộc đàm phán chỉ có hai bên: một bên là Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, một bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa yêu cầu chiếc bàn hình vuông hoặc tròn có phân chia rõ bốn bên, thể hiện bốn bên tham gia đàm phán. Cuối cùng, hai bên đi đến quyết định chọn chiếc bàn tròn lớn.” (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 80).

- a. Tư liệu trên nói về cuộc đấu tranh trên “mặt trận ngoại giao” tại hội nghị Pa-ri.
- b. Hội nghị Pa-ri là hội nghị đầu tiên bàn về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.
- c. Hội nghị Pa-ri có bốn bên tham gia đàm phán nhưng thực chất chỉ là hai phía.
- d. Hội nghị Pa-ri là hội nghị ngoại giao dài nhất trong lịch sử ngoại giao Việt Nam.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết, hoạt động đối ngoại của - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tập trung đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, cùng có quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 79).

- a. Hiệp định Giơ-ne-vơ đã chia Việt Nam thành hai quốc gia với biên giới là vĩ tuyến 17.
- b. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ và tay sai phá hoại Hiệp định, nhằm chia cắt Việt Nam.
- c. Sau năm 1954, Việt Nam đấu tranh chính trị hòa bình nhằm đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- d. Sau năm 1954, Việt Nam bắt đầu nhận được giúp đỡ của quốc tế để tiến hành kháng chiến.

Câu 16. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cùng với những thắng lợi quân sự, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ động kết hợp “vừa đánh, vừa đàm”, cung cấp tư liệu về cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh; đồng thời, tích cực vận động quốc tế công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.” (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 80).

- a. Cục diện "vừa đánh, vừa đàm" bắt đầu từ giai đoạn cuối chiến lược “chiến tranh cục bộ”.
- b. Trên mặt trận ngoại giao, Việt Nam nêu cao chính nghĩa và tố cáo tính phi nghĩa của Mỹ.
- c. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là 1 trong 4 bên tham gia hội nghị Pa-ri.
- d. Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, mặt trận ngoại giao trong chống Mỹ cũng chấm dứt.

**BÀI 13:
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY PHẦN 1 TRẮC
NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

Câu 1. Một trong những quốc gia mà Việt Nam rất coi trọng quan hệ và hợp tác chặt chẽ trong giai đoạn 1975 - 1985 là:

- A. Trung Quốc. B. Liên Xô. C. Nhật Bản. D. Hàn Quốc.
- Câu 2. Năm 1978, Việt Nam gia nhập tổ chức nào sau đây?

- A. SEV. B. EU. C. ASEAN D. NATO.

Câu 3. Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975-1985 là:

- A. đàm phán giải quyết vấn đề xung đột biên giới.
- B. hội nghị thượng đỉnh bàn về vấn đề của ASEAN.
- C. đàm phán về việc khai thác chung nguồn khí đốt.
- D. thương lượng để Trung Quốc tăng cường viện trợ.

Câu 4. Từ năm 1975 - 1985, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam chú trọng phát triển quan hệ hữu nghị với quốc gia nào sau đây?

- A. Malaysia. B. Brunây. C. Thái Lan. D. Lào. Câu 5. Từ năm 1975 - 1985, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung chống lại
- A. âm mưu chia cắt Đông Dương.
B. cuộc tấn công của Trung Quốc.
C. cuộc bao vây cấm vận của Mỹ.
D. âm mưu chia rẽ tổ chức ASEAN.
- Câu 6. Trong giai đoạn 1975 đến 1985 Việt Nam đã tham gia
- A. Phong trào không liên kết.
B. Cộng đồng văn hóa ASEAN.
C. Hiệp hội các quốc gia độc lập.
D. Cộng đồng kinh tế ASEAN.
- Câu 7. Nội dung định hướng chung cho hoạt động đối ngoại là "Hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị...". Được Đại hội lần thứ mấy của Đảng đề ra?
- A. IV. B. VI. C. VII. D. XI
- Câu 8. Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao từ sau 1986 đến nay là
- A. Mỹ. B. Ấn Độ. C. Nga. D. Lào.
- Câu 9. Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao từ sau năm 1986 đến nay là
- A. Trung Quốc. B. Mông Cổ. C. Liên Xô. D. Triều Tiên.
- Câu 10. Sự kiện nào sau đây đánh dấu quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới được cải thiện, mở rộng?
- A. Miền Nam được giải phóng.
B. Bắt đầu công cuộc đổi mới.
C. Gia nhập vào Liên hợp quốc.
D. Tham gia cộng đồng ASEAN.
- Câu 11: Một trong những tổ chức Việt Nam đã gia nhập từ sau năm 1986 đến nay là
- A. SEV. B. NATO. C. ASEAN. D. SEATO.
- Câu 12. Đến năm 2022, Việt Nam đã là thành viên của bao nhiêu tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế?
- A. 59. B. 60. C. 62. D. 63.
- Câu 13. Một trong các hội nghị quốc tế quan trọng mà Việt Nam đã tổ chức thành công là
- A. APEC. B. COP28. C. ICEC. D. OPEC.
- Câu 14. Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ký các hiệp ước về biên giới trên đất liền - với quốc gia nào sau đây?
- A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Liên Xô. D. Triều Tiên.
- Câu 15. Một trong những hoạt động hỗ trợ nhân đạo của Việt Nam được thực hiện ở
- A. Mỹ. B. Đức. C. Anh. D. Cuba.
- Câu 16. Sự kiện nào sau đây đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn mới từ năm 1975 đến nay?
- A. Miền Nam được giải phóng.
B. Bắt đầu công cuộc đổi mới.
C. Gia nhập vào Liên hợp quốc.
D. Tham gia cộng đồng ASEAN.
- Câu 17. Một trong những nguyên nhân Việt Nam luôn coi trọng mối quan hệ và hợp tác với Liên Xô là
- A. viện trợ kinh tế, quân sự, ủng hộ về chính trị.
B. đồng ý đứng dưới cái ô hạt nhân của Liên Xô.
C. cần liên kết với Liên Xô để chống Trung Quốc.
D. dựa vào ưu thế của Liên Xô để đánh Khơ-me đỏ.
- Câu 18. Một trong những nguyên nhân để Việt Nam phát triển quan hệ hữu nghị đoàn kết với Lào là
- A. truyền thống lịch sử đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.
B. đường biên giới trên biển và trên bộ dài gần 3.000km.
C. có kẻ thù chung và cùng chống lại âm mưu bá quyền.
D. sự hợp tác trên sông Mê-kông để bảo vệ nông nghiệp.
- Câu 19. Trở ngại lớn nhất trong việc Việt Nam hội nhập với Đông Nam Á trong giai đoạn từ năm 1975-1991 là

- A. quân đội quá lớn mạnh.
- B. vấn đề của Cam-pu-chia.
- C. Trung Quốc ngăn cản.
- D. Việt Nam còn lạc hậu.

Câu 20. Tính đến tháng 3-2024, Việt Nam có mối quan hệ “Đối tác chiến lược toàn diện” với bao nhiêu quốc gia?

- A. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

Câu 21. Một trong những quốc gia có mối quan hệ “Đối tác chiến lược toàn diện” với Việt Nam tính đến tháng 3-2024 là

- A. Mỹ. B. Đức C. Anh. D. Cuba.

Câu 22. Một trong những thành tựu to lớn của các hoạt động đối ngoại đem lại cho Việt Nam từ năm 1986 đến nay là

- A. sự ủng hộ, những viện trợ quân sự to lớn đến từ Nga.
- B. vị thế, uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao.
- C. đã có hơn mười nước là đối tác chiến lược toàn diện.
- D. đang ứng cử ghế ủy viên thường trực Hội đồng bảo an.

Câu 23. Một trong các cơ hội khi Việt Nam tham gia vào các tổ chức quốc tế, khu vực là

- A. tiếp cận được nguồn vốn đầu tư từ các nước lớn.
- B. có thể tham gia vào các khối liên minh quân sự.
- C. tiếp cận được nguồn lao động giá rẻ ở châu Âu.
- D. liên minh với Mỹ giải quyết vấn đề biển Đông.

Câu 24. Một trong những thách thức khi Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế, khu vực là

- A. nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- B. gây mâu thuẫn sâu sắc hơn trên biển Đông.
- C. nguồn lao động giá rẻ châu Âu cạnh tranh.
- D. bị ép tham gia các khối liên minh quân sự.

Câu 25. Để thực hiện thành công phương châm "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước". Các hoạt động đối ngoại cần tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Liên kết với các nước Đông Âu cũ.
- B. Cân bằng mối quan hệ giữa hai cực.
- C. Không vi phạm chủ quyền dân tộc.
- D. Không đối môi trường lấy kinh tế.

Câu 26. Một trong những nội dung thể hiện sự khác nhau giữa các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 - 1975 và từ năm 1986 đến nay là

- A. mục tiêu đấu tranh là giải phóng dân tộc.
- B. nguyên tắc thực hiện hoạt động đối ngoại.
- C. các chuyến thăm cấp cao đến Trung Quốc.
- D. đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Câu 27. Một trong những nội dung thể hiện sự giống nhau giữa các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 - 1975 và từ năm 1986 đến nay là

- A. mục tiêu đấu tranh giải phóng dân tộc.
- B. kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự.
- C. phục vụ lợi ích cho dân tộc Việt Nam.
- D. liên kết chặt chẽ với các nước Đông Âu.

Câu 28. Một trong những thuận lợi của các hoạt động đối ngoại từ năm 1986 đến nay so với các giai đoạn trước đó là

- A. vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao,
- B. kẻ thù trực tiếp của chúng ta đã trở nên suy yếu.
- C. đã khai thông được tuyến biên giới Việt - Trung.
- D. mâu thuẫn giữa các nước lớn đã được xóa bỏ.

Câu 29. Nhận xét nào sau đây về vai trò của các hoạt động đối ngoại từ năm 1986 đến nay là đúng?

- A. Tạo ra ưu thế cho các tranh chấp quân sự trên biển Đông.
- B. Tất cả các nước nâng tầm quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- C. Đã đưa Việt Nam trở thành cường quốc số một châu Á.
- D. Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập, phát triển kinh tế.

Câu 30. Bài học kinh nghiệm xuyên suốt đã dẫn đến tất cả những thắng lợi trong quá trình thực hiện các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 đến nay là

- A. kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
- B. tăng cường củng cố sức mạnh quân sự.
- C. thực hiện đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô.
- D. tham gia vào các khối liên minh quân sự

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Kiên trì chính sách hữu nghị và láng giềng tốt với nhân dân Trung Quốc, chúng ta chủ trương khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau và giải quyết những vấn đề tranh chấp bằng con đường thương lượng." (SGK-CTST LỊCH SỬ 12, tr86)

- a. Từ sau năm 1945, quan hệ Việt Nam và Trung Quốc là hữu nghị, hợp tác toàn diện.
- b. Tranh chấp chủ quyền Việt Nam và Trung Quốc đều giải quyết bằng thương lượng.
- c. Từ sau năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc tiến hành bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
- d. Việt Nam chủ trương duy trì quan hệ hòa bình, tôn trọng lẫn nhau với Trung Quốc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Phong trào Không liên kết là một tổ chức quốc tế của các quốc gia không thuộc hoặc không chống lại bất kỳ khối nước lớn nào. Tổ chức này ra đời ngày 01-9-1961 với các nguyên tắc đóng vai trò nền tảng gồm: 1. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, 2. Không xâm lược lẫn nhau, 3. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau 4. Bình đẳng và hai bên cùng có lợi; 5. Cùng tồn tại hòa bình." (SGK-CTST Lịch sử 12, tr87).

- a. Việt Nam là một trong những thành viên tích cực của phong trào Không liên kết.
- b. Phong trào Không liên kết nhằm tạo ra đối trọng với các cường quốc như Mỹ - Xô.
- c. Phong trào Không liên kết tập hợp các nước nhỏ, yếu về chính trị, kinh tế, quân sự.
- d. Phong trào Không liên kết có mục đích hoạt động trên cơ sở hiến chương Liên hợp quốc,

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Ngày 05/7/1976, Việt Nam công bố "Chính sách bốn điểm" trong quan hệ với các nước Đông Nam Á:

- 1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình.
- 2. Không để lãnh thổ nước mình cho bất cứ nước ngoài nào sử dụng làm căn cứ xâm lược và can thiệp vào các nước khác trong khu vực.
- 3. Thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt, hợp tác kinh tế và trao đổi văn hóa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Giải quyết những vấn đề tranh chấp giữa các nước trong khu vực thông qua thương lượng theo tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.
- 4. Phát triển hợp tác vì sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh theo điều kiện riêng mỗi nước vì lợi ích độc lập dân tộc, hòa bình, trung lập thật sự ở Đông Nam Á, góp phần vào sự nghiệp hòa bình trên thế giới," (SGK-CTST Lịch sử 12, tr87).

- a. Chính sách đối ngoại của Việt Nam với Đông Nam Á là hòa bình, hữu nghị, hợp tác.
- b. Sau năm 1975, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trong khu vực.
- c. Vấn đề Campuchia đã góp phần làm sâu sắc thêm quan hệ giữa Việt Nam và khu vực.
- d. Sau năm 1975, Việt Nam có nhiều cố gắng cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác. Với các đối tác quan trọng, nhất là các nước láng giềng, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện phải chủ động, tích cực tạo lập, hoàn thiện các khuôn khổ hợp tác, gắn kết chặt chẽ quan hệ chính trị, đối ngoại với hợp tác kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục và khoa học - công nghệ." (SGK-CTST LỊCH SỬ 12, tr89)

- a. Tư liệu trên khẳng định chính sách đối ngoại của Việt Nam với các đối tác.
- b. Hợp tác về kinh tế, quốc phòng, an ninh là trụ cột của đối ngoại Việt Nam.
- c. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã đảm bảo tính toàn diện và chặt chẽ.
- d. Với các láng giềng, Việt Nam nâng tầm thành đối tác chiến lược toàn diện.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại mang hồn dân tộc, rất kiên định về nguyên tắc, những ứng xử tinh tế và linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các mặt trận quân sự, chính trị và các ngành khác, kết hợp

thế và lực góp phần xoay chuyển tình thế từ yếu thành mạnh, gần lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế, dân tộc với thời đại, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thành sức mạnh tổng hợp", (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 90)

- Tư liệu khẳng định ngoại giao Việt Nam cứng rắn về nguyên tắc mềm dẻo về.
- Điểm cốt yếu của ngoại giao Việt Nam là coi trọng lợi ích dân tộc, đó là cái "dĩ bất biến".
- Ngoại giao Việt Nam có tính độc lập hoàn toàn với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự.
- Sức mạnh tổng hợp của ngoại giao Việt Nam là kết hợp của sức mạnh dân tộc và thời đại.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Từ năm 1975, đặc biệt là sau khi ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác (1978) Việt Nam coi hợp tác toàn diện với Liên Xô là "Hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại". Liên Xô cũng đẩy mạnh hợp tác giúp đỡ Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Hơn 100.000 lao động Việt Nam đã sang Liên Xô làm việc. Viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam trong giai đoạn 1981- 1985 có giá trị khoảng 4.5 tỷ USD." (SGK-CD LỊCH SỬ 12, tr80)

- Tư liệu trên khẳng định sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô cho Việt Nam trong kháng chiến.
- Với Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Việt Nam đã tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế.
- Từ sau năm 1975, Liên Xô là nước duy nhất hỗ trợ, viện trợ, giúp đỡ Việt Nam tái thiết.
- Viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam sau năm 1975 đã góp phần quan trọng xây dựng đất nước.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tăng cường đoàn kết với Lào và Cam-pu-chia, thực hiện hợp giúp đỡ lẫn nhau, làm cho ba nước Đông Dương trở thành lực vững chắc của cách mạng và hòa bình ở Đông Nam Á. Cùng cố và tăng cường hợp tác giữa nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa anh em..." (SGK-CD Lịch sử 12, tr 81).

- Mối quan hệ Việt Nam, Lào, Campuchia là mối quan hệ của ba nước xã hội chủ nghĩa.
- Chính sách đối ngoại của Việt Nam với 2 nước Đông Dương là bình đẳng, giúp đỡ nhau.
- Liên bang Đông Dương đã trở thành lực lượng vững chắc của cách mạng ở Đông Nam Á.
- Sau năm 1991, Việt Nam coi trọng củng cố, tăng cường hợp tác với hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Ngày 20/5/1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VI) ban hành Nghị quyết số 13/NQ-TW "Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới. Nghị quyết nêu rõ chiến lược đối ngoại của Việt Nam là "thêm bạn bớt thù", mở rộng và đa dạng hóa quan hệ hợp tác quốc tế với mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình thúc đẩy hội nhập quốc tế, phá thế bao vây cấm vận, thu hút sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với công cuộc đổi mới của đất nước. Nghị quyết 13 NQ-TW đánh dấu bước ngoặt về tư duy đối ngoại của Việt Nam, là cơ sở để Việt Nam phát triển chính sách đối ngoại trong giai đoạn tiếp theo". (SGK-CD LỊCH SỬ 12, tr81)

- Nghị quyết số 13/NQ-TW đã đề ra đường lối "đổi mới đất nước về kinh tế, chính trị.
- Tư duy đối ngoại của Việt Nam ở Nghị quyết 13 là thêm bạn bớt thù, hợp tác, hội nhập.
- Nghị quyết 13 đã đặt cơ sở cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam sau Chiến tranh lạnh.
- Ngay sau Nghị quyết 13, Việt Nam đã thoát khỏi thế bị bao vây, cấm vận để phát triển.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, giải quyết tranh chấp, bất đồng trong vấn đề biên giới thông qua đàm phán, thương lượng.

Hoạt động đối ngoại trong những năm gần đây còn gắn với các lĩnh vực như giao lưu văn hóa, hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm họa thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu....

Hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục có bước phát triển mới, gắn liền với vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cảnh điều, trang 82),

- Đầu thế kỷ XXI, Việt Nam triển khai các hoạt động đối ngoại ngày càng đa dạng.
- Trong các tranh chấp chủ quyền, Việt Nam chủ trương sử dụng biện pháp hòa bình.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan lãnh đạo công tác đối ngoại của Việt Nam.
- Việt Nam tham gia tích cực vào các hoạt động giữ gìn hòa bình của Liên hợp quốc.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Năm ở khu vực tranh chấp giữa Xu-đăng và Nam Xu-đăng, trong nhiều năm, Trường cấp 3 A-bi-ê ở trong tình trạng sơ sài, tạm bợ. Đầu năm 2023, nhà trường có thêm phòng học, giếng nước, bể chứa nước, nhà ở cho giáo viên, thư viện, máy phát điện, hệ thống máy tính kèm mạng LAN, Theo Hiệu trưởng nhà trường, hiện tại, Trường cấp 3 A-bi-ê có cơ sở vật chất tương đương một trường đại học ở thủ đô Juba,

Nam Xu-đăng. Sự thay đổi của Trường cấp 3 A-bi-ê là kết quả tài trợ, giúp đỡ từ Đội Công binh số 1 của Việt Nam - đơn vị tham gia hoạt động

giữ gìn hòa bình Liên hợp quốc tại A-bi-ê, đồng thời là biểu hiện cho thấy bước phát triển mạnh mẽ trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cảnh điều, trang 79).

- Tư liệu trên nói về một kết quả trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay.
- Việc cử lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình cho thấy vị thế, uy tín của Việt Nam.
- Từ sau năm 1975, Việt Nam đã cử lực lượng gìn giữ hòa bình đến Nam Xu-đăng.
- Công tác đối ngoại của Việt Nam đã khẳng định vai trò của cường quốc ở châu Á.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Việt Nam phối hợp với các nước xã hội chủ nghĩa trên diễn đàn quốc tế và đẩy mạnh hợp tác toàn diện, nhất là lĩnh vực kinh tế. Việt Nam luôn coi trọng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Nhiều hiệp ước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật đã được ký kết. Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV). Đối với Trung Quốc, Việt Nam tiến hành đàm phán để giải quyết các xung đột về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia." (SGK- KNTT LỊCH SỬ 12 ,tr83)

- Tư liệu trên nói về quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa.
- Sau năm 1975, Việt Nam có quan hệ hòa bình, hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa
- Trong quan hệ đối ngoại, Việt Nam kiên định nguyên tắc về lợi ích quốc gia dân tộc.
- Năm 1978, Việt Nam đã xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Việt Nam tích cực thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế và nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Việt Nam tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ, hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo... đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, thành lập cơ quan đại diện ngoại giao ở nhiều nước, gia nhập các tổ chức quốc tế,... Việt Nam tham gia các hoạt động góp phần phát huy vai trò tích cực của Phong trào Không liên kết trong cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình." (SGK-KNTT Lịch sử 12, trang 83).

- Tư liệu trên nói về hoạt động đối ngoại của Việt Nam sau kháng chiến chống Mỹ.
- Sau 1975, Việt Nam đã phá thế cấm vận của Mỹ, gia nhập vào các tổ chức quốc tế.
- Việt Nam là một thành viên sáng lập và tích cực nhất của Phong trào Không liên kết.
- Chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn này góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập, tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai trên nhiều lĩnh vực, trong đó trọng tâm là giải quyết vấn đề Campuchia. Sau khi Hiệp định Pa-ri về Campuchia được ký kết (10 - 1991), Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991), với Mỹ (1995), gia nhập ASEAN (1995),..." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 84).

- Tư liệu trên nói về những hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn sau năm 1975.
- "Vấn đề Campuchia" là việc Việt Nam đưa quân sang giúp đỡ nhân dân Campuchia.
- Trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Việt Nam là giải quyết vấn đề Campuchia.
- Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc giúp giải quyết mọi tranh chấp chủ quyền.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Việt Nam trở thành thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế (ASEAN, WTO, Việt Nam ký hiệp định tham gia Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN AFTA), ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP). và nhiều hiệp định quan trọng khác. Việt Nam

tích cực triển khai hoạt động đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn, hội nghị đa phương với đối tác trọng tâm có tầm ảnh hưởng trên nhiều lĩnh vực, ưu tiên là kinh tế, quốc phòng - an ninh." (SGK-KNTT tr85)

- Việt Nam là thành viên sáng lập của nhiều tổ chức quốc tế như ASEAN, WTO.
- Các hiệp định trên đã khẳng định vai trò, vị trí của Việt Nam trong giai đoạn mới.
- Trọng tâm đối ngoại của Việt Nam hiện nay là hợp tác kinh tế, an ninh - quốc phòng.
- Việt Nam chỉ triển khai quan hệ đối ngoại với các đối tác có tầm ảnh hưởng nhất.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Nhằm hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, nâng cao vị thế đất nước, Việt Nam cam kết tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, thúc đẩy gắn kết cộng đồng thông qua giao lưu văn hóa. Việt Nam tham gia đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu, ký kết Nghị định thư Ki-ô-tô, cam kết giảm lượng phát thải khí

nhà kính. Việt Nam

tích cực thúc đẩy giao lưu văn hóa với các quốc gia khác thông qua các lễ hội văn hóa, chương trình ngoại giao văn hóa và trao đổi giáo dục."(SGK-KNTT LỊCH SỬ 12,tr86)

- Tư liệu trên nói về một số lĩnh vực trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam hiện nay.
- Nghị định thư Ki-ô-tô là cam kết chống biến đổi khí hậu mà Việt Nam có tham gia.
- Việt Nam chủ động trao đổi văn hóa, giáo dục với các nước trong và ngoài khu vực.
- Việt Nam coi trọng việc giao lưu văn hóa để gắn kết các cộng đồng khu vực, thế giới Bài 12

1.A	2.A	3.B	4.C	5.D	6.A	7.B	8.A	9.B	10. A	11. D	12. A
13. B	14. C	15. A	16. B	17. C	18. A	19. C	20. A	21. B	22. C	23. A	24. A
25. A	26. D	27. B	28. D	29. A	30. A						

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
.	.	.	.	.	.	.	.	.	0.	.	2.	3.	4.	5.	6.	7
Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ
S	S	Đ	S	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	S	Đ	S
S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S	S	Đ
Đ	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ	Đ	S	S	Đ	S	S

Bài 13

1.A	2.B	3.A	4.D	5.A	6.D	7.A	8.A	9.B	10. B	11. A	12. C
13. B	14. A	15. A	16. D	17. A	18. A	19. C	20A	21. D	22. A	23. B	24. B
25. C	26. A	27. A	28. A	29. A	30. A						

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
.	.	.	.	.	.	.	.	.	0.	.	2.	3.	4.	5.	6.
S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ
S	S	Đ	S	Đ	D	S	S	Đ	S	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ
Đ	S	S	S	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ
Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ	S	Đ

CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. KHÁI QUÁT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

1.1. Hoàn cảnh đất nước

- Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên những truyền thống quý báu: yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa,...
- Giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới ách cai trị, bóc lột của thực dân, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng gay gắt, nhiệm vụ cứu nước giải phóng dân tộc trở nên cấp thiết.
- Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại, con đường cứu nước và giải phóng dân tộc của Việt Nam rơi vào khủng hoảng, bế tắc.

1.2. Hoàn cảnh quê hương

- Nghệ An là vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước. Nơi đây đã sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa và nhà khoa bảng nổi tiếng trong lịch sử.
- Vào đầu thế kỉ XX, trung tâm công nghiệp Vinh - Bến Thủy lớn nhất khu vực Bắc miền Trung đã tạo điều kiện cho những thanh niên, trí thức yêu nước và giai cấp công nhân có điều kiện tiếp thu nhiều tư tưởng mới của thời đại.

1.3. Hoàn cảnh gia đình

- Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc và thân mẫu là Hoàng Thị Loan.
- Sự nền nếp, truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp, sự đồng cảm với nhân dân lao động và nhận thức trách nhiệm đối với nước nhà.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh (1911-1969).

2.1. Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890-1911)

- Hồ Chí Minh lúc nhỏ sống tại xã Kim Liên – Nam Đàn (Nghệ An), đến năm 1895 được cha đưa theo vào Huế, học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, sau đó là Trường Quốc học Huế.
- Sớm có tinh thần yêu nước, năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế ở Huế
- Từ năm 1909, Nguyễn Tất Thành đến nhiều tỉnh phía nam như Bình Định (1909), dạy học tại Trường Dục Thanh ở Phan Thiết (1910) rồi vào Sài Gòn (1911).

2.2. Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911-1941)

- Từ năm 1911 đến năm 1920

- + Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành đã rời Bến Nhà Rồng trên con tàu La-tu-sơ Tơ-rê-vin, bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.
- + Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, để tìm hiểu thực tiễn ở các nước.
- + Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp. Năm 1918, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp. Năm 1919, Nguyễn Tất Thành gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam để đòi quyền lợi cho nhân dân Việt Nam.
- + Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. Lê-nin. Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.
- + Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Từ năm 1921 đến năm 1930

- + Từ năm 1921 đến tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp: tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, sáng lập tờ Báo Người cùng khổ.
- + Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế,..
- + Tháng 11-1924 Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), tháng 6-1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- + Đầu năm 1930, ở Hương Cảng (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

- Từ năm 1930 đến năm 1941

- + Từ năm 1930 đến 1940, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô và Trung Quốc.
- + Ngày 28-1-1941, sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

2.3. Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941-1969)

- Từ năm 1941 đến năm 1945

- + 5-1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập mặt trận Việt Minh.
- + 12-1944, Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tổ chức chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.
- + Tháng 8-1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.
- + Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Từ năm 1945 đến năm 1969

- + Từ 1945 đến 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- + Từ 1954 đến 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

II. HỒ CHÍ MINH – ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Hành trình đi tìm đường cứu nước (1911-1920)

- Từ năm 1911, Nguyễn Tất Thành đã đi qua nhiều châu lục, làm nhiều công việc để vừa kiếm sống vừa tìm hiểu thực tiễn. Đó là cơ sở để Người đến với chủ nghĩa Mác-Lê-nin.
- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin đăng trên báo Nhân đạo. Luận cương đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường giành độc lập và tự do cho dân tộc Việt Nam là đi theo con đường cách mạng vô sản.
- Tháng 12-1920, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- Nội dung cơ bản của con đường cứu nước Nguyễn Ái Quốc lựa chọn: giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.
- Ý nghĩa: bước đầu giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, gắn phong trào cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

2. Chuẩn bị và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1921-1930)

2.1. Chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1921-1929)

2.1.1. Về chính trị, tư tưởng:

- Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo: Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tạp san Thư tín quốc tế,...
- Kế thừa những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và xuất phát từ thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc xây dựng lý luận cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp giải phóng giai cấp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2.1.2. Về tổ chức:

- + Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm đào tạo những người yêu nước thành cán bộ truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin, lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân.
- + Hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929. Đó là sự chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.2. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930)

- Sự xuất hiện và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản đã khiến cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ chia rẽ. Trong bối cảnh đó, từ ngày 6-1 đến 7-2-1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản đến Cửu Long (Hồng Công-Trung Quốc) để tiến hành họp nhất.
- Tại hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã:
- + Thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Soạn thảo Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ tóm tắt của Đảng.

2.3. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.
- Sự ra đời của Đảng đã mở ra bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam.
- Sự ra đời của Đảng đã đánh dấu cách mạng Việt Nam đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử Việt Nam.

3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Tháng 5-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 tại Pác Bó (Cao Bằng).
- + Hội nghị khẳng định “nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc”; xác định phương pháp khởi nghĩa vũ trang với hình thái giành chính quyền là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa; nhấn mạnh công tác chuẩn bị cho khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.
- Sáng lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941):
- + Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, Nguyễn Ái Quốc đưa ra sáng kiến thành lập ở mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng.

+ Tại Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đề nghị lấy tên là Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), ra báo Việt Nam độc lập để tuyên truyền.

- *Xây dựng căn cứ địa cách mạng:*

+ Sau khi trở về nước (1941), Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi thí điểm để xây dựng căn cứ địa của cách mạng.

+ Tháng 6-1945, Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, chọn Tân Trào làm thủ đô của Khu giải phóng.

- *Xây dựng lực lượng vũ trang:*

+ Ngày 22-12-1944, Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

+ Tháng 5-1945, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân hợp nhất với Việt Nam Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân, trở thành lực lượng xung kích, hỗ trợ cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công.

- *Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế:* Từ năm 1945, với vai trò vận động tích cực của Hồ Chí Minh, lực lượng của Mỹ ở Côn Minh (Trung Quốc) đã hợp tác và hỗ trợ Việt Minh trên nhiều lĩnh vực.

- *Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà:*

+ Từ ngày 13-8-1945, Hồ Chí Minh cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã tận dụng thời cơ, phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước và lãnh đạo toàn dân đứng lên giành chính quyền.

+ Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

4. Lãnh đạo kháng chiến chống Thực dân Pháp 1945-1954

4.1. Giai đoạn 1945-1946

- Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đối phó với nhiều khó khăn, thử thách.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã đề ra và trực tiếp thực hiện nhiều chính sách, biện pháp trên các lĩnh vực.

+ Về đối nội: Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước “Nhường cơm sẻ áo” và “Tăng gia sản xuất”, kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và thành lập Quỹ Độc lập, gửi thư kêu gọi các tầng lớp nhân dân hưởng ứng Tuần lễ vàng ủng hộ Chính phủ. Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu.

+ Về đối ngoại: Để bảo vệ đất nước trước các thế lực ngoại xâm và nội phản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với Pháp bản Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) và bản Tạm ước Việt-Pháp (14-9-1946).

4.2. Giai đoạn 1946-1954

- Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã hoạch định đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

- Mở rộng các hoạt động ngoại giao với nhân dân Pháp tiến bộ, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước Đông Dương nhằm tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của bên ngoài đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

- Chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam (2-1951)-Đại hội kháng chiến thắng lợi.

- Tham gia họp bàn và chỉ đạo các chiến dịch quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp: Việt Bắc thu- đông, Biên giới thu-đông...

5. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1969)

5.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

- Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960). Nêu rõ: Đại hội này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

5.2. Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược

- Tháng 1-1959, giữa lúc cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, xác định phương hướng cơ bản cho cách mạng miền Nam.

- Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đem quân viễn chinh và quân đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng phân tích tình hình,

dự báo và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân Mỹ xâm lược.

5.3. Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam vạch trần tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong bối cảnh mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nỗ lực dùng giải pháp ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của nước bạn, đóng góp vào việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của cách mạng Việt Nam.

- Những thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã đưa tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào lịch sử cách mạng thế giới, trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trong thế kỉ XX.

III. DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

- Năm 1987, Đại hội đồng UNESCO đã ra nghị quyết số 24C/18.65, ghi nhận “*Năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỉ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam*”.

- Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những hoạt động tưởng niệm, vinh danh Hồ Chí Minh bằng nhiều hình thức: Xây dựng tượng đài, nhà lưu niệm, đặt tên đường, ...

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng dân tộc Việt Nam

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến và hi sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam, đặc biệt là trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ người dân Việt Nam học tập và noi theo, đồng thời để lại di sản lớn trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những giá trị về tư tưởng, văn hoá.

- Nhân dân Việt Nam luôn yêu quý, kính trọng và biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ với những hình thức khác nhau:

+ Trên khắp cả nước nhiều công trình mang tên Hồ Chí Minh như bảo tàng, tượng đài, đường phố, cơ sở giáo dục...

+ Hình tượng Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác nên những tác phẩm nổi tiếng trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

+ Tháng 11-2006, Bộ chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành chỉ thị số 06, phát động cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Cuộc vận động đã lan tỏa và mang lại hiệu quả tích cực trên nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

BÀI 14: KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH PHẦN 1.

TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phải là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam?

A. Yêu nước. B. Đoàn kết. C. Nhân nghĩa. D. Hiếu chiến.

Câu 2. Nhiệm vụ cấp bách nhất đặt ra cho dân tộc Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

A. giành độc lập dân tộc.

B. đòi dân sinh dân chủ.

C. cách mạng ruộng đất.

D. cơm áo và hòa bình.

Câu 3. Một trong những phẩm chất tốt đẹp của xứ Nghệ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu và thể hiện rõ nét trong cuộc đời hoạt động cách mạng là

A. trọng nghĩa khinh tài.

B. ý chí trong học tập.

C. giỏi nghề thủ công.

D. kinh nghiệm đi biển.

Câu 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình

A. có truyền thống yêu nước.

B. có kinh nghiệm đi biển.

C. nông dân rất nghèo khổ.

D. công nhân kỹ thuật cao.

Câu 5. Một trong những ngôi trường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng theo học là

- A. Hoàng Phố.
B. Đồng Khánh. C. Quốc Tử giám. D. Quốc học Huế.

Câu 6. Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, từ năm 1912 đến năm 1930, Nguyễn Tất Thành không đặt chân đến quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc. B. Liên Xô. C. Nhật Bản. D. Thái Lan.

Câu 7. Con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc tìm thấy vào tháng 7-1920 là

- A. CM vô sản. B. dân chủ tư sản. C. XHCN
D. cách mạng bạo lực.

Câu 8. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành tham gia vào tổ chức nào sau đây?

- A. Đảng Cộng sản Pháp.
B. Đảng Bảo thủ Anh.
C. Đảng Xã hội Pháp.
D. Đảng Cộng hòa Mỹ.

Câu 9. Từ đầu thế kỷ XX, mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng

- A. gay gắt. B. hòa giải. C. hòa dịu. D. ổn định. Câu 10. Một trong

những ngôi trường Nguyễn Tất Thành đã từng dạy học là

- A. Nam Đàn. B. Đồng Khánh C. Quốc học Huế. D. Dục
Thanh.

Câu 11. Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi

- A. Thái Lan. B. Việt Nam. C. Trung Quốc. D. Đông Đức.

Câu 12. Trước khi bị biến thành quốc gia thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam là quốc gia.

- A. tự do. B. độc lập. C. dân chủ. D. giàu có.

Câu 13. Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước với tên gọi mới là.

- A. Văn Ba. B. Ông Ké. C. Thầu Chín. D. Lý Thụy.

Câu 14. Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có hoạt động nào sau đây?

- A. Thành lập Mặt trận Việt Minh.
B. Soạn thảo Luận cương chính trị.
. Hợp nhất các tổ chức cộng sản.
. Trở về nước lãnh đạo cách mạng.

Câu 15. Trong giai đoạn 1960-1969, Hồ Chí Minh đảm nhận cương vị nào sau đây?

- A. Chủ tịch Quốc hội. B. Chủ tịch Đảng. C. Tổng Bí Thư. D. Thủ Tướng.

Câu 16. Trong thời cận đại, vì sao Nghệ An sớm có điều kiện tiếp thu những tư tưởng mới?

- A. Do truyền thống đấu tranh anh dũng.
B. Có khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy.
C. Pháp đã cho mở nhiều trường học ở đây.
D. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười.

Câu 17. Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là

- A. dân tộc. B. giai cấp. C. tầng lớp. D. tôn giáo. Câu 18. Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành

- A. người CS đầu tiên của Việt Nam.
B. lãnh tụ tối cao của CM Việt Nam.
C. ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản.
D. phái viên của Quốc tế cộng sản ở C. Phi.

Câu 19. Tổ chức nào do sau đây do Nguyễn Ái Quốc thành lập, được xem là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam

- A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
B. Đông Dương Cộng sản đảng.
C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
D. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa

Câu 20. Vì sao đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc phải tiến hành triệu tập hội nghị để hợp nhất các tổ chức cộng sản?

- A. Cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ chia rẽ.

- B. Sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Quốc tế cộng sản.
 C. Yêu cầu thiết tha của nhân dân ba nước Đông Dương.
 D. Các tổ chức cộng sản đã yêu cầu tiến hành hợp nhất.
- Câu 21. Một trong những nguyên nhân lý giải Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây để tìm đường cứu nước là
 A. tìm hiểu các nước phương Tây làm như thế nào.
 B. con đường để đi sang phương Tây dễ dàng hơn.
 C. phương Tây có nhiều trường Đại học danh tiếng.
 D. mục đích chính là ra đi để lao động, kiếm sống.
- Câu 22. Biểu hiện nào sau đây cho thấy, Nguyễn Tất Thành sớm có tư tưởng yêu nước chống Pháp?
 A. Tham gia vào phong trào chống thuế ở Huế.
 B. Tham gia phong trào Đông Du đi sang Nhật.
 C. Tham gia phong trào Cần Vương ở Nghệ An.
 D. Tập hợp các sĩ phu ở Nghệ An đánh Pháp.
- Câu 23. Ngày 2-9-1969, Hồ Chủ tịch qua đời tại Hà Nội, đó là sự kiện
 A. tạo ra rất nhiều khó khăn cho CM
 B. tổn thất to lớn của CM VN
 C. đã gây chia rẽ, mất đoàn kết trong Đảng
 D. cơ hội để Mỹ đem quân đánh ra miền Bắc.
- Câu 24. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thành công của hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (đầu năm 1930) là
 A. tài năng, uy tín của Nguyễn Ái Quốc.
 B. chỉ đạo kịp thời của Quốc tế thứ hai.
 C. nguyện vọng thiết tha của quần chúng.
 D. những bài học kinh nghiệm trên thế giới.
- Câu 25. Một trong những điểm khác biệt trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu là gì?
 A. Hết lòng cho sự nghiệp cách mạng.
 B. Coi trọng tầng lớp thanh niên, tri thức.
 C. Nguyễn Ái Quốc đi sang phương Tây.
 D. Hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc
- Câu 26. Một trong những điểm khác biệt trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và Phan Chu Trinh là
 A. Mục tiêu gpdn Việt Nam.
 B. Công hiến hết mình cho cho mạng.
 C. Khuynh hướng cách mạng cứu nước,
 D. Ý chí mãnh liệt, muốn đất nước độc lập.
- Câu 27. Điểm giống nhau về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945- 1954 và 1960-1969 là gì?
 A. Là lãnh tụ tối cao của cách mạng Việt Nam.
 B. Người đứng đầu Chính phủ nước Việt Nam.
 C. Trực tiếp ra mặt trận chỉ huy bộ đội chiến đấu.
 D. Lãnh đạo, điều hành Quốc hội nước Việt Nam.
- Câu 28. Nội dung nào sau đây không đúng khi nói những đánh giá của nhân dân thế giới về Chủ tịch Hồ Chí Minh?
 A. Anh hùng giải phóng dân tộc.
 B. Chiến sĩ cộng sản kiên cường.
 C. Danh nhân văn hóa thế giới.
 D. Nhà dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi.
- Câu 29. Điểm chung của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi so sánh với Jeanne d'Arc, Gandhi là
 A. công hiến trọn đời mình cho dân tộc,
 B. chủ tịch nước đầu tiên sau cách mạng.
 C. đấu tranh ôn hòa để giải phóng dân tộc.
 D. danh nhân văn hóa lớn của nhân loại.
- Câu 30. Nội cật A và cật B sao cho đúng với những với những ý nghĩa của những đóng góp to lớn của

Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

A	B
1. Lập ra hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa	A. Vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng Việt Nam
2. Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam	B. Trở thành người cộng sản đầu tiên
3. Tham dự đại hội Tua	C. Tổ chức tiền thân của Đảng
4. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	D. Tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam
5. Soạn thảo cương lĩnh chính trị	E. Thiết lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với giới

A. 1e, 2d, 3b, 4c, 5a.

B. 1d, 2e, 3b, 4c, 5a.

C. 1e, 2d, 3a, 4c, 5b.

D. 1a, 2d, 3b, 4e, 5c.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1901, được tin Nguyễn Sinh Sắc đỗ Phó bảng, người dân làng Sen (xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) đã dựng một ngôi nhà 5 gian để đón ông cùng gia đình. Dưới mái nhà tranh này, cậu học trò Nguyễn Sinh Cung (tức Nguyễn Tất Thành) được lắng nghe nhiều buổi đàm đạo văn chương, luận bàn thể sự của cha mình với các nhà nho và sĩ phu yêu nước trong vùng. Những năm tháng thiếu thời ở làng Sen và quê hương xứ Nghệ đã có ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này.” (SGK-CD Lịch sử 12, tr83)

- Tư liệu đề cập đến thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại quê nhà Nghệ An.
- Ngay từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã được bàn luận thể sự cùng các sĩ phu yêu nước.
- Năm tháng thiếu thời đã có ảnh hưởng quyết định đến sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Tất Thành ngay từ niên thiếu đã sớm được hun đúc ý chí giải phóng dân tộc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Văn Miếu Vinh được xây dựng năm 1803 tại Yên Dũng, tổng Yên Trường (nay là phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An). Đây là nơi thờ Khổng Tử, đồng thời là nơi vinh danh các nhà khoa bảng của tỉnh. Từ khi có Văn Miếu Vinh, phong trào hiếu học ở Nghệ An ngày càng phát triển, trường thi Nghệ An trở thành một trong 7 trường thi Hương trên cả nước,” (SGK-CD Lịch sử 12, tr85)

- Văn Miếu Vinh là nơi Nguyễn Tất Thành học bậc tiểu học và đỗ thi Hương.
- Quê hương đã hun đúc nên ý chí và quyết tâm hiếu học của Nguyễn Tất Thành.
- Trong cuộc đời và sự nghiệp, Nguyễn Tất Thành chủ yếu tự học, tự rèn luyện.
- Từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã quyết tâm học tập nhằm đỗ đạt và ra làm quan.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bản yêu sách” đã trở thành tuyên ngôn chính trị báo hiệu sự mở đầu của giai đoạn mới trong việc phát triển phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam... Người Pháp coi cuộc đấu tranh đó là một “quả bom” làm chấn động dư luận nước Pháp. Còn người Việt Nam cho đó là tiếng sấm mùa xuân”. (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cảnh điều, trang 86).

- Tư liệu đề cập đến sự kiện Nguyễn Ái Quốc gửi Bản yêu sách 8 điểm đến Véc-xai.
- Sự kiện trên đã đưa Nguyễn Ái Quốc từ người yêu nước trở thành người cộng sản.
- Sau sự kiện, Nguyễn Ái Quốc khẳng định phải dựa vào sức mình để tự giải phóng.
- Sau năm 1920, Nguyễn Ái Quốc trở thành lãnh đạo chủ chốt của Quốc tế Cộng sản.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tôi [Hồ Chí Minh] tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. (SGK-CD LỊCH SỬ 12, tr88)

- Tư liệu trên đề cập đến giai đoạn lịch sử trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Sau cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh được bầu làm chủ tịch nước đầu tiên.
- Tư liệu trên trích từ văn kiện Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam ngày 02/9/1945.
- Tư liệu trên khẳng định mục tiêu cống hiến suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ những năm 20 của thế kỷ này, một con người đã trở thành hiện thân của quá trình gập gờ lịch sử giữa một dân tộc, một thời đại, làm nên một sự nghiệp cách mạng lớn lao. Con người ấy là Hồ Chí Minh. Dân tộc ấy là dân tộc Việt Nam. Thời đại ấy là thời đại quá độ trên toàn thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp ấy là sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”. (SGK-CTST Lịch sử 12, tr91).

- Từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã làm nên sự nghiệp lớn.
- Tư liệu đề cập đến sự nghiệp hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.
- Nguyễn Ái Quốc đã mở đầu thời kỳ quá độ từ tư bản lên chủ nghĩa xã hội.
- Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc Việt Nam.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương.

- Cụ Phan Bội Châu hi vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước rước beo cửa sau".
 - Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến". (SGK-CTST Lịch sử 12, tr93)
- Tư liệu khẳng định nhận thức hoàn chỉnh của Nguyễn Tất Thành về con đường giải phóng dân tộc.
 - Phan Châu Trinh là nhà yêu nước chủ trương giải phóng dân tộc thông qua con đường cái cách.
 - Phan Bội Châu là nhà yêu nước chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường bạo lực cách mạng.
 - Hoàng Hoa Thám là nhà yêu nước muốn đánh Pháp để khôi phục lại chế độ phong kiến độc lập.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy.” (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 94).

- Tư liệu khẳng định nguyên nhân quan trọng nhất Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.
- “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” là những khẩu hiệu mà thực dân Pháp đã thực hiện ở Việt Nam.
- Nguyễn Tất Thành đã lựa chọn tìm hiểu về văn minh Pháp để đánh Pháp, giải phóng dân tộc.
- Khi tròn 13 tuổi, Nguyễn Tất Thành đã lên đường sang Pháp để tìm hiểu về Tự do - Bình đẳng - Bác ái.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Điều mong muốn cuối cùng của tôi là Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.” (SGK-CTST Lịch sử 12, tr95).

- Tư liệu trên trích từ bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Tư liệu trên khẳng định Việt Nam đã thành quốc gia hòa bình, thống nhất.
- Hồ Chí Minh là chủ tịch nước đầu tiên của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- Suốt sự nghiệp của mình, Hồ Chủ tịch hết lòng phục vụ tổ quốc, nhân dân.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

- Từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chống thù trong giặc ngoài.

- Từ tháng 12/1946 đến tháng 7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1954), chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (02/1951)" (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 95).

- Tư liệu trên khẳng định vai trò của Hồ Chủ tịch đối với cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Từ 1945 - 1946, Hồ Chủ tịch lãnh đạo cả nước kháng chiến chống thù trong giặc ngoài.
- Hồ Chủ tịch đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp cuối 1946.
- Tại Đại hội đại biểu lần II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu làm chủ tịch Đảng.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ cũng không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta tìm họ trong ngu dốt...” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, trang 46)

Tư liệu 2: “Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống

người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản." (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011)

- Tư liệu 1 trích từ tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc.
- Tư liệu 2 khẳng định sự bóc lột, thống trị tàn bạo của tư bản Pháp ở Đông Dương.
- Tư liệu 1 khẳng định nhận thức của Nguyễn Tất Thành về khái niệm "bạn và thù".
- Tư liệu 2 khẳng định những nhận thức cách mạng ban đầu của Nguyễn Tất Thành.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: "Nghệ An núi cao, sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất có danh tiếng hơn cả Nam Châu. Người thì thuần hóa mà chăm học, sản vật thì nhiều thứ quý của lạ... được khí tốt của sông núi nên sinh ra nhiều bậc danh hiền... thực là nơi hiểm yếu như thành đồng, ao nóng của nước, là then khóa của các triều đại,

(Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1, Nxb. KHXH, 1992, trang 63)

Tư liệu 2: "Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ cũng không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta tìm họ trong ngu dốt...". (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, trang 46)

- Tư liệu 1 đề cập đến yếu tố quê hương có ảnh hưởng đến sự nghiệp Hồ Chí Minh.
- Tư liệu 2 đề cập đến hoàn cảnh đất nước có ảnh hưởng đến sự nghiệp Hồ Chí Minh.
- Tư liệu 2 khẳng định sự bóc lột và thống trị tàn bạo của tư bản Pháp ở Đông Dương.
- Cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ gắn liền với quê hương Nghệ An.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chủ tịch Hồ Chí Minh (thường nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19-5-1890, quê cha ở làng Sen, quê mẹ ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An). Trước lúc 5 tuổi, Nguyễn Sinh Cung sinh sống tại quê nhà. Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào sinh sống ở Huế. Sau khi mẹ qua đời (1901), Nguyễn Sinh Cung theo cha về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành, được theo học những thầy giáo giỏi ở địa phương. Năm 1906, ông Nguyễn Sinh Sắc vào Huế làm quan, Nguyễn Tất Thành theo cha vào học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và Trường Quốc học Huế. Năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo cha đến Bình Định và tiếp tục hoàn thành bậc Tiểu học tại Trường Pháp - Việt Quy Nhơn. Sớm có tinh thần yêu nước, năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế ở Huế" (SGK-KNTT LỊCH SỬ 12, tr91)

- Tư liệu đề cập đến thời niên thiếu của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành,
- Từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã được đào tạo chu đáo, bài bản bởi giáo dục phương Tây,
- Năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia, trở thành lãnh đạo của phong trào chống thuế.
- Thời niên thiếu có ảnh hưởng to lớn đến cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Tất Thành.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

- Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, tích cực tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động.

- Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp. Năm 1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam, trong đó ký tên là Nguyễn Ái Quốc. - Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. Lênin.

- Tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 92).

- Năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời đất nước để tìm con đường giải phóng cho dân tộc.
- Gửi yêu sách tới Hội nghị Véc-xai đã đánh dấu Nguyễn Ái Quốc thành người cộng sản.
- Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập Quốc tế cộng sản và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.
- Việc đọc Luận cương của Lênin đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

- Từ năm 1921 đến tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp: tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút Báo Người cùng khổ.

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế,...

- Từ tháng 11 - 1924 đến giữa năm 1927, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên (1925)....

- Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm,...
- Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Trung Quốc) soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng". (SGK- KNTT LỊCH SỬ 12, tr92)

- Tư liệu đề cập đến giai đoạn hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài.
- Đây là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc hoàn thiện lý luận cách mạng giải phóng dân tộc.
- Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc trở về nước và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Giai đoạn này, Nguyễn Ái Quốc đã gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

- Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941). Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh), tổ chức chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng.
- Tháng 8/1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế. Tháng 9/1944, Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng.
- Tháng 8/1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, và được cử làm Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Ngày 2-9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 93).

- Tư liệu nói về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.
- Trước cách mạng tháng Tám, Nguyễn Ái Quốc là lãnh đạo chủ chốt của phe Đồng minh.
- Hồ Chí Minh là Chủ tịch đầu tiên của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Sự kiện ngày 2-9-1945 đã kết thúc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 16. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tháng 1 - 1946, Hồ Chí Minh được Quốc hội khóa 1 bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại Đại hội lần thứ 11 của Đảng Cộng sản Đông Dương (2/1951), Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Tháng 10/1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng, kiêm Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam.
- Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 93).

- Tư liệu nói về sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp - Mỹ.
- Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch nước và Chủ tịch Đảng cho đến khi qua đời năm 1969.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ chức Tổng Bí thư của Đảng kể từ Đại hội đại biểu lần thứ II.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ đến ngày thắng lợi cuối cùng.

BÀI 15: HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước từ

- bến cảng Nhà Rồng.
- biên giới phía Bắc.
- địa đầu Móng Cái.
- bến tàu Thuận An.

Câu 2. Năm 1920, Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin được đăng trên tờ báo nào sau đây?

- Chuông Rê.
- Nhân Đạo.
- Nhánh Lúa.
- Tiếng Dân.

Câu 3. Một trong những nội dung được Nguyễn Ái Quốc xác định là con đường cứu nước, giải phóng cho dân tộc Việt Nam là

- tiến hành làm cách mạng vô sản ở chính quốc trước.
- thực hiện cả hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.
- giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.
- muốn giành độc lập phải xây dựng quân đội mạnh.

Câu 4. Tờ báo nào sau đây do Nguyễn Ái Quốc là chủ nhiệm kiêm chủ bút?

- A. An Nam trẻ.
- B. Người Nhà quê.
- C. Người cùng khổ.
- D. Đại đoàn kết.

Câu 5. Cuối năm 1929, đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản với cương vị

- A. thành viên đoàn cố vấn quân sự.
- B. lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản.
- C. lãnh đạo tối cao của cách mạng.
- D. phái viên của Quốc tế Cộng sản.

Câu 6. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị tháng 2 năm 1930 là

- A. độc lập dân tộc.
- B. độc lập, tự do.
- C. dân sinh, dân chủ.
- D. cơm áo, hòa bình.

Câu 7. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) là

- A. triệu tập và chủ trì.
- B. thành viên tham dự.
- C. quan sát viên dự bị.
- D. chỉ phối hội nghị.

Câu 8. Một trong những nội dung được Nguyễn Ái Quốc đưa ra tại Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 8 (5-1941) là

- A. thành lập chính phủ lâm thời.
- B. thành lập mặt trận Việt Minh.
- C. thành lập đội du kích Ba Tơ.
- D. lập khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 9. Năm 1941, địa điểm nào sau đây được Nguyễn Ái Quốc lựa chọn làm căn cứ địa đầu tiên của cách mạng Việt Nam?

- A. Cao Bằng.
- B. Lạng Sơn
- C. Phú Thọ.
- D. Yên Bái

Câu 10. Hiệp định đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ Việt Nam ký với đại diện của chính phủ Pháp năm 1946 là

- A. Tạm ước.
- B. Sơ bộ.
- C. Pa-ri.
- D. Giơ-ne-vơ.

Câu 11. Tháng 12-1946, đứng trước âm mưu xâm lược Việt Nam của Pháp Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có hành động nào sau đây để đối phó?

- A. Ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến.
- B. Công bố chỉ thị Toàn dân kháng chiến.
- C. Đề ra đường lối kháng chiến đơn độc.
- D. Đến thăm Pháp để tranh thủ hòa hoãn.

Câu 12: “Năm xưa Bác cùng đoàn con đi chiến dịch.

Núi rừng vẫn nhớ, suối vẫn in bóng hình của Bác...

Chiến dịch nào sau đây được nhắc tới trong lời bài hát "Bác đang cùng chúng cháu hành quân" của nhạc sĩ Huy Thục?

- A. Việt Bắc (1947).
- B. Biên giới (1950).
- C. Thượng Lào (1953).
- D. Hòa Bình (1952).

Câu 13. Một trong những văn kiện lịch sử được Hồ Chủ tịch viết và trực tiếp trình bày là

- A. luận cương chính trị (10/1930)
- B. Tuyên ngôn độc lập (9/1945).
- C. bản Quân lệnh số 1 (8/1945).
- D. hiệp định Giơ-ne-vơ (7/1954).

Câu 14. Một trong những tổ chức cách mạng được Nguyễn Ái Quốc thành lập trong thời gian hoạt động ở nước ngoài là

- A. hội Việt Nam cách mạng thanh niên (1925).
- B. Đông Dương Cộng sản liên đoàn (1929).
- C. mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (1941).

D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (1944).

Câu 15. Một trong công lao của Nguyễn Ái Quốc Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam là

- A. tìm ra con đường cứu nước.
- B. tán thành gia nhập Quốc tế III.
- C. thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
- D. đến tham dự tang lễ của Lênin.

Câu 16. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy phong trào yêu nước, phong trào công nhân phát triển trong những năm từ 1925 trở về sau là

- A. hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.
- B. quá trình đàn áp dã man của Pháp.
- C. cuộc khai thác thuộc địa lần hai.
- D. cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới.

Câu 17. Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc được trình bày đầu tiên trong tài liệu nào dưới đây?

- A. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.
- B. Bản án chế độ thực dân Pháp.
- C. Tác phẩm Đường Kách Mệnh.
- D. Cương lĩnh chính trị đầu tiên.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây **không** phải là đóng góp của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam đầu năm 1930?

- A. Người triệu tập và chủ trì Hội nghị.
- B. Thống nhất các tổ chức cộng sản.
- C. Soạn thảo ra Cương lĩnh chính trị.
- D. Là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.

Câu 19. Sự kiện đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam là

- A. gửi Bản yêu sách 8 điểm đến Hội nghị Véc-xai (6/1919).
- B. đọc Luận cương của Lê-nin in trên báo Nhân Đạo (7/1920).
- C. bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản (12/1920).
- D. sáng lập ra hội Việt Nam Cách mạng thanh niên (1921).

Câu 20. Vì sao tại Đại hội lần XVIII của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ Ba?

- A. bênh vực cho quyền lợi các nước thuộc địa.
- B. Quốc tế thứ Ba giúp nhân dân ta chống Pháp.
- C. Đã đề ra đường lối cho Cách mạng Việt Nam.
- D. Giúp đỡ vật chất cho Việt Nam giành độc lập.

Câu 21. "Lập ra đội chủ lực" là mục đích của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi chỉ thị thành lập tổ chức nào sau đây?

- A. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (1924).
- B. Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925).
- C. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (1944).
- D. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960).

Câu 22. Nội dung nào sau đây là một trong những mục đích các chuyến thăm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến các nước xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1954-1962

- A. Tranh thủ sự giúp đỡ, viện trợ.
- B. Xin tham gia vào khối Vác-sa-va.
- C. Lập ra liên minh để chống Mỹ
- D. Xin chuyển giao công nghệ cao.

Câu 23. Tháng 2-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Côn Minh (Trung Quốc) với mục đích nào sau đây?

- A. Đàm phán để quân Tưởng được giải giáp Nhật.
- B. Bắt liên lạc với Đảng Cộng sản Trung Quốc.
- C. Tìm kiếm sự viện trợ của lực lượng Đồng minh.
- D. Xin được tham gia sâu hơn vào khối Vác-sa-va

Câu 24. Một trong những nội dung Nguyễn Ái Quốc đã rút ra được trong quá trình hoạt động cách mạng ở nước ngoài (1911-1941) là

- A. phải xây dựng được nền kinh tế thị trường.
- B. chèn ép của các nước tư bản đối với Nga.
- C. phải giải phóng dân tộc ở chính quốc trước.
- D. bản chất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân.

Câu 25. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam (1945-1969)?

- A. Lãnh tụ tối cao của CM Việt Nam.
- B. Bí thư thứ nhất BCH TW
- C. Tổng Bí Thư đầu tiên của ĐCS
- D. Soạn thảo các bản Hiến pháp cho dân tộc.

Câu 26. Nội dung nào sau đây **không** phải là cống hiến to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1911-1930?

- A. Tìm ra con đường cứu nước.
- B. Thành lập Đảng Cộng sản.
- C. Truyền bá chủ nghĩa Mác.
- D. Đề ra đường lối kháng chiến.

Câu 27. Con đường tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì mới và khác so với con đường truyền thống của lớp người đi trước?

- A. Gửi yêu sách đòi Pháp thừa nhận các quyền dân tộc của Việt Nam.
- B. Tiếp thu nền văn minh phương Tây để giúp đất nước đến phú cường.
- C. Hướng về phương Tây, khảo sát thực tiễn, tìm hiểu cách mạng thế giới.
- D. Nhờ các nước phương Tây đào tạo lực lượng để chuẩn bị chống Pháp.

Câu 28. Yếu tố nào quyết định đến sự lựa chọn con đường cứu nước theo xu hướng vô sản của Nguyễn Ái Quốc cho dân tộc Việt Nam?

- A. Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- B. Con đường cứu nước theo khuynh hướng tư sản thất bại.
- C. Những tác động của thời đại và cuộc cách mạng vô sản.
- D. Do trí tuệ và nhân quan chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 29. Nhận định nào sau đây là đúng về sự kiện Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (1920),

- A. Đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm được con đường cứu nước.
- B. Tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.
- C. Thiết lập được quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với thế giới.
- D. Quyết định mang tính bước ngoặt về sự chuyển biến tư tưởng.

Câu 30. Nối cột A và cột B sao cho đúng với những ý nghĩa của những sự kiện quan trọng trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.

A	B
1. Ra đi tìm đường cứu nước	a. Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam
2. Gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam	b. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn
3. Đọc được luận cương	c. Tự lập trường yêu nước trở thành người cộng sản
4. Tham dự đại hội Tua	d. Rút ra kết luận Muốn cứu nước giải phóng dân tộc phải dựa vào sức mình là chính
5. Trở về nước	e. Tại Bến cảng Nhà Rồng

- A. 1e, 2d, 3b, 4c, 5a.
- B. 1d, 2e, 3b, 4c, 5a.
- C. 1e, 2d, 3a, 4c, 5b.
- D. 1a, 2d, 3b, 4e, 5c.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng tôi nức nủ to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”. (SGK-CD giáo khoa Lịch sử 12, tr90),

- a. Tư liệu trên đề cập đến sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc Luận cương của Lênin.
- b. Sự kiện trên, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.
- c. Nguyễn Ái Quốc đã hoàn chỉnh lý luận cách mạng giải phóng dân tộc tại Pháp.
- d. Sự kiện trên diễn ra khi Nguyễn Ái Quốc đang học tập và hoạt động tại Pháp.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Khi Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tua, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập, Rô- đơ - thư ký của Đại hội - hỏi lý do vì sao ủng hộ Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc trả lời dứt khoát: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn". (SGK-CD Lịch sử 12, tr 91).

- a. Tư liệu nói về sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội của Đảng Cộng sản Pháp.
- b. Với sự kiện trên, Nguyễn Ái Quốc từ người yêu nước đã trở thành người cộng sản.
- c. Mục tiêu cao nhất của Nguyễn Ái Quốc khi tham gia Quốc tế thứ Ba là gpdđ
- d. Sự kiện trên đã chấm dứt hành trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sách Đường Kách mệnh đang được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (Hà Nội) là cuốn sách gốc duy nhất còn lại đến nay. Sách tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc sử dụng để đào tạo những cán bộ đầu tiên cho cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925 - 1927. Năm 2012, sách Đường Kách mệnh được Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia. (SGK-CD Lịch sử 12, tr92).

- a. Đường Kách mệnh là tác phẩm thể hiện lý luận cách mạng giải phóng dân tộc.
- b. Tác phẩm này đã góp phần đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cán bộ cách mạng vô sản.
- c. Đường Kách mệnh đã xác định những vấn đề của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- d. Năm 2012, tác phẩm Đường Kách mệnh đã được tái bản và là bảo vật quốc gia.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCS Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã xác định những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của CM Việt Nam: làm cuộc "tư sản dân quyền cách mạng - giải phóng dân tộc và thổ địa cách mạng - cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản, lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân, lực lượng cách mạng là toàn dân tộc (nòng cốt công - nông). Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh là "Độc lập, tự do". (SGK-CD Lịch sử 12, tr93).

- a. Cương lĩnh chính trị được thông qua tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.
- b. Cương lĩnh đã xác định cách mạng Việt Nam sẽ trải qua ba giai đoạn chiến lược,
- c. Theo Cương lĩnh, lãnh đạo cách mạng sẽ là đội tiên phong của giai cấp công nhân.
- d. Độc lập, tự do, đi lên chủ nghĩa xã hội là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trong công tác chuẩn bị cho CMT8 năm 1945, Mặt trận Việt Minh ra đời và hoạt động có ý nghĩa to lớn: hiệu triệu nhân dân, thức tỉnh tinh thần dân tộc, tập hợp và đoàn kết các lực lượng trong xã hội vào thực hiện nhiệm vụ cứu nước, giải phóng dân tộc, - đẩy mạnh công tác chuẩn bị trực tiếp về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ - địa cách mạng. Mặt trận Việt Minh là tổ chức tập hợp lực lượng chính trị hùng hậu, đóng vai trò nòng cốt, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945," (SGK-CD Lịch sử 12, tr94).

- a. Mặt trận Việt Minh được thành lập tại Hội nghị BCHTW Đảng lần 8.
- b. Mặt trận Việt Minh là tổ chức lãnh đạo cao nhất của cách mạng Việt Nam.
- c. Mặt trận Việt Minh đã xây dựng lực lượng quyết định thắng lợi cách mạng.
- d. Sự thành lập Việt Minh còn nhằm phối hợp với các lực lượng Đồng minh.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"TÊN ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN nghĩa là Chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương. "(SGK-CD Lịch sử 12, tr95)

- a. Tư liệu nói về sự thành lập đội vũ trang đầu tiên của cách mạng Việt Nam.
- b. Đây được coi là tổ chức tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam sau này.
- c. Tổ chức này đóng vai trò quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.
- d. Chỉ huy của đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân là Võ Nguyên Giáp.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Khi tôn vinh Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa

Liên hợp quốc (UNESCO) ghi nhận Người là "biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội." (SGK-CTST Lịch sử 12, trang 96),

- Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh, UNESCO đã tôn vinh Người.
- Người được tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.
- Hồ Chí Minh có đóng góp cho tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa Liên hợp quốc.
- Hồ Chí Minh là danh nhân văn hóa duy nhất của Việt Nam được UNESCO vinh danh.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chúng tôi họp vào ngày mùng 6 - 1. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng. Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Các đại biểu phải tổ chức một Trung ương lâm thời gồm 7 ủy viên chính thức và 7 ủy viên dự khuyết. Các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2", (SGK-CTST Lịch sử 12, trang 100).

- Tư liệu trên đề cập đến sự kiện hội nghị hợp nhất các tổ chức CS đầu năm 1930.
- Sự kiện trên diễn ra tại Pác Bó - Cao Bằng và nhân vật tôi là lãnh tụ Ng.Ái Quốc.
- Hội nghị tiến hành hợp nhất hai tổ chức cộng sản, thành lập ĐCS Việt Nam.
- Ở hội nghị, BCHTW chính thức, Cương lĩnh chính trị được thông qua.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Ngày 28 - 01 - 1941, Nguyễn Ái Quốc cùng đồng chí Hoàng Văn Thụ và các đồng chí đi đón Người đã vượt qua mốc 108 (nay là cột mốc 675) biên giới Việt Nam - Trung Quốc, về đến Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Những ngày đầu về nước, Người ở tại nhà ông Lý Quốc Súng (Máy Lỳ), dân tộc Nùng, ở thôn Pác Bó - một cơ sở cách mạng. Ngày 08/02/1941, Người chuyển đến hang Cốc Bó ở thôn Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng để sống và làm việc". (SGK-CTST Lịch sử 12, trang 101)

- Tư liệu trên đề cập đến sự kiện Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm con đường cứu nước.
- Sự kiện trên đã đánh dấu hành trình trở về nước sau 30 năm của Nguyễn Ái Quốc.
- Sau sự kiện trên, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị BCHTW lần VIII.
- Sau sự kiện trên, CM Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chúng tôi, Chính phủ kháng chiến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tới cao cố vấn đoàn và Ủy viên kháng chiến hội, trước bàn thờ thiêng liêng của Tổ quốc, trước Quốc hội, thề xin cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền dân chủ cộng hòa Việt Nam, mang lại tự do hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ" (SGK-CTST Lịch sử 12, tr104).

- Tư liệu đề cập đến giai đoạn nhân dân Việt Nam KCC Pháp 1945 - 1954.
- Ngay sau CM, nhân dân Việt Nam đã đánh Pháp, kiên quyết không nhân nhượng.
- Tư liệu trên đã khẳng định quyết tâm KCC xâm lược của chính quyền mới.
- Để phát động cuộc KC toàn quốc, chính phủ liên hiệp kháng chiến đã thành lập.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nền Cộng hòa Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế...". (SGK-CTST Lịch sử 12 trang 106).

- Tư liệu đề cập đến vai trò, công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với CM Việt Nam.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo KCC Mỹ đến ngày thắng lợi cuối cùng.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh là một lãnh tụ vĩ đại của pt công nhân, cộng sản quốc tế.
- Sáng lập Đảng, xây dựng lực lượng C.trị, vũ trang, căn cứ địa là công lao của Người.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam vạch trần tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong bối cảnh mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nỗ lực dùng giải pháp ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của nước bạn, đóng góp vào việc khôi phục và tăng

cường sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của cách mạng Việt Nam". (SGK-KNTT Lịch sử 12, trang 103),

- Tư liệu đề cập vai trò của Hồ Chủ tịch trên mặt trận đấu tranh ngoại giao chống Mỹ.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xóa bỏ hoàn toàn mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc.
- Nét nổi bật về quan điểm ngoại giao của Hồ Chí Minh là đường lối độc lập, tự chủ.
- Chính sách ngoại giao có đóng góp quyết định đến thắng lợi KCC Mỹ.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trải qua gần 10 năm nghiên cứu, học tập, tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin đăng trên báo Nhân đạo. Luận cương đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường giành độc lập và tự do cho dân tộc Việt Nam là đi theo con đường cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12/1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp." (SGK-KNTT Lịch sử 12, tr95).

- Con đường đi tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là khảo sát, lựa chọn.
- Việc gia nhập Quốc tế Cộng sản của Nguyễn Ái Quốc là 1 lựa chọn ngẫu nhiên.
- Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường giải phóng dân tộc là cách mạng vô sản.
- Với sự kiện 12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn chỉnh lý luận giải phóng dân tộc.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tôn chỉ mục đích thành lập của Mặt trận Việt Minh là: "liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo, xu hướng C trị, đảng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn". Từ khi Mặt trận Việt Minh ra đời, "toàn bộ phong trào chống phát xít Pháp - Nhật của nhân dân ta mang tên là pt Việt Minh, cái tên tiêu biểu cho lòng yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc ta." (SGK-KNTT Lịch sử 12, tr 99).

- Mặt trận Việt Minh có mục tiêu cao nhất là giải phóng các dân tộc ở Đông Dương.
- Mặt trận Việt Minh xây dựng lực lượng chính trị to lớn cho Cách mạng tháng Tám.
- Mặt trận Việt Minh ra đời còn nhằm phối hợp với các lực lượng Đồng minh thế giới.
- Mặt trận Việt Minh chính là tổ chức lãnh đạo mọi thắng lợi của CM Việt Nam.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc họp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng 7... Giữa lúc công việc bận bịu như thế, Bác bỗng bị mệt... Lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tình hình: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". (SGK-KNTT Lịch sử 12, tr100)

- Tư liệu đề cập đến giai đoạn chuẩn bị khẩn trương cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.
- Hội nghị toàn quốc của Đảng đã thông qua quyết định phát động cao trào kháng Nhật.
- Tổng khởi nghĩa diễn ra trong thời cơ hết sức thuận lợi cả khách quan và chủ quan.
- "Thời cơ thuận lợi" ở đây chỉ sự kiện kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam ngã gục.

BÀI 16: DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Một trong những quốc gia ở châu Á đã dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. Ấn Độ. B. Nê-pan. C. Bru-nây. D. Miến Điện.

Câu 2. Một trong những quốc gia ở châu Âu đã dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. Ấn Độ. B. Cuba. C. Nga. D. Mỹ.

Câu 3. Một trong những quốc gia ở châu Mỹ đã dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. Canada. B. Cuba. C. Ecuador. D. Pê-ru.

Câu 4. Một trong những quốc gia có nhiều di tích gắn với các hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước (1911-1941) là

- A. Hàn Quốc. B. Canada. C. Pháp. D. Cu-ba.

Câu 5. Một trong những quốc gia mà trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước từ năm 1911-1920 không ghi dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. Mỹ. B. Anh. C. Nga. D. Pháp.

Câu 6. Năm 1976, thành phố nào sau đây được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh

- A. Sài Gòn - Gia Định. B. Hà-Nam-Ninh. C. Quảng Đà. D. Hậu Giang.

Câu 7. Trong cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh có "ham muốn tột bậc", đó là

- A. Việt Nam sẽ trở thành cường quốc số 1.
- B. vô sản các nước đoàn kết, đồng tâm lại.
- C. độc lập, tự do cho nhân dân Việt Nam
- D. không còn cuộc chiến tranh nào diễn ra

Câu 8. Dân tộc đã lấy họ của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm họ chung cho tất cả mọi người là

- A. Vân Kiều.
- B. Xơ Đăng
- C. Kơ-me
- D. Ba Na.

Câu 9. Trong những năm 1954 - 1969, một trong những nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Nam sau khi "đánh cho Mỹ cút", giang sơn thu về một mối là

- A. được miễn thuế nông nghiệp.
- B. được đón Bác vào thăm.
- C. được ra thăm lăng Bác.
- D. có một cuộc sống giàu có.

Câu 10. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (9-1969), nhân dân miền Nam đã làm gì để tưởng nhớ Người

- A. Tấn công chống chính quyền Diệm.
- B. Cử các đại biểu ra Bắc dâng hương.
- C. Xây dựng nhiều khu tưởng niệm.
- D. Nhân dân đã đồng loạt đi đưa tang

Câu 11. Một trong những di sản thiêng liêng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân Việt Nam là gì?

- A. Bản Di chúc của Người.
- B. Lời Kêu gọi kháng chiến.
- C. Lăng Hồ Chí Minh.
- D. Quảng trường Hồ Chí Minh.

Câu 12. Loài cây nào sau đây đã được nhân dân miền Nam đã kính dâng lên Chủ tịch Hồ Chí Minh

- A. Nhãn lồng.
- B. Cam canh.
- C. Vải thiều.
- D. Vú sữa.

Câu 13: ".... trong trái tim tôi". Từ còn thiếu trong dấu ... là

- A. miền Nam.
- B. miền Trung.
- C. nước Nga.
- D. các đồng chí.

Câu 14. Một trong những tác phẩm văn học đặc sắc viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. Rừng xà nu
- B. Búp sen xanh.
- C. Nhật ký trong tù
- D. Thuyền và Biển.

Câu 15. Năm 1987, tổ chức nào sau đây đã công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất?

- A. UNESCO.
- B. UNICEF
- C. ASEAN.
- D. NAFTA.

Câu 16. Vì sao trong quá trình hoạt động ở nước ngoài (1911-1941) Nguyễn Ái Quốc luôn nhận được sự trân trọng giúp đỡ của nhiều nhân vật uy tín, nổi tiếng trên thế giới?

- A. Nhân cách cao đẹp của Người.
- B. Quốc tế cộng sản đã can thiệp.
- C. Do đề nghị hỗ trợ của Liên Xô.
- D. Do nguyện vọng của nhân dân.

Câu 17. Vì sao chúng ta cần học tập đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh?

- A. Được thăng quan tiến chức.
- B. Tăng thu nhập và có địa vị
- C. Hoàn thiện bản thân mình.
- D. Để được kết nạp vào Đảng

Câu 18. Vì sao sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (1969) Đảng và Nhà nước Việt Nam quyết định xây dựng lăng?

- A. Nguyện vọng của nhân dân cả nước.
- B. Yêu cầu của giới trí thức trên thế giới.
- C. Sự chỉ đạo của Trung Quốc, Liên Xô.
- D. Thực hiện quyết định của UNESCO.

Câu 19. Vì sao rất nhiều trí thức, nhà khoa học sau khi được gặp Hồ Chủ tịch đã sẵn từ bỏ vinh hoa phú

quý cả đời dân thân vào con đường cách mạng đầy gian khổ?

- A. Dùng chức vụ, địa vị khi cách mạng thắng lợi để lôi kéo.
- B. Bác cho họ thấy được dân tộc, Tổ quốc là quan trọng nhất.
- C. Cuộc sống ở nước ngoài luôn bị mật thám theo dõi, quản lý.
- D. Điều kiện làm việc quá khó khăn sau Chiến tranh thế giới hai

Câu 20. Mục đích của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khi phát động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" là

- A. tăng khối đại đoàn kết với các lực lượng tiến bộ, dân chủ, hội chủ nghĩa.
- B. thể hiện được sự đoàn kết với các nước xã.
- C. tăng cường, củng cố quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
- D. phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Câu 21. Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" có tác dụng như thế nào đến đời sống chính trị - xã hội Việt Nam?

- A. Lan tỏa và mang lại những giá trị tích cực.
- B. Giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp trong nhân dân.
- C. Thay đổi cơ cấu dân cư theo vùng kinh tế.
- D. Ổn định cuộc sống cho nhân dân vùng cao.

Câu 22. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết văn, làm thơ với mục đích là

- A. trở thành văn, nhà thơ nổi tiếng.
- B. phục vụ nhân dân và cách mạng.
- C. để thu hút sự ủng hộ của quốc tế.
- D. đánh vào tâm lý giặc ngoại xâm.

Câu 23. Nội dung nào sau đây là điểm thuận lợi khi Đảng và Nhà nước quyết định xây lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Đất nước đã hoàn toàn giải phóng.
- B. Sự ủng hộ rất to lớn của nhân dân.
- C. Tất cả nguyên vật liệu đều có sẵn.
- D. Tổ chức ASEAN giúp đỡ công nghệ.

Câu 24. Những câu thơ sau đây thể hiện phong cách đạo đức nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

"Nhà gác đơn sơ một góc vườn

Gỗ thường mộc mạc chẳng mùi sơn Giường mây, chiếu cói, đơn chăn gối Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn".

(Trích "Thăm côi Bác xưa" - Tố Hữu)

- A. Thật thà
- B. Nhân nghĩa
- C. Giản dị
- D. Mạnh mẽ

Câu 25. Con đường nào sau đây được xem là biểu tượng cho khát vọng độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc Việt Nam?

- A. Đường Hồ Chí Minh trên biển.
- B. Đường sắt Cao tốc Bắc Nam.
- C. Đường sắt trên cao ở Hà Nội.
- D. Đường quốc phòng ven biển.

Câu 26. Tại sao trong quá trình hoạt động cách mạng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh liên tục thay đổi họ tên, bí danh?

- A. Tránh mật thám truy lùng.
- B. Cần viết nhiều loại hồ sơ.
- C. Quốc tế cộng sản yêu cầu.
- D. Tăng sự thu hút nhân dân.

Câu 27. Nhận định "Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng đúng hay sai? Vì Sao?

- A. Sai, vì tư tưởng Hồ Chí Minh đã không còn phù hợp với thực tiễn cách mạng.
- B. Đúng, vì tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng của lý luận cách mạng Việt Nam.
- C. Đúng, vì tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản vô giá đối với nhân dân Việt Nam.
- D. Sai, vì Đảng xem chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho mọi hành động.

Câu 28. Nhận định nào sau đây là đúng về vị trí của Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế?

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ lỗi lạc.
- B. Người lãnh đạo cao nhất của Quốc tế cộng sản.
- C. Hoạch định đường lối cho các dân tộc thuộc địa.
- D. Biểu tượng cho nền hòa bình an ninh của thế giới.

Câu 29. I. Gandi nhận xét Chủ tịch Hồ Chí Minh là “nhà lãnh đạo vĩ đại và kiên định”. Nhận định trên đúng hay sai? Vì sao?

- A. Đúng, vì cả cuộc đời của Người chỉ mong muốn đem lại hạnh phúc cho dân tộc.
- B. Sai, vì Bác đã có sự thay đổi từ lập trường yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản.
- C. Đúng, vì khi thành lập Đảng, Bác không thực hiện chỉ thị của Quốc tế cộng sản.
- D. Sai, vì Bác chỉ kiên định đối với nhân dân Việt Nam không quan tâm đến quốc tế.

Câu 30. Điểm chung của các ông Nguyễn Sơn, Nguyễn Hình, Trần Đại Nghĩa sau khi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh là đều

- A. cống hiến trọn cuộc đời mình cho đất nước.
- B. đã được thụ phong quân hàm cấp Đại tướng.
- C. trở thành lãnh đạo cao cấp trong Chính phủ.
- D. từ người yêu nước trở thành người cộng sản

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Côn-ca-ta - thủ phủ bang Tây Ben-gan Ấn Độ) là nơi Hồ Chí Minh đã hai lần dừng chân trong quá trình hoạt động cách mạng. Năm 1968, thành phố này là địa danh đầu tiên trên thế giới có đường phố mang tên Hồ Chí Minh, cũng là thành phố đầu tiên trên thế giới dựng tượng đồng Hồ Chí Minh, đặt tại Quảng trường KCT (1990), nằm ở giao lộ giữa đại lộ Hồ Chí Minh Sa-na-ri với đại lộ la-go-a-ha-lan Nê-ru - tên vị thủ tướng đầu tiên của nước này. Sau Ấn Độ, nhiều quốc gia trên thế giới cũng có những hoạt động nhằm lưu niệm và vinh danh Hồ Chí Minh."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 99).

- a. Tư liệu nói về dấu ấn và sự tôn vinh của nhân dân thế giới với Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- b. Ấn Độ là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều năm sinh sống, hoạt động cách mạng.
- c. Ấn Độ là quốc gia đầu tiên trên thế giới có một tuyến đường mang tên Hồ Chí Minh.
- d. Các quốc gia trên thế giới đều có tuyến đường, quảng trường mang tên Hồ Chí Minh.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: "Trong nửa sau thế kỷ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng, và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do. Từ đó là Việt Nam. Và có một cái tên đã luôn gắn liền với từ này - từ chỉ tên của một đất nước. Đó là Hồ Chí Minh."

Tư liệu 2: "Nhà thơ Xô viết O-xíp Man-đen-xtam lần đầu tiếp xúc với Hồ Chí Minh (1923) đã thuật lại. "Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một nền văn hóa, không phải là văn hóa châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa của tương lai... Qua phong thái thanh cao, tiếng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thời được ngày mai, thấy được viễn cảnh trời yên bể lặng của tình hữu ái toàn thế giới bao la như đại dương".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 100).

- a. Tư liệu ở nơi về sự ngưỡng mộ, tôn vinh của nhân dân thế giới với Việt Nam, Hồ Chí Minh.
- b. Tư liệu 2 khẳng định Nguyễn Ái Quốc là hiện thân của tình hữu ái đoàn kết quốc tế tốt đẹp
- c. Cuộc đấu tranh của Việt Nam ở thế kỷ XX đã trở thành biểu tượng và khát vọng độc lập.
- d. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng của dân tộc và là nhà văn hóa của tương lai.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Nhiều nước trên thế giới đã xây dựng công trình tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh những hình thức khác nhau: thủ đô Mát-xcơ-va, các thành phố U-li-a-nốp-xcơ, Xanh Pê- téc-bua và nhiều nơi khác ở Liên bang Nga có quảng trường, tượng đài, nhà lưu niệm... mang tên Hồ Chí Minh, thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) có Di tích lưu niệm Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh; thủ đô Mê-hi-cô (Mê-hi-cô) có tượng đài Hồ Chí Minh cùng dòng chữ "Tự do cho các dân tộc", thủ đô của các nước (Cu ba, Mô-dăm- bích, Ang-gô-la) và nhiều nơi khác có tượng đài hoặc đường phố mang tên Hồ Chí Minh. "

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 100).

- a. Tư liệu nói về sự ghi nhận của nhân dân thế giới với sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
- b. Tất cả các nước trên thế giới đều có công trình tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- c. Tại một số nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cho sự tự do của các dân tộc.
d. Công trình tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ xây dựng ở nơi Người hoạt động.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

Tư liệu 2: "Trên khắp cả nước, chính quyền và nhân dân các địa phương đã xây dựng nhiều công trình mang tên Hồ Chí Minh: bảo tàng, nhà lưu niệm, nhà truyền thống, quảng trường, tượng đài, khu di tích,... Nhiều cơ sở giáo dục, đào tạo (trường học, học viện), đường phố, mang tên Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cảnh điều, trang 104).

- a. Tư liệu 1 trích từ Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh.
b. Tư liệu 2 khẳng định Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc vĩ đại, danh nhân văn hóa thế giới.
c. Để vinh danh Hồ Chí Minh, nhiều nơi ở Việt Nam đã xây dựng công trình mang tên Người.
d. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kết tinh tinh thần, văn hóa, con người Việt Nam.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khởi công ngày 02/9/1973 và khánh thành ngày 29/8/1975 tại vị trí của lễ đài cũ giữa Quảng trường Ba Đình - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02/9/1945. Lăng có chiều cao 21,6 m, chiều rộng 41,2m. Ở mặt chính phía trên có dòng chữ: "CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH". Nhiều vật liệu xây dựng Lăng và khu vườn xung quanh với hơn 250 loài thực vật là do các địa phương đóng góp, thể hiện tấm lòng của nhân dân cả nước đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cảnh điều, trang 102).

- a. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được xây dựng khi Người còn sống, hoàn thành năm 1975.
b. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là địa điểm lưu giữ và bảo quản lâu dài thi hài của Người.
c. Để xây dựng Lăng, nhân dân cả nước phải đóng góp vật liệu, huy động nhiều nhân công.
d. Lăng đã thể hiện tấm lòng, sự ngưỡng mộ của nhân dân Việt Nam và quốc tế với Người.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa,... Hồ Chí Minh đã cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa. (Đại tướng Võ Nguyên Giáp)."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 108).

- a. Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn của nhân loại đã được UNESCO ghi danh.
b. Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Hồ Chí Minh là những sáng tác văn, thơ.
c. Góp phần xóa bỏ chế độ thuộc địa là một sự nghiệp văn hóa của Hồ Chí Minh.
d. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa người dân Việt Nam đến với văn hóa, văn minh.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nghị quyết số 240/18.6.5 ngày 20/11/1987 của UNESCO ghi nhận Hồ Chí Minh: “cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”; "kết tinh của truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 108).

- a. Tư liệu đã khẳng định những đánh giá của UNESCO đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.
b. UNESCO khẳng định Hồ Chí Minh là kết tinh của văn hóa truyền thống Việt Nam.
c. Hồ Chí Minh luôn muốn khẳng định bản sắc văn hóa của mình với các dân tộc khác.
d. Hồ Chí Minh là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và các thuộc địa.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Ở 22 quốc gia trên thế giới đã có 36 tượng, tượng đài Hồ Chí Minh; 6 bia tưởng niệm, 14 khu tưởng niệm, 5 trường học, 6 đại lộ, 7 con đường trên thế giới mang tên Hồ Chí Minh (15 nước thuộc các chế độ khác nhau ở nhiều châu lục như: Liên bang Nga, Pháp, Anh, Cu-ba, Thái Lan, Phi-líp-pin, Mông Cổ, Mê-hi-cô, Xri Lan-ca, Ma-da-ga-xca... đã dựng tượng đài Hồ Chí Minh).

Tư liệu 2: “Việt Nam ngày nay có hệ thống bảo tàng, khu di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thủ đô Hà Nội và trên nhiều địa phương. Cả nước có gần 700 di tích, nhà lưu niệm ở các tỉnh, thành, ghi dấu cuộc

đời và sự nghiệp của Người".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 10)

- Tư liệu 1 khẳng định các nước trên thế giới đều có tượng, tượng đài Hồ Chí Minh.
- Tư liệu 2 khẳng định tại các địa phương đều có bảo tàng, khu di tích Hồ Chí Minh.
- Không phân biệt chế độ chính trị, nhiều nước đã vinh danh, ghi nhận Hồ Chí Minh.
- Cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh được ghi dấu ở nhiều địa phương cả nước.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bài ca Hồ Chí Minh” (The Ballad of Ho Chi Minh) do nhạc sĩ người Anh Ewan Maccoll (1915 - 1989) sáng tác vào năm 1954. Ông từng chia sẻ: Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 07/5/1954 làm chấn động thế giới. Ngay đêm đó, trong Câu lạc bộ Lao động ở Luân Đôn (Anh), các đại biểu “Phong trào đòi tự do cho các thuộc địa” đã tổ chức một cuộc mít tinh để chào mừng thắng lợi. Rất ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên ông đã sáng tác ngay ca khúc. Năm 1967, bài hát này được biểu diễn tại Đại hội liên hoan quốc tế ca hát phản chiến tổ chức tại La Ha-ba-na (Cu-ba), sau đó được nhạc sĩ Phú Ân đặt lời tiếng Việt và trở thành bài ca đi cùng năm tháng ở Việt Nam ngày nay.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 111)

- Bài ca Hồ Chí Minh là một sáng tác của người nước ngoài về Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Bài hát này đã được phổ nhạc tiếng Việt và có tên mới là “Bài ca đi cùng năm tháng”.
- Bài ca Hồ Chí Minh thể hiện sự ngưỡng mộ của quốc tế với Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng của nhiều sáng tác văn học, nghệ thuật.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thế giới vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ hai nguyên nhân chủ yếu:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có đóng góp quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, nhân cách, lối sống... Những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh của truyền thống văn hóa Việt Nam và tinh hoa văn hóa của nhân loại.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cảnh điều, trang 102)

- Tư liệu khẳng định thế giới vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là có lý do xứng đáng.
- Hồ Chí Minh được vinh danh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa, giáo dục.
- Tư tưởng, lối sống, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh là một di sản lớn của Việt Nam.
- Việc thế giới vinh danh Hồ Chí Minh đến từ việc Việt Nam đã đánh thắng Pháp, Mỹ.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Sinh ra và hoạt động trong thế kỷ XX, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến và hy sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam, đặc biệt là trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ người dân Việt Nam học tập và noi theo, đồng thời để lại di sản lớn trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những giá trị về tư tưởng, văn hóa”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cảnh điều, trang 104)

- Tư liệu khẳng định tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Việt Nam
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải phóng dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Những giá trị về tư tưởng, văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh là di sản chung của nhân dân Việt Nam.
- Trong sự nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn người dân học tập tư tưởng và văn hóa của mình.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, nơi gìn giữ thi hài lãnh tụ Hồ Chí Minh (khởi công ngày 02/9/1973, khánh thành ngày 29/8/1975) tại trung tâm Quảng trường Ba Đình lịch sử ở Thủ đô Hà Nội, nơi ngày 02/9/1945, Người đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập”, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tư liệu 2: “Việt Nam ngày nay có hệ thống bảo tàng, khu di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thủ đô Hà Nội và trên nhiều địa phương. Cả nước có gần 700 di tích, nhà lưu niệm ở các tỉnh, thành, ghi dấu cuộc đời và sự nghiệp của Người.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 110, 111)

- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là địa điểm lưu giữ và bảo quản lâu dài thi hài của Người.
- Để xây dựng Lăng, nhân dân cả nước phải đóng góp vật liệu, huy động nhiều nhân công.

- c. Việt Nam là nơi có nhiều bảo tàng, di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh nhất trên thế giới.
d. Tư liệu 2 khẳng định các địa phương cả nước đều có bảo tàng, khu di tích Hồ Chí Minh.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sau khi đất nước thống nhất, năm 1976, Quốc hội khóa VI đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh. Trong nghị quyết về việc đặt tên, Quốc hội đã nêu rõ: "Xét rằng, nhân dân thành phố Sài Gòn - Gia Định luôn luôn tỏ lòng kính yêu vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và tha thiết với việc thành phố mang tên Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kế thừa, kết tinh, phát triển và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác, đưa đến sự ra đời của nhiều tác phẩm âm nhạc, thơ ca, kịch, nhiếp ảnh, hội họa, ở trong nước và trên thế giới.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 108).

- a. Thành phố Sài Gòn đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh theo ý nguyện của Hồ Chủ tịch.
b. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại.
c. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều sáng tác nghệ thuật ở trong nước và trên thế giới.
d. Những sáng tác nghệ thuật về cuộc đời, sự nghiệp Hồ Chí Minh đa dạng và phong phú.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Nhằm phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, tháng 11-2006, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 06/CT/TW, phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Cuộc vận động đã lan tỏa và mang lại hiệu quả tích cực trên nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội. Năm 2016, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Chỉ thị 05-CT/TW "về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được xác định gắn với quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 108).

- a. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là cuộc vận động lớn, tích cực.
b. Cuộc vận động trên nhằm thực hiện theo những ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
c. Cuộc vận động trên đã đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
d. Tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh là di sản văn hóa chung của nhân dân Việt Nam

.....HẾT.....

Bài 14

1.B	2.A	3.A	4.D	5.C	6.A	7.C	8.A	9.A	10. B	11. C	12. D
13. A	14. A	15. D	16. C	17. A	18. A	19. B	20. C	21. A	22. B	23. A	24. A
25. C	26. A	27. C	28. A	29. D	30. A	31.	32.	33.	34.	35.	36.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
.	.	.	.	.	.	.	.	.	0.	.	2.	3.	4.	5.
S	Đ	Đ	Đ	Đ	S	S	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ
S	S	S	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ
D	S	S	Đ	S	S	S	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ	S
Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ

Bài 15

1.D	2.A	3.B	4.A	5.D	6.C	7.A	8.C	9.A	10. D	11. C	12. B
13. A	14. C	15. B	16. B	17. A	18. A	19. C	20. A	21. A	22. A	23. B	24. A
25. C	26. C	27. A	28. D	29. A	30. A	31.	32.	33.	34.	35.	36.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
.	.	.	.	.	.	.	.	.	0.	.	2.	3.	4.	5.	6.
Đ	S	Đ	S	S	S	S	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ

S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	S	S	S	S	Đ	S	S	Đ	S	Đ
S	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S	S	S	Đ	S
Đ	S	S	Đ	S	S	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	S	S

Bài 16

1.A	2.B	3.C	4.C	5.D	6.B	7.A	8.B	9.A	10. B	11. A	12. B
13. B	14. A	15. A	16. A	17. C	18. D	19. B	20. A	21. C	22. A	23. C	24. D
25. A	26. D	27. C	28. D	29D	30. A	31.	32.	33.	34.	35.	36.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10.	11	12.	13.	14.	15.
.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
Đ	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ
S	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	S	Đ	S	S	S	S	Đ	S
S	S	S	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ
Đ	S	S	S	S	Đ	S	S	S	S	Đ	S	S	S	Đ